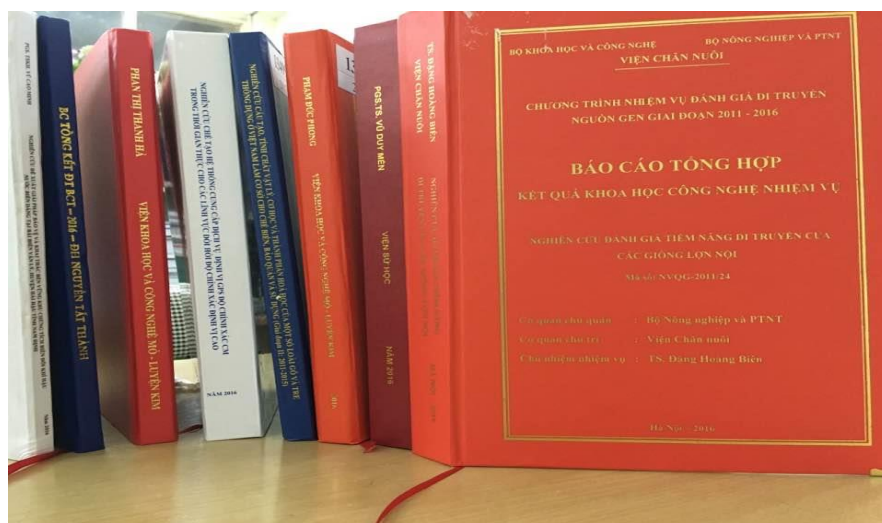


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 3
2021



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN

Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

<i>Danh mục các bảng tra</i>	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Danh mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	3
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
<u>Phụ lục</u> : Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	80

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**DANH MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	10
101. Toán học và Thống kê	11
10101. Toán học cơ bản	11
10102. Toán học ứng dụng	11
102. Khoa học máy tính và thống kê	12
10201. Khoa học máy tính	12
103. Vật lý	13
10304. Vật lý hạt nhân	13
10306. Quang học.....	13
104. Hóa học	14
10401. Hoá hữu cơ	14
10403. Hoá lý	14
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân).....	15
105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan	15
10501. Địa chất học.....	15
10505. Địa hóa học.....	16
10506. Địa lý tự nhiên.....	16
10508. Trắc địa học và bản đồ học	17
10511. Khí hậu học	17
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	18
106. Sinh học.....	18

10609. Di truyền học	18
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	19
201. Kỹ thuật dân dụng	21
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	21
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	21
202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin	22
20201. Kỹ thuật điện và điện tử	22
20202. Người máy và điều khiển tự động.....	23
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	24
20205. Viễn thông	26
203. Kỹ thuật cơ khí.....	26
20303. Chế tạo máy công cụ	26
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	27
20306. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy thủy lợi	28
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	28
204. Kỹ thuật hóa học	29
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)	29
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung	29
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ	30
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ	31
205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim.....	31
20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim	32
20507. Vật liệu xây dựng	32

20508. Vật liệu điện tử	32
20510. Gốm	33
20513. Gỗ, giấy, bột giấy	33
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp.....	33
206. Kỹ thuật y học	34
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	34
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh	34
207. Kỹ thuật môi trường.....	34
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	34
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	35
209. Công nghệ sinh học công nghiệp	36
20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men ...	36
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....	36
211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống	37
21101. Kỹ thuật thực phẩm	37
3. Khoa học y, dược	38
302. Y học lâm sàng	38
30213. Ghép mô, tạng	38
30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng.....	39
304. Dược học	39
30401. Dược lý học	39

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	39
30404. Hoá dược học	41
30405. Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất học (bao gồm cả độc chất học lâm sàng)	43
4. Khoa học nông nghiệp	44
401. Trồng trọt	48
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	49
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	50
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	51
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác	51
402. Chăn nuôi.....	52
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	52
404. Lâm nghiệp	53
40405. Giống cây rừng.....	53
40407. Bảo quản và chế biến lâm sản	53
405. Thủy sản.....	54
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	54
40504. Nuôi trồng thủy sản	54
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản	55
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác	56
406. Công nghệ sinh học nông nghiệp	56
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi; ..	56
499. Khoa học nông nghiệp khác.....	58
5. Khoa học xã hội	59
502. Kinh tế và kinh doanh	60

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	60
50202. Kinh doanh và quản lý	63
503. Khoa học giáo dục.....	66
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,	66
504. Xã hội học	67
50404. Dân tộc học.....	67
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	68
505. Pháp luật.....	69
50501. Luật học.....	69
506. Khoa học chính trị	71
50601. Khoa học chính trị.....	71
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	72
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	74
507. Địa lý kinh tế và xã hội.....	74
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	74
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	75
50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải.....	75
599. Khoa học xã hội khác.....	75
6. Khoa học nhân văn.....	76
601. Lịch sử và khảo cổ học	77
60103. Khảo cổ học và tiền sử	77
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.....	77

602. Ngôn ngữ học và văn học	78
60206. Nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác	78
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam	78
603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo	78
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ	78
Phụ lục.....	80

**THÔNG TIN THƯ MỤC VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP**

CHÚ GIẢI

① 74479.1-2020. ② Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hoà. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

1. Khoa học tự nhiên

77434. 03-2021 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Cá bớp Hòn Chuối - Cà Mau"**/ Ks. Trịnh Phương Linh, Ks. Trịnh Phương Linh; Cn. Bùi Trường Anh; Ks. Kiều Minh Tiếng; Ks. Bùi Nhật Phương; Tc. Trần Thu Anh; Ks. Nguyễn Chí Thành; Ts. Thái Trường Giang - Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm tỉnh Cà Mau, 2020 - 10/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đăng ký thành công và đạt được Giấy chứng nhận đăng ký NHCN "Cá bớp Hòn Chuối - Cà Mau". Xây dựng được 04 quy trình, quy chế quản lý việc sử dụng NHCN "Cá bớp Hòn Chuối - Cà Mau". Xây dựng mô hình quản lý NHCN và áp dụng thí điểm thành công trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-005

77435. 03-2021 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Chuối Xiêm sinh thái - Cà Mau"**/ ThS. Đinh Hùng Anh, ThS. Đinh Hùng Anh; Ts. Quách Văn Ân; Ks. Nguyễn Thị Mỹ; Ks. Nguyễn Trần Thức; ThS. Trần Giang Khuê; Ks. Nguyễn Văn Thi; Ks. Đỗ Thanh Dân; ThS. Dương Minh Thư; Ks. Nguyễn Duy Đô - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ tỉnh Cà Mau, 2019 - 07/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bảo hộ NHCN cho sản phẩm "Chuối Xiêm sinh thái - Cà Mau" nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, danh tiếng Chuối Xiêm Cà Mau, từ đó phát triển ngành hàng

chủ lực Chuối Cà Mau để góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trồng chuối và doanh nghiệp chế biến chuối ở tỉnh Cà Mau. Nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương về lĩnh vực SHTT.

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-006

77447. 03-2021 **Xây dựng bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận "Lúa sạch Thới Bình"**/ CN. Võ Đăng Phương Thảo, Cn. Võ Đăng Phương Thảo; PGS.TS. Lê Thị Nam Giang; Cn. Nguyễn Trần Hải Đăng; ThS. Bùi Thị Duyên; Cn. Nguyễn Hoàng Lâm; ThS. Hồ Hoàng Thi; Ks. Nguyễn Văn Lưu; Ks. Nguyễn Trần Thức - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2020 - 08/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực hiện đúng chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau về chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh. Xác lập thành công quyền sở hữu công nghiệp đối với NHCN "Lúa sạch Thới Bình". Nâng cao giá trị kinh tế và uy tín cho sản phẩm lúa sạch Thới Bình; đảm bảo về cơ sở pháp lý cho việc phát triển thương hiệu lúa sạch Thới Bình. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất và cung ứng sản phẩm; chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với NHCN "Lúa sạch Thới Bình". Nâng cao danh tiếng, uy tín và hình ảnh của huyện Thới Bình nói riêng và tỉnh Cà Mau nói chung.

Số hồ sơ lưu: CMU-2020-007

101. Toán học và Thống kê**10101. Toán học cơ bản**

77354. 03-2021 **Một số ứng dụng của phương pháp biến phân cho phương trình vi phân và phương trình đạo hàm riêng elliptic không tuyến tính/** TS. Nguyễn Thành Chung, PGS.TS. Hoàng Quốc Toàn - Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sự tồn tại và tính đa nghiệm cho các phương trình vi phân và phương trình đạo hàm riêng elliptic không tuyến tính. Các bài toán được nghiên cứu ở dạng bài toán không tuyến tính và biểu thức phi tuyến liên quan đến số mũ tới hạn. Bên cạnh đó, các bài toán elliptic kiểu Kirchhoff với các biểu thức tích phân kèm theo.

Số hồ sơ lưu: 17558

78119. 03-2021 **Giải tích phi tuyến và hệ động lực/** TS. Nguyễn Thành Long, PGS.TS. Lê Thị Phương Ngọc; GS.TSKH. Đỗ Công Khanh; TS. Trần Minh Thuyết; PGS.TS. Lê Xuân Trường; TS. Dương Đặng Xuân Thành; TS. Lê Khánh Luận - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2015 - 07/2013 - 07/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các bài toán biên phi tuyến cho phương trình sóng/hệ phương trình sóng phi tuyến, xác định sự tồn tại, tính duy nhất và các tính chất khác của nghiệm, khai triển tiệm cận của nghiệm bài toán nhiễu theo

nhiều tham số. Nghiên cứu một lớp bài toán biên loại 3 điểm với hiện tượng resonance trong không gian hữu hạn chiều, bằng cách áp dụng lý thuyết bậc coincidence. Nghiên cứu một lớp bài toán biên trong không gian Banach liên quan đến các bao hàm thức vi phân bậc không nguyên, trong đó có xuất hiện toán tử đạo hàm Riemann-Liouville bậc α và một ánh xạ đa trị với giá trị đóng. Nghiên cứu sự tồn tại nghiệm, sự tồn tại nghiệm ổn định tiệm cận và tính compact của tập nghiệm cho một số phương trình tích phân phi tuyến nhận giá trị trong không gian Banach tổng quát. Khảo sát bán kính ổn định hóa được, khoảng cách từ hệ đang xem xét đến tập các hệ không ổn định hóa được. Đánh giá bán kính ổn định hóa được của một hệ thống tuyến tính (A, B) , khi cả A và B hoặc chỉ có một trong số đó là bị nhiễu loạn.

Số hồ sơ lưu: 17893

10102. Toán học ứng dụng

72896. 03-2021 **Ứng dụng phương pháp phần tử hữu hạn nguyên tử trong tính toán ứng xử cơ học của vật liệu nano/** TS. Nguyễn Danh Trường, TS. Trần Đình Long; TS. Nguyễn Thái Tất Hoàn; ThS. Đặng Thị Hồng Vân - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp phần tử hữu hạn nguyên tử, ứng dụng nó trong mô phỏng tính toán ứng xử cơ học cho vật liệu ở cấp độ nguyên tử. Thiết lập mô hình vật liệu, tính toán ma trận độ cứng phần

từ hữu hạn. Xây dựng giải thuật, lập trình các chương trình mô phỏng trên phần mềm Matlab. Tổng hợp, viết và công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 16201

76152. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế và điều khiển mô hình bàn cách ly dao động tần số thấp**/ TS. Lê Thanh Danh, ThS. Nguyễn Ngọc Diệp; ThS. Nguyễn Ngọc Tuyền; ThS. Lê Duy Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2019 - 07/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan, phân tích ưu và nhược điểm của những mô hình cách ly truyền thống. Thiết kế mới một mô hình cơ cấu có độ cứng âm sao cho đơn giản và dễ ứng dụng trong thực tế, đồng thời thiết kế mới một mô hình bàn cách ly dao động tần số thấp. Phân tích sự ảnh hưởng của thông số cấu hình của mô hình bàn cách ly đến độ cứng động học và xây dựng đặc tính truyền dao động của mô hình thiết kế. Đánh giá hiệu quả cách ly dao động bằng thực nghiệm, thu thập dữ liệu và viết báo về mô hình bàn cách ly dao động tần số thấp, hiệu chỉnh mô hình được thiết kế ở trên thông qua việc thiết kế cơ cấu điều chỉnh và xây dựng thuật toán điều khiển để gia tăng hiệu quả cách ly của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 17028

76398. 03-2021 **Nghiên cứu nâng cao hiệu suất năng lượng của quá trình cắt gọt thông qua tối ưu hóa**/ TS. Nguyễn Trung Thành, PGS.TS. Đặng Xuân Phương;

PGS.TS. Phạm Quốc Hoàng; ThS. Đoàn Tất Khoa; ThS. Lê Xuân Hùng; ThS. Bùi Hữu Toán - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất một phương pháp nâng cao hiệu suất năng lượng của quá trình cắt gọt thông qua tối ưu hóa. Tối ưu hóa các thông số công nghệ để giảm thiểu năng lượng tiêu thụ của quá trình cắt gọt nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và năng suất gia công là nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó, các mô hình của hàm mục tiêu về năng lượng, năng suất, và chất lượng gia công sẽ được xây dựng thông qua một số kỹ thuật mô hình hóa có chính xác cao. Một số thuật toán tối ưu hóa tiên tiến sẽ được sử dụng để xác định thông số tối ưu và đánh giá hiệu quả của phương pháp đã đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 17249

102. Khoa học máy tính và thống kê

10201. Khoa học máy tính

77341. 03-2021 **Xây dựng hệ thống phân tích thực trạng dự báo xu hướng phát triển công nghệ từ nguồn dữ liệu sáng chế và phi sáng chế**/ TS. Nguyễn Việt Anh, TS. Nguyễn Trường Thắng; ThS. Vũ Thị Lan Anh; CN. Trần Thị Liễu; TS. Nguyễn Long Giang; ThS. Trần Huy Dương; ThS. Phạm Minh Tuyền; ThS. Nguyễn Tiến Thụy; ThS. Trần Thế Anh; ThS. Nguyễn Khắc Giáo; ThS. Trần Thị Loan; ThS. Hoàng Minh Quang; ThS. Nguyễn Hữu Hải; ThS. Nguyễn Thị Khánh Vân; ThS. Vũ Thị Nhạn; ThS. Nguyễn Thị Ánh

Phượng; ThS. Bùi Thị Thu; ThS. Trần Mạnh Đông; CN. Trần Thị Hoàng Anh; CN. Nguyễn Quang Huy; CN. Nguyễn Tường Lan; ThS. Nguyễn Anh Thơ; ThS. Đào Quang Toàn; ThS. Lã Chí Hiếu; ThS. Phạm Ngọc Minh; ThS. Đặng Mạnh Chính; CN. Trần Danh Minh Hoàng; ThS. Nguyễn Thế Hoàng Anh; ThS. Trần Đức Thắng; ThS. Trịnh Hiền Anh; ThS. Đỗ Văn Thiện; ThS. Trịnh Xuân Hùng; ThS. Hà Mạnh Toàn; ThS. Vũ Huy Hoàng Đô; ThS. Dương Thị Vân; CN. Khuất Thanh Sơn; ThS. Đỗ Mạnh Quân; CN. Nguyễn Văn Năng - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng công cụ thu thập và quản lý dữ liệu từ một số nguồn dữ liệu sáng chế và phi sáng chế ở Việt Nam và trên thế giới. Tiến hành xây dựng một hệ thống phần mềm phục vụ công tác tìm kiếm dữ liệu, bao gồm tìm kiếm toàn văn và tìm kiếm nâng cao từ nguồn dữ liệu trên đồng thời phân tích thực trạng công nghệ, hỗ trợ dự báo xu hướng phát triển công nghệ từ nguồn dữ liệu sáng chế và phi sáng chế.

Số hồ sơ lưu: 17554

103. Vật lý

10304. Vật lý hạt nhân

76479. 03-2021 Ứng dụng bức xạ hạt nhân và các phương pháp phân tích hạt nhân để tổng hợp màng ETFE ghép polystyrene sunpho hóa sử dụng cho pin nhiên liệu/ TS. Trần Duy Tập, TS. Trần Duy Tập; PGS.TS. Nguyễn Quốc Hiến; TS. Lưu Anh Tuyên; ThS. Đỗ Duy

Khiêm; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Phan Trọng Phúc - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 05/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và đưa ra quy trình tổng hợp màng dẫn proton bằng phương pháp ghép mạch polymer khơi mào bằng bức xạ gamma (pp chiếu xạ trước và chiếu xạ đồng thời) sau đó áp dụng các pp phủ bức xạ huỷ positron, phủ cộng hưởng từ hạt nhân, phủ nhiều xạ tia X, phương pháp tán xạ tia X góc nhỏ và siêu nhỏ để nghiên cứu và tối ưu mối liên hệ cấu trúc - tính chất của màng dẫn proton theo quy trình tổng hợp mẫu, theo mức độ ghép mạch bức xạ, và theo khả năng trao đổi ion khác nhau để sử dụng cho pin nhiên liệu xe hơi một cách khả thi, lâu dài và bền vững.

Số hồ sơ lưu: 17277

10306. Quang học

76240. 03-2021 Nghiên cứu phổ nhiễu xạ quang electron phát ra do laser xung cực ngắn và áp dụng cho trích xuất thông tin cấu trúc động lực phân tử/ GS. TSKH. Lê Văn Hoàng, TS. Hoàng Đỗ Ngọc Trâm; TS. Hoàng Văn Hưng; TS. Lê Thị Cẩm Tú; TS. Phan Thị Ngọc Loan; ThS. Lý Duy Nhất; CN. Lê Đại Nam; CN. Vũ Trần Đình Duy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm ra các hiệu ứng vật lý mới trong phổ nhiễu xạ quang electron phát ra do laser tương tác với phân tử

(LIED), từ đó xây dựng cơ chế trích xuất thông tin động lực phân tử từ phổ LIED. Cụ thể: xây dựng phương pháp ab initio tính toán số cho LIED và hoàn thiện phương pháp tính số HHG; tiếp tục nghiên cứu chi tiết hiệu ứng giao thoa electron trong phổ HHG; đồng thời tìm ra dấu hiệu giao thoa electron trong phổ HHG cho phân tử thẳng CO, CO₂, O₂, NO, N₂; trích xuất được thông tin cấu trúc động lực phân tử từ phổ LIED thực nghiệm với laser hồng ngoại 800 nm; chỉ ra vai trò của phân cực lõi phân tử trong phổ LIED cũng như trong HHG; đồng thời tách tiết diện tán xạ vi phân trong phổ LIED, HHG cho phân tử sử dụng laser, áp dụng cho việc trích xuất động phân tử.

Số hồ sơ lưu: 17101

104. Hóa học

10401. Hoá hữu cơ

74218. 03-2021 **Tổng hợp nanocomposit SiO₂-Polypyrol mang ức chế ăn mòn và nghiên cứu cơ chế hoạt động trong lớp phủ bảo vệ hữu cơ/** PGS. TS. Đinh Thị Mai Thanh, TS. Phạm Thị Năm; PGS. TS. Lê Xuân Quế; CN. Vũ Thị Hải Vân; ThS. Nguyễn Thị Thơm; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Thu Phương - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2019 - 03/2015 - 03/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp và nghiên cứu cấu trúc, tính chất của SiO₂-polypyrol và SiO₂-polypyrol mang ức chế ăn mòn không độc kích thước nano. Chế tạo các lớp phủ epoxy chứa nanocomposit SiO₂-polypyrol và SiO₂-polypyrol mang ức chế ăn mòn.

Đánh giá khả năng bảo vệ chống ăn mòn của lớp phủ và nghiên cứu xác định cơ chế hoạt động của nanocomposit SiO₂-polypyrol và SiO₂-polypyrol mang ức chế ăn mòn trong lớp phủ.

Số hồ sơ lưu: 16364

10403. Hoá lý

76471. 03-2021 **Nghiên cứu trạng thái bề mặt ô-xit/bán dẫn trong cấu trúc high-k/GaN(AlGaN) ứng dụng cho linh kiện điện tử tần số và công suất cao/** TS. Nguyễn Hoàng Thoan, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Trung; TS. Nguyễn Xuân Sáng; TS. Lưu Thị Lan Anh; ThS. Trịnh Minh Ngọc; ThS. Nguyễn Trung Đô; ThS. Phạm Văn Thắng; TS. Phạm Phi Hùng - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2020 - 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công cấu trúc MOS high-/GaN cho linh kiện MOS-HEMT GaN. Chế tạo thành công cấu trúc MOS high-/GaN/AlGaN cho linh kiện MOS-HEMT. Nghiên cứu tính chất vật lý trong lớp phân biên của các cấu trúc chuyển tiếp trên cơ sở bán dẫn GaN(AlGaN) với ô-xit có hằng số điện môi cao (gồm Al₂O₃, HfO₂...); Đưa ra các mô hình sai hỏng và làm rõ cơ chế hình thành các mức bẫy điện tử bề mặt tại phân biên bán dẫn/ô-xit; Tối ưu hóa quy trình công nghệ chế tạo linh kiện MOS high-/GaN(AlGaN). Chế tạo thử nghiệm linh kiện MOS-HEMT GaN(AlGaN) nhằm đánh giá ảnh hưởng của phân biên tới hoạt động của linh kiện này. Đưa ra cách thụ động hóa hiệu quả các trạng thái bẫy

bề mặt (sử dụng lớp thụ động hóa SiN, hoặc ủ nhiệt trong môi trường khí H₂) để nâng cao phẩm chất của linh kiện MOS và MOS-HEMT.

Số hồ sơ lưu: 17273

10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

76096. 03-2021 **Nghiên cứu điều chế chấm lượng tử trên cơ sở graphen, ứng dụng làm xúc tác cho pin nhiên liệu/ GS. TS. Vũ Thị Thu Hà, CN. Lâm Thị Tho; KS. Nguyễn Minh Đăng; ThS. Trần Thị Liên; ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Âu Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Vũ Tuấn Anh; CN. Lê Ngọc Trang; CN. Lê Yến Anh - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu quy trình điều chế chấm lượng tử graphen và điều chế xúc tác kim loại quý mang trên chất mang chấm lượng tử graphen. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá hoạt tính xúc tác và độ bền hoạt tính của xúc tác trong phản ứng oxi hóa điện hóa ethanol. Tiến hành thử nghiệm ứng dụng xúc tác trong chế tạo anode cho pin nhiên liệu sử dụng ethanol trực tiếp.

Số hồ sơ lưu: 16967

105. Các khoa học trái đất và môi trường liên quan

10501. Địa chất học

77010. 03-2021 **Áp dụng công nghệ đo địa chấn phản xạ 3D trên đất liền phục vụ nghiên cứu cấu**

trúc địa chất, điều tra đánh giá khoáng sản ẩn sâu/ ThS. Nguyễn Văn Sang, ThS. Nguyễn Quang Chiến; TS. Nguyễn Trường Lưu; TS. Nguyễn Duy Bình; ThS. Kiều Huỳnh Phương; ThS. Lại Ngọc Dũng; ThS. Đồng Văn Giáp; ThS. Bùi Minh Thành; ThS. Nguyễn Tuấn Trung; KS. Trần Thị Nhật Ký - Hà Nội - Liên đoàn Vật lý địa chất, 2020 - 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về địa chấn phản xạ 3D, đánh giá khả năng và điều kiện áp dụng trên đất liền. Xác định hệ phương pháp thu nổ địa chấn 3D hợp lý trên diện tích đo thử nghiệm. Dự thảo Quy định kỹ thuật đo địa chấn phản xạ 3D trên đất liền và đo thử nghiệm địa chấn 3D trên diện tích được lựa chọn, lập báo cáo kết quả thử nghiệm. Xử lý phân tích tài liệu địa chấn phản xạ 3D trên diện tích đo thử nghiệm. Tiến hành tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 17405

77372. 03-2021 **Nghiên cứu và triển khai chế tạo thử nghiệm thiết bị thăm dò địa điện đa cực/ ThS. Trần Vĩnh Thắng, TS. Nguyễn Đức Vinh; TS. Đỗ Trung Kiên; ThS. Giang Kiên Trung - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 01/2016 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá nhiều địa điện khu vực đô thị, vùng tần số thấp liên quan đến dải tần thường được sử dụng trong khảo sát địa điện. Trên cơ sở đó tiến hành triển khai chế tạo thử nghiệm thiết bị thăm dò điện đa cực có khả năng ứng dụng thực tiễn, khả năng

nhân bản, triển khai nhanh, xử lý số liệu tiên tiến trong điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17562

10505. Địa hóa học

76157. 03-2021 **Nghiên cứu hạn chế quá trình lan truyền của các hoá chất bảo vệ thực vật từ đất mặt ra môi trường nước sử dụng khoáng sét tự nhiên biến tính bởi oxit kim loại/** TS. Nguyễn Minh Phương, GS.TS. Nguyễn Văn Nội; PGS.TS. Nguyễn Đình Bảng; PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Trần Đình Trinh; ThS. Hoàng Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Minh Thư; TS. Hà Minh Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 02/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về vật liệu sét biến tính bởi oxit kim loại. Nghiên cứu tổng hợp vật liệu khoáng sét biến tính bởi một số oxit kim loại dưới dạng nanocomposit đồng thời nghiên cứu khả năng hấp phụ-xúc tác phân huỷ hoá chất bảo vệ thực vật của vật liệu, khả năng hạn chế sự rửa trôi hoá chất bảo vệ thực vật từ môi trường đất ra môi trường nước của vật liệu trong điều kiện thí nghiệm mô phỏng tương tự như điều kiện tự nhiên. Tìm hiểu khả năng thúc đẩy tốc độ chuyển hoá, phân huỷ hoá chất bảo vệ thực vật trong môi trường đất mặt trong điều kiện thí nghiệm mô phỏng tương tự như điều kiện tự nhiên.

Số hồ sơ lưu: 17017

10506. Địa lý tự nhiên

76229. 03-2021 **Nghiên cứu xử lý tro xỉ nhiệt điện sử dụng chất kết**

đính vô cơ không sử dụng xi măng thành vật liệu ứng dụng trong xây dựng, giao thông hoặc san lấp công trình/ PGS. TS. Trần Hồng Côn, TS. Phương Thảo; PGS. TS. Đỗ Quang Trung; PGS. TS. Đồng Kim Loan; TS. Hoàng Văn Hà; TS. Hà Minh Ngọc; ThS. Đoàn Văn Hương; TS. Lưu Thị Hồng; Kiều Anh Tuấn; Võ Thái An - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo chất kết dính vô cơ trên cơ sở các khoáng alumosilicat tự nhiên là cao lanh, fenspat và bentonit hoặc hỗn hợp các khoáng sét kết hợp với kiềm vôi hydrat, kiềm NaOH, natri silicat và hỗn hợp kiềm hoặc kiềm với Na silicat. Nghiên cứu sử dụng các chất kết dính vô cơ để hóa rắn (bê tông hóa) tro, xỉ nhiệt điện có hàm lượng than dư đến 20% và thử nghiệm với tro xỉ có hàm lượng thạch cao cao và tro xỉ nhiễm mặn. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế tạo chất kết dính, quá trình hóa rắn tro xỉ bằng chất kết dính chế tạo được và nghiên cứu loại trừ các yếu tố có thể gây tác động xấu đến môi trường trong sản xuất và sử dụng loại vật liệu chế tạo từ tro xỉ và chất kết dính vô cơ. Xây dựng các quy trình công nghệ chế tạo chất kết dính vô cơ không sử dụng xi măng OPC và quy trình chế tạo vật liệu bê tông polyme vô cơ. Chế tạo thử nghiệm 1.000 viên gạch không nung và 30 m² lớp lót đường giao thông từ tro xỉ nhiệt điện và chất kết dính vô cơ không sử dụng xi măng OPC. Nghiên cứu loại trừ các yếu tố có khả năng gây ô nhiễm môi trường thứ cấp trong sản xuất và sử dụng loại

vật liệu mới đề xuất của đề tài. Đánh giá công nghệ và đề xuất phương án sản xuất và phát triển thị trường của loại vật liệu mới này

Số hồ sơ lưu: 17104

10508. Trắc địa học và bản đồ học

76400. 03-2021 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại trong xây dựng mô hình quản lý biến động tài nguyên, hoàn thiện công cụ quản lý và nâng cao năng lực giám sát biến động sử dụng đất./ TS. Nguyễn Phi Sơn, ThS. Nguyễn Thanh Thủy; TS. Nghiêm Văn Tuấn; TS. Trần Tuấn Ngọc; TS. Đinh Hải Nam; TS. Đỗ Thị Phương Thảo; PGS. TS. Trần Quốc Bình; ThS. Nguyễn Văn Chiến; ThS. Trịnh Minh Tùng; KS. Đặng Xuân Thủy - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở khoa học, đề xuất mô hình quản lý biến động tài nguyên, xây dựng bộ công cụ kỹ thuật, quy trình công nghệ trong quản lý biến động tài nguyên theo các chỉ tiêu thống kê có tính chất độc lập, khách quan, chính xác và hiệu quả; Tích hợp các thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về tài nguyên, WebGIS, chiết tách từ ảnh viễn thám, phục vụ các hoạt động giám sát tài nguyên đất theo chuyên đề, giám sát định kỳ hay đột xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Sở Tài nguyên và Môi trường; xác định kịp thời các biến động tài nguyên đất đai; Xác lập được kênh giám sát hoạt động quản lý và sử dụng đất từ cộng đồng; Áp dụng thử nghiệm xây dựng

được mô hình, quy trình công nghệ quản lý biến động đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai; Chuyển giao kết quả nghiên cứu tới các địa phương phục vụ kiểm tra giám sát sử dụng đất.

Số hồ sơ lưu: 17215

10511. Khí hậu học

76668. 03-2021 Nghiên cứu khả năng đáp ứng của hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu/ TS. Mai Văn Khiêm, CN. Trần Tuấn Hoàng; PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Bảo Thạnh; TS. Nguyễn Siêu Nhân; KS. Nguyễn Thái Sơn; KS. Nguyễn Hoàng Anh Dũng; TS. Phạm Thanh Long; ThS. Trần Quang Minh; ThS. Nguyễn Duy Khang - TP. Hồ Chí Minh - Phân Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2019 - 08/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được các khả năng ứng phó của hệ thống thoát nước hiện hữu đối với sự gia tăng của mưa cực đoan (về cường độ và tần suất) trong bối cảnh biến đổi khí hậu nhằm từng bước giải quyết triệt để bài toán ngập lụt đô thị. Đánh giá diễn biến mưa trong thời gian gần đây dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sự xuất hiện của các giá trị mưa vượt tần suất thiết kế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng được thông số mưa thiết kế phục vụ quy hoạch và thiết kế hệ thống thoát nước trong tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu điển hình đánh giá khả năng thoát nước

cho Quận 1 trong điều kiện hiện tại và tương lai do tác động của biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng hiệu quả của hệ thống thoát nước đô thị bảo đảm tính bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: HCM-102-2020

77379. 03-2021 **Nghiên cứu các biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng của hạn hán do biến đổi khí hậu ở vùng ven biển Miền Trung/** ThS. Nguyễn Quốc Việt, TS. Phạm Anh Hùng; PGS.TSKH. Nguyễn Xuân Hải; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh; TS. Nguyễn Ngân Hà; ThS. Trần Thị Hồng; ThS. Lê Xuân Ánh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; TS. Hà Văn Nhân; PGS.TS. Dương Văn Khảm - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Quan trắc và Mô hình hóa Môi trường, 2019 - 12/2016 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tuyển chọn một số giống cây trồng phù hợp với điều kiện khô hạn của vùng ven biển miền Trung. Đề xuất giải pháp kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giảm thoát hơi nước, giữ ẩm cho đất trong quá trình canh tác vùng ven biển miền Trung và lựa chọn một số loại phân bón có tác dụng cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng và có khả năng giữ ẩm cho đất. Tiến hành xây dựng quy trình và mô hình quản lý cây trồng tổng hợp giảm tác hại của hạn hán tại vùng đất ven biển miền Trung, tăng hiệu quả kinh tế so sản xuất đại trà 10 - 15%.

Số hồ sơ lưu: 17571

10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước

76130. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng mô hình mô phỏng quan hệ động học giữa nước mặt và nước dưới đất phục vụ sử dụng hợp lý tài nguyên nước khu vực đô thị thành phố Hà Nội/** PGS.TS. Trần Thị Việt Nga, PGS.TS. Trần Thị Hiền Hoa; GS.TS. Trần Đức Hạ; TS. Phạm Tuấn Hùng; ThS. Dương Thu Hằng; ThS. Trần Hoài Sơn; TS. Phạm Duy Đông; ThS. Đỗ Chí Tâm; PGS.TS. Đặng Thanh Huyền; TS. Vũ Thanh Tâm - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2019 - 12/2012 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình mô phỏng sự tương tác nước mặt-nước dưới đất ở khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu xác định mức khai thác nước ngầm tối đa dựa trên độ sụt lún/độ hạ mực nước ngầm cho phép trong khu vực nghiên cứu. Tiến hành đánh giá và dự báo tác động của đô thị hóa (sự thay đổi sử dụng đất) lên dòng chảy bổ cập cho nước dưới đất. Xác định nhu cầu tiêu thụ nước bằng phương pháp phân tích vi thành phần tiêu thụ nước (micro-component analysis). Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán để mô phỏng và đánh giá cân bằng nước của hệ thống nước đô thị. Từ đó, đề xuất các giải pháp quản lý bền vững tài nguyên nước khu vực đô thị Hà nội, đáp ứng các nhu cầu phát triển và bảo vệ môi trường cho giai đoạn 2012-2030.

Số hồ sơ lưu: 17038

106. Sinh học

10609. Di truyền học

76159. 03-2021 **Giải trình tự và xây dựng hoàn chỉnh hệ gen**

người Việt Nam đầu tiên làm "trình tự tham chiếu" và bước đầu phân tích nhân chủng học tiến hóa người Việt Nam/ PGS.TS. Nông Văn Hải, TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Nguyễn Hải Hà; TS. Nguyễn Đăng Tôn; PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Huỳnh Thị Thu Huệ; TS. Kim Thị Phương Oanh; PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; TS. Võ Thị Bích Thủy; PGS.TS. Lương Chi Mai - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2020 - 07/2015 - 07/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giải trình tự toàn bộ hệ gen của một số gia đình (bố, mẹ và con) để lựa chọn trình tự tham chiếu (reference sequence) sơ bộ của người Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu, giải trình tự toàn bộ hệ gen ty thể và nghiên cứu đa hình nucleotide đơn trên vùng không trao đổi chéo của nhiễm sắc thể Y của >300 thuộc cá thể dân tộc của 5 nhóm ngôn ngữ sống tại Việt Nam qua đó xác định nguồn gốc các dân tộc, quan hệ phát sinh và nhân chủng học tiến hóa người Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17010

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

76140. 03-2021 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo khuôn dập bằng vật liệu composite ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất ngói/** TS. Ngô Hữu Mạnh, TS. Trần Hải Đăng; ThS. Mạc Văn Giang; ThS. Phùng Thị Mến - Hải Dương - Trường Đại học Sao Đỏ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ chế tạo khuôn dập, tính chất

khuôn dập ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất ngói. Nghiên cứu công nghệ chế tạo khuôn dập bằng vật liệu composite ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất ngói. Chế tạo khuôn dập bằng vật liệu composite và áp dụng thử nghiệm tại đơn vị sản xuất. Đánh giá hiệu quả và xây dựng phương án phát triển sản phẩm để chuyển giao kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp ứng dụng vào quá trình sản xuất. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng và các bài tập thực hành phục vụ công tác đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 17009

77612. 03-2021 **Ứng dụng thiết bị sấy bằng năng lượng mặt trời trong sấy nông sản ở tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)/** ThS. Huỳnh Kim Tước, KS. Vũ Ngọc Tú KS. Lê Văn Việt; ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Phú; ThS. Đặng Thị Luận; CN. Diệp Thế Cường; KS. Dương Minh Tuấn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - 05/2018 - 01/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 02 mô hình thí điểm ứng dụng năng lượng mặt trời cho 02 đối tượng nông sản (cơm nhãn, khoai lang) theo kiểu kết hợp bức xạ mặt trời và đối lưu không khí nóng với công suất nhiệt 5 - 10kW. Xây dựng tài liệu và tập huấn kỹ năng sử dụng thiết bị sấy nông sản bằng năng lượng mặt trời cho nông dân và cán bộ kỹ thuật. Đề xuất giải pháp phổ biến và nhân rộng mô hình ứng dụng thiết bị sấy nông sản bằng năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.001

77703. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế mô hình chạy động cơ dầu của hệ thống lạnh sử dụng nguồn Biogas/** Nguyễn Hoàng Dương, - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2019 - 03/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sử dụng nguồn biogas tại các trang trại chăn nuôi một cách có hiệu quả nhất ví đó là nguồn nhiên liệu rất lớn mà chi phí lại thấp hiện nay nguồn biogas được người dân sử dụng rộng rãi dùng để nung nấu, thay thế nhiên liệu xăng, dầu chạy máy phát điện tại các trang trại không chỉ thế còn dùng động cơ dầu chạy bằng nhiên liệu biogas để làm động cơ sơ cấp kéo máy nén hồ giữ lạnh thực phẩm sử dụng trong chăn nuôi, đây là mô hình vừa phục vụ để giảng dạy các môn lạnh cơ, lạnh trung tâm, giúp các em hiểu rõ hơn trực quan hơn về thiết bị lạnh, hệ thống lạnh, kho lạnh, động cơ dầu chạy bằng biogas, vừa ứng dụng vào đời sống thực tế tại các trang trại giúp bà con tận dụng nguồn biogas chạy động cơ tạo ra nhiệt độ lạnh bảo quản các thực phẩm dùng trong chăn nuôi, tiết kiệm nhiên liệu dầu cho bà con.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.003

77704. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế mô hình hệ thống phanh dầu có trợ lực trên ô tô/** ThS. Đào Trọng Cường, - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng nghề tỉnh Vĩnh Long, 2019 - 03/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hiện nay xe ô tô là phương tiện chủ yếu trong ngành giao thông vận

tải, vì vậy con người không ngừng nghiên cứu. Trong vài năm gần đây xe ô tô thường phát triển nhanh và ứng dụng các công nghệ mới nhằm phát triển nó ngày một hoàn thiện hơn để phục vụ nhu cầu của con người và lợi ích xã hội. Nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của học sinh sinh viên, tạo được sự hứng thú cho người học, đảm bảo chất lượng giảng dạy thì cần phải có nhiều yếu tố. Một trong những yếu tố không thể thiếu đó là mô hình dạy học.

Xuất phát từ những nhu cầu đó, chúng tôi đã mạnh dạn nghiên cứu và chế tạo mô hình hệ thống phanh dầu có trợ lực trên ô tô nhằm đáp ứng được nhu cầu về mô hình dạy học. Mô hình này sẽ đáp ứng và phục vụ được cho việc giảng dạy các môn học và mô đun liên quan đến hệ thống giảm ô tô. Mô hình còn nhằm phát triển và bổ sung mô hình mới cho xưởng thực tập sửa chữa ô tô, góp phần khuyến khích công tác nghiên cứu chế tạo mô hình thiết bị dạy học của đội ngũ giảng viên và học sinh sinh viên.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.004

77706. 03-2021 **Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính tích hợp nano Au, Au-Pd phục vụ xử lý khí thải độc hại môi trường/** ThS. Biên Công Trung, ThS. Lê Văn Kiên Nhân; PGS.TS. Nguyễn Quang Long - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 07/2019 - 02/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng hợp được vật liệu nano kim loại tích hợp trên than hoạt tính dạng hạt (kích thước hạt từ $0.5 \div 2$

mm) có độ bền cao, tái sử dụng lại được nhiều lần. Ngoài ra, vật liệu tổng hợp này có hoạt tính cao, phương pháp tổng hợp đơn giản, tiết kiệm chi phí tổng hợp. Vật liệu được ứng dụng để xử lý khí gây ô nhiễm môi trường VOCs đạt hiệu quả cao.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.006

201. Kỹ thuật dân dụng

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

76150. 03-2021 Nghiên cứu chế tạo sơn tín hiệu phản quang nhiệt dẻo, sử dụng làm vạch tín hiệu giao thông phù hợp với điều kiện môi trường Việt Nam/ TS. Phạm Hồng Chuyên, PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; TS. Lê Ngọc Lý; ThS. Lê Minh Đức; ThS. Ông Văn Hoàng; CN. Nguyễn Văn Cường; Nguyễn Thanh Hà; Trần Phúc Huy; Nguyễn Tiến Huy - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2019 - 04/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu chế tạo và sử dụng sơn tín hiệu phản quang nhiệt dẻo sử dụng làm vạch tín hiệu giao thông. Nghiên cứu thử nghiệm tại hiện trường, nghiên cứu công nghệ chế tạo sơn tín hiệu phản quang nhiệt dẻo có độ phản quang, độ bám dính, độ mài mòn đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8791 sửa đổi (tương đương tiêu chuẩn AASHTO M 249 – 12), thích hợp với các điều kiện môi trường khô và ẩm ướt của Việt Nam. Đánh giá kết quả nghiên cứu, hiệu quả kinh tế của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17029

76164. 03-2021 Nghiên cứu phương pháp đánh giá an toàn giao thông cho người đi xe đạp - Thí điểm ở thành phố Hà Nội/ ThS. Đỗ Hoàng Thạch, CN. Hoàng Việt Cường; CN. Phan Bảo Anh; ThS. Vương Xuân Cấn; CN. Nguyễn Hữu Sinh; CN. Phạm Thùy Dương - Hà Nội - Tạp chí Giao thông vận tải, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, tổng hợp các kinh nghiệm và thực tiễn trong và ngoài nước liên quan đến đánh giá an toàn giao thông và đảm bảo an toàn giao thông đối với người đi xe đạp, đồng thời tìm hiểu những vấn đề còn tồn tại. Tiến hành xây dựng phương pháp đánh giá an toàn giao thông dựa trên phân tích hành vi giao thông, kết hợp với phương pháp phân tích thứ bậc thông qua bộ tiêu chí đề xuất. Thực hiện thí điểm đánh giá an toàn giao thông cho giao thông xe đạp ở Hà Nội và đề xuất một số giải pháp cải thiện điều kiện an toàn giao thông cho người đi xe đạp.

Số hồ sơ lưu: 17015

20105. Kỹ thuật thủy lợi

76141. 03-2021 Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận/ ThS. Trần Văn Khang, KS. Trần Lập Kim; KS. Huỳnh Văn Hiếu; CN. Hàng Duy Khải; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Quảng Đức Thạch; TS. Nguyễn Đình Vượng; ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên; KS. Nguyễn Thị Ngân; CN. Tô Công Trục; CN. Võ Duy Thanh; ThS.

Nguyễn Bá Tiến - Ninh Thuận
- Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Ninh Thuận, 2019 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng sử dụng nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp tại Ninh Thuận. Tiếp nhận và hoàn thiện 06 quy trình công nghệ tưới tiết kiệm nước trên các đối tượng cây trồng. Tiến hành xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước (tưới phun mưa; tưới nhỏ giọt) cho cây rau màu, cho cây lâu năm và cây cỏ.

Số hồ sơ lưu: 17006

76668. 03-2021 **Nghiên cứu khả năng đáp ứng của hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu/** TS. Mai Văn Khiêm, CN. Trần Tuấn Hoàng; PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Bảo Thanh; TS. Nguyễn Siêu Nhân; KS. Nguyễn Thái Sơn; KS. Nguyễn Hoàng Anh Dũng; TS. Phạm Thanh Long; ThS. Trần Quang Minh; ThS. Nguyễn Duy Khang - TP. Hồ Chí Minh - Phân Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2019 - 08/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được các khả năng ứng phó của hệ thống thoát nước hiện hữu đối với sự gia tăng của mưa cực đoan (về cường độ và tần suất) trong bối cảnh biến đổi khí hậu nhằm từng bước giải quyết triệt để bài toán ngập lụt đô thị. Đánh giá diễn biến mưa trong thời gian gần đây dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sự xuất

hiện của các giá trị mưa vượt tần suất thiết kế trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng được thông số mưa thiết kế phục vụ quy hoạch và thiết kế hệ thống thoát nước trong tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu điển hình đánh giá khả năng thoát nước cho Quận 1 trong điều kiện hiện tại và tương lai do tác động của biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng hiệu quả của hệ thống thoát nước đô thị bảo đảm tính bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: HCM-102-2020

202. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

76174. 03-2021 **Nghiên cứu quy trình ứng dụng buồng môi trường và hệ thống thử nghiệm cao áp để đánh giá chất lượng chuỗi cách điện silicon cấp điện áp tới 220kV/** ThS. Hoàng Duy Hưng, TS. Nguyễn Hữu Kiên; ThS. Vũ Thanh Hải; ThS. Trương Khánh Điệp; ThS. Phạm Hùng; KS. Nguyễn Khánh Vinh, KS. Nguyễn Bá Đình - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Điện cao áp, Viện Năng lượng, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về cấu tạo, đặc tính, hệ số, tiêu chuẩn... của cách điện silicon. Nghiên cứu chuỗi cách điện silicon trong môi trường nhiệt đới và tiến hành tìm hiểu quy trình áp dụng buồng môi trường và hệ thống thử nghiệm cao áp đối với chuỗi cách điện silicon điện áp tới 220KV. Từ đó, đưa ra tiêu chí đánh giá chấp thuận đối với chuỗi cách điện silicon.

Số hồ sơ lưu: 17026

76177. 03-2021 **Nghiên cứu, chế tạo thiết bị hạn chế hiện tượng nhấp nháy điện áp (flicker) cho máy hàn hồ quang một pha/** ThS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Bùi Anh Tuấn; TS. Nguyễn Đăng Toàn; TS. Đinh Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Ngọc Văn; KS. Ngô Duy Đông - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2019 - 11/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chất lượng điện năng. Tìm hiểu những vấn đề chính về chất lượng điện năng của máy hàn hồ quang một pha tại trường Đại học Điện lực và đề xuất thiết bị hạn chế hiện tượng nhấp nháy điện áp. Nghiên cứu xây dựng phần mềm điều khiển thiết bị hạn chế nhấp nháy điện áp cho máy hàn hồ quang một pha, tiến hành thiết kế thiết bị hạn chế flicker cho máy hàn hồ quang một pha.

Số hồ sơ lưu: 17036

76178. 03-2021 **Nghiên cứu, chế tạo thiết bị nâng cao chất lượng điện năng tích hợp cho các nhà máy thép/** TS. Nguyễn Đăng Toàn, TS. Vũ Hoàng Giang; TS. Bùi Anh Tuấn; TS. Đinh Ngọc Quang; KS. Vũ Duy Đông; KS. Đinh Ngọc Trung - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2019 - 11/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chất lượng điện năng tới khả năng làm việc của các động cơ điện. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hệ số công suất trong các nhà máy từ đó đưa ra một số biện pháp nâng cao hệ số công suất, các phương pháp bù trong lưới điện hạ áp và các biện pháp hạn chế sóng hài.

Tiến hành nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị bù tích hợp, bù công suất phản kháng, điều chỉnh điện áp và hạn chế sóng hài. Từ đó, đề xuất chế tạo thiết bị lọc sóng hài kết hợp với bù công suất phản kháng.

Số hồ sơ lưu: 17035

76184. 03-2021 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị hạn chế quá trình quá độ trong đóng cắt thiết bị bù động trên lưới điện phân phối/** TS. Trần Thanh Sơn, TS. Trần Anh Tùng; TS. Đặng Thu Huyền; TS. Vũ Thị Thu Nga; TS. Nguyễn Đức Quang; TS. Phạm Mạnh Hải - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về tình hình bù công suất phản kháng và cấu trúc hệ thống bù công suất phản kháng trên lưới điện phân phối hạ áp tại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu lý thuyết về quá trình quá độ đóng cắt tụ bù. Mô phỏng, tính toán quá trình quá độ đóng cắt tụ bù đối với một số lưới điện phân phối hạ áp. Từ đó, đề xuất sơ đồ công nghệ và xây dựng bảng thông số kỹ thuật cho thiết bị và quy trình công nghệ chế tạo, tài liệu hướng dẫn vận hành và bản vẽ thiết kế.

Số hồ sơ lưu: 17040

20202. Người máy và điều khiển tự động

76183. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình robot vượt địa hình dò tìm khoáng sản và thu thập dữ liệu phục vụ công tác đào tạo./** TS. Trần Hữu Toàn, ThS. Nguyễn Hoàng Vũ; ThS. Nguyễn

Chánh Tín; ThS. Huỳnh Hà Nghiêm Trang; ThS. Lưu Mạnh Sơn; ThS. Tô Thị Mỹ Hồng; ThS. Trần Quang Thái; ThS. Chương Thiết Tú - TP. Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về lĩnh vực khai thác hầm mỏ ở nước ta, tìm hiểu lịch sử phát triển của robot di động. Tiến hành nghiên cứu, chế tạo và ứng dụng robot vượt địa hình dò tìm khoáng sản và thu thập dữ liệu tiến tới làm chủ công nghệ đối với loại robot vượt địa hình có khả năng tự động di chuyển và thu thập dữ liệu này. Từ những nghiên cứu trên làm cơ sở khoa học trong thiết kế các loại robot di động phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên chuyên ngành liên quan.

Số hồ sơ lưu: 17039

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

54876. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị nhúng kiểm soát trạng thái ngủ gật của lái xe/** TS. Nguyễn Minh Sơn, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm; TS. Nguyễn Thế Truyện; TS. Nguyễn Đình Uyên; KS. Hoàng Thị Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Ngọc Hoàng; KS. Nguyễn Văn Bình; KS. Trần Ngọc Thịnh; KS. Nguyễn Văn Chiến Thắng - TP Hồ Chí Minh - Phân viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa tại TP. Hồ Chí Minh, 2018 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, khảo sát một số thiết bị chống ngủ gật trong

nước và quốc tế đang có trên thị trường. Những biểu hiện cơ bản và rút trích đặc trưng cơ bản xác định trạng thái ngủ gật. Thiết kế tổng thể, phân tích các yêu cầu kỹ thuật, cấu hình và chức năng của thiết bị. Thiết kế phần cứng và phần mềm cảnh báo ngủ gật. Chế tạo phần cứng, cài đặt phần mềm và thực nghiệm với thiết bị cảnh báo ngủ gật được thiết kế, chế tạo. Đề xuất mô hình ứng dụng cho sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 14774

76099. 03-2021 **Nghiên cứu hiện trạng đề xuất giải pháp, chính sách phát triển hệ sinh thái nội dung số tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Việt Dũng, ThS. Tô Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thiên Nghĩa; KS. Lê Đức Hiệp; KS. Nguyễn Tiến Hưng; ThS. Nguyễn Việt Nga; ThS. Chu Hồng Trang; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Vũ Bảo Len; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Vụ Công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về nội dung số và sự cần thiết của hệ sinh thái nội dung số. Tìm hiểu, nắm rõ các hiện trạng và chính sách của ngành công nghiệp nội dung số và hệ sinh thái nội dung số Việt Nam. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và xu hướng phát triển hệ sinh thái nội dung số, từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách phù hợp để phát triển hệ sinh thái nội dung số Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16960

76736. 03-2021 **Phát triển hệ thống hỗ trợ tự động tạo biên bản**

cuộc họp sử dụng công nghệ nhận dạng tiếng nói/ PGS. TS. Vũ Hải Quân, Th.S. Cao Xuân Nam; NCS. Trịnh Quốc Sơn; NCS. Phạm Minh Nhựt; Th.S. Trần Minh Trường; Th.S. Lê Nguyễn Tường Nhi; CH. Đặng Thanh Tùng; CN. Phạm Thị Bích Lan; KS. Phạm Minh Trí - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống ghi nhật ký tiếng nói cho các cuộc họp, hay gọi tắt là hệ thống ghi biên bản cuộc họp (Meeting Diarization System). Hệ thống này hỗ trợ tự động phân đoạn, chuyên hóa dữ liệu âm thanh trong các cuộc họp thành văn bản để phục vụ cho việc rút trích nội dung, tìm kiếm và truy xuất thông tin về sau. Hệ thống không chỉ giúp người họp tự động ghi lại các thông tin chi tiết mà còn cho phép những người không thể tham dự cuộc họp có thể xem lại nội dung một cách dễ dàng, nhanh chóng và đầy đủ.

Số hồ sơ lưu: HCM-110-2020

78093. 03-2021 Nghiên cứu, chế tạo hệ đo gamma điều khiển và thu nhận tín hiệu bằng truyền phát không dây ứng dụng trong công nghiệp (soi thép)/ CN. Lại Viết Hải, CN. Vương Đức Phụng; Trần Minh Tiến; KS. Bùi Trọng Duy; CN. Đặng Quốc Triệu; KS. Nguyễn Thanh Châu - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chế tạo hệ đo gamma điều khiển và thu nhận tín hiệu bằng truyền phát không dây. Hệ đo gồm các khối điện tử như khối cao thế, khối khuếch đại, khối cắt ngưỡng, khối vi điều khiển và khối truyền phát không dây. Thí nghiệm khảo sát phổ gamma của nguồn ^{22}Na , ^{137}Cs và ^{60}Co được thực hiện với khoảng cách giữa hệ đo và điểm đo khoảng 230 m. Kết quả cho thấy bề rộng ở một nửa giá trị cực đại ứng với các đỉnh năng lượng lần lượt là $\text{FWHM}_{511\text{KeV}} = 10,48\%$, $\text{FWHM}_{662\text{KeV}} = 11,39\%$, $\text{FWHM}_{1173\text{KeV}} = 6,08\%$ và $\text{FWHM}_{1332\text{KeV}} = 6,21\%$. Kết quả khảo sát sự ổn định của hệ đo trong 8 giờ cho thấy độ trôi đỉnh năng lượng của nguồn ^{137}Cs là khoảng 18,70%. Thí nghiệm khảo sát mô hình tháp công nghiệp cũng cho kết quả tương đồng với kết quả của hệ đo Ludlum M2200.

Số hồ sơ lưu: 17884

78096. 03-2021 Nghiên cứu phát triển hệ thống thiết bị và phần mềm tự động dự báo, cảnh báo, xây dựng phương án chữa cháy và xác định nội dung chỉ huy chữa cháy rừng ở Việt Nam/ GS.TS. Vương Văn Quỳnh, Th.S. Trần Thị Trang; Th.S. Mai Hà An; TS. Lê Sỹ Doanh; TS. Phạm Văn Duẩn; Th.S. Nguyễn Văn Thi; TS. Bùi Xuân Dũng; CN. Nguyễn Danh Thanh Hải; Th.S. Khuất Duy Truyền; Th.S. Vương Thị Hà; CN. Nguyễn Phú Sơn - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo thiết bị tự động quan trắc 4 yếu tố khí tượng đáp ứng yêu cầu dự báo lửa rừng với giá không

quá 1/4 giá thiết bị cùng loại nhập từ nước ngoài. Xây dựng quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo lửa rừng, xác định phương án chữa cháy rừng. Xây dựng phần mềm dự báo, cảnh báo lửa rừng, phương án chữa cháy và nội dung chữa cháy rừng. Xây dựng mô hình trình diễn về hệ thống thiết bị và phần mềm tự động dự báo và cảnh báo lửa rừng, xác định phương án chữa cháy và nội dung chữa cháy rừng tại 3 vùng trọng điểm: Sa Pa - Lào Cai, Chư Pă - Gia Lai và Hải Vân - Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: 17883

20205. Viễn thông

76108. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình thí nghiệm đo lường và điều khiển trên thiết bị di động để phục vụ đào tạo/** ThS. Nguyễn Minh Quang, ThS. Nguyễn Kim Suyên; TS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Đào Văn Phụng; ThS. Nguyễn Tấn Thắng; ThS. Lâm Quang Chuyên - Hồ Chí Minh - Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo mô hình thí nghiệm đo lường và điều khiển trên thiết bị di động để phục vụ đào tạo. Thiết kế lập trình ứng dụng đo lường và điều khiển qua bluetooth, điều khiển qua GSM và điều khiển qua wifi. Tiến hành đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực lập trình, đo lường, điều khiển và giám sát qua mạng trên thiết bị di động.

Số hồ sơ lưu: 16964

203. Kỹ thuật cơ khí

76111. 03-2021 **Tăng cường năng lực cho Tổ chức kỹ thuật để được ủy quyền về đánh giá và chứng nhận nhân sự trong lĩnh vực kỹ thuật hàn của Viện hàn quốc tế (IIW) tại Việt Nam nhằm vượt qua các rào cản kỹ thuật trong lĩnh vực cơ khí chế tạo/** ThS. Lê Khánh Tường, KS. Đỗ Hải Tĩnh; ThS. Vũ Văn Mạnh; KS. Nguyễn Gia Vinh; CN. Lê Khánh Ly; ThS. Trịnh Anh Tuấn; CN. Đào Mạnh Dũng; CN. Lê Văn Sơn; CN. Lê Hồng Thuận; CN. Nguyễn Thu Hà; KS. Phạm Quỳnh Châu - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo và Chuyển giao công nghệ Việt - Đức, 2019 - 10/2014 - 06/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng Ban điều hành nhiệm vụ do Lãnh đạo Trung tâm làm trưởng ban. Tiên hành tổ chức nhóm nghiên cứu chuyên sâu, phối hợp cùng nghiên cứu, Thực hiện trao đổi thông tin, nghiên cứu, học tập tại một số nước đã trở thành Tổ chức được ủy quyền về đánh giá và chứng nhận nhân sự hàn (ANB) nhằm học hỏi kinh nghiệm xây dựng và áp dụng thành công mô hình ANB.

Số hồ sơ lưu: 16978

20303. Chế tạo máy công cụ

76478. 03-2021 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo vỏ khuôn đúc áp lực bằng gang cầu FCD500/** KS. Nguyễn Tiến Trình, KS. Nguyễn Vinh Ngọc; KS. Nguyễn Ngô Kiên; ThS. Nguyễn Đức Giáp; KS. Ngô Bảo Trung; KS. Phan Khắc Hùng; KS. Mai Văn Cương; KS. Nguyễn Văn Tâm -

Hà Nội - Viện công nghệ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về tình hình đúc áp lực tại Việt Nam. Khảo sát chế độ làm việc của bộ khuôn đúc áp lực trong điều kiện thực tế và đánh giá khả năng thay thế vật liệu FCD500 cho vật liệu thép C45 làm vỏ khuôn đúc áp lực. Lựa chọn sản phẩm 02 bộ vỏ khuôn HD28 và HD127 sử dụng vật liệu gang cầu FCD500. Tiến hành thu thập tài liệu làm cơ sở lý thuyết cho lựa chọn vật liệu thay thế vật liệu thép C45, thiết kế công nghệ và hiệu chỉnh tối ưu thiết kế công nghệ đúc cho sản phẩm. Tiến hành thu thập tài liệu tham khảo về công nghệ nhiệt luyện vật liệu FCD500 làm cơ sở lựa chọn chế độ nhiệt luyện cho sản phẩm đúc. Trên cơ sở lý thuyết thiết kế đúc, nhóm đề tài đưa ra các phương án đúc cho từng chi tiết và xây dựng bản vẽ 3D cho từng thiết kế công nghệ làm cơ sở dữ liệu cho mô phỏng đúc bằng phần mềm MAGMASOFT.

Số hồ sơ lưu: 17278

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

76149. 03-2021 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất máy tách màu phân loại gạo sử dụng công nghệ xử lý ảnh/ KS. La Thanh Hải, ThS. Trần Quang Tuyền; TS. Nguyễn Như Nam; ThS. Lê Thanh Sơn; KS. Dương Văn Minh Triệu; KS. Lê Hữu Duyên - Long An - Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo máy Long An, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu khảo sát một số loại máy tách màu gạo ở trong và ngoài nước. Tiến hành thiết kế, chế tạo mô đun cấp liệu, mô đun định hướng ổn định dòng gạo và mô đun quang học. Hoàn thiện thiết kế và chế tạo cơ cấu chấp hành phân loại và thi công chế tạo mạch điều khiển. Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo hệ cơ khí và xây dựng quy trình sản xuất để chế tạo thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17003

76735. 03-2021 **Thiết kế, chế tạo và ứng dụng xe phun thuốc trừ sâu điều khiển từ xa cho ruộng lúa/ TS. Trần Việt Thắng, - TP. Hồ Chí Minh - Phân Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá tại TP.HCM, 2019 - 12/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Thiết kế, chế tạo xe phun thuốc trừ sâu có khả năng tự hành với điều khiển từ xa, có tính năng kỹ thuật phù hợp với đồng ruộng Việt Nam như dễ vận chuyển, vận hành không làm nát lúa, sử dụng cho các kích cỡ ruộng lúa phổ biến ở đồng bằng sông Cửu Long, tiêu tốn ít năng lượng, giá thành rẻ. Máy được sử dụng cho các hộ nông dân hoặc cơ sở dịch vụ bảo vệ thực vật. Xe phun thuốc được thiết kế có chiều cao sàn xe 1m; có dàn phun 8/12 m có thể thay đổi để phun từ gốc tới ngọn lúa; sử dụng động cơ xăng 5,5/6,5 HP; chứa bình thuốc 60/120 lít, đầu bơm áp lực 1,8 HP; tốc độ xe 3-3 km/h; năng suất phun 2 ha/h; tiết diện bánh xe 50 mm; trọng lượng xe 80/110 kg; điều khiển từ xa tầm 250 m, theo công nghệ Zigbee/IEEE-802.15.4. Xe phun

thuộc đã được ứng dụng thử nghiệm trên ruộng lầy trồng lúa tại An Giang.

Số hồ sơ lưu: HCM-109-2020

77007. 03-2021 **Hoàn thiện công nghệ và thiết bị cơ giới hóa đồng bộ sản xuất mía tại các vùng chuyên canh/** ThS. Nguyễn Đức Thật, ThS. Trần Bằng Sơn; KS. Bùi Thanh Kỳ; CN. Nguyễn Văn Mai; TS. Đậu Thế Nhu; ThS. Lê Quyết Tiến; KS. Nguyễn Việt Long; ThS. Cao Đăng Đáng; CN. Nguyễn Văn Liêm; TS. Nguyễn Thế Công - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2019 - 12/2015 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình cơ giới hóa đồng bộ cho các khâu từ làm đất, trồng, chăm sóc đến thu hoạch. Hoàn thiện thiết kế chế tạo mọi số máy, thiết bị và đưa vào ứng dụng trong hệ thống cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng chuyên canh mía. Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ sản xuất mía quy mô 50ha đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế cho người trồng mía: tiết kiệm được 20 – 30% công lao động; Giảm 10 – 15% chi phí sản xuất; Giảm 10-15% tổn thất trong khâu thu hoạch so với sản xuất đại trà.

Số hồ sơ lưu: 17403

20306. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy thủy lợi

78094. 03-2021 **Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm hệ thiết bị từ trường cảm ứng để dò tìm vị trí dòng rò qua thân đập/** KS. Bùi Trọng Duy, KS. Nguyễn Hữu Quang;

CN. Huỳnh Thị Thu Hương; CN. Đặng Quốc Triệu; CN. Lại Viết Hải; CN. Vương Đức Phụng; CN. Lê Văn Sơn; KS. Đỗ Quang Minh; TS. Valery Korepanov; TS. Nguyễn Hồng Phan; CN. Tô Bá Cường - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý thuyết và các yêu cầu kỹ thuật để thiết kế máy phát dòng, thiết bị dò từ trường. Chế tạo máy phát dòng có tần số điều chỉnh chọn lọc từ 100 đến 500 Hz; công suất từ 0.8 đến 1.5kW; dòng phát điều chỉnh từ 0,1-1A. Chế tạo thiết bị đo từ trường bao gồm sensor và phần điện tử phía sau có độ nhạy 5nT/ Hz, màn hình hiển thị trực quan và bộ lưu trữ số liệu. Xây dựng phương pháp xử lý số liệu, khai thác các phần mềm xử lý số liệu. Thiết kế chế tạo mô hình vật lý 2D và 3D trong phòng thí nghiệm để thử nghiệm và đánh giá đặc trưng kỹ thuật của thiết bị. Tiến hành thử nghiệm tại hiện trường (đập Hàm Thuận hoặc đập Đa Mi hoặc đập Đơn Dương), kết hợp với kết quả đánh dấu.

Số hồ sơ lưu: 17887

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

76112. 03-2021 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị, công nghệ thi công đào giếng và trục tải giếng đứng ứng dụng cho mỏ than hầm lò Núi Béo/** TS. Trần Tú Ba, ThS. Đặng Hồng Thắng; TS. Lê Văn Công; ThS. Đoàn Ngọc Cảnh; ThS. Chu Quang Định; ThS. Nguyễn Văn Đức; ThS. Nguyễn Đình Thống; TS. Đào Hồng

Quảng; TS. Ngô Quốc Trung; ThS. Vũ Đình Mạnh; ThS. Phạm Trung Hải; ThS. Trần Ngô Huấn; KS. Vũ Tuấn Sử; ThS. Phạm Chân Chính - Hà Nội - Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, 2019 - 01/2013 - 06/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính toán, thiết kế kết cấu chống giếng đứng và công nghệ thi công đào chống giếng đứng mỏ than hầm lò Núi Béo. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo tháp giếng và hệ puly dẫn cáp của hệ thống trục tải giếng đứng mỏ than. Tiến hành thiết kế, chế tạo thùng cũ 2 sàn của hệ thống trục tải giếng đứng, hệ thống cấp dỡ tải tự động của hệ thống trục tải giếng chính và thiết kế, chế tạo cốt giếng của hệ thống trục tải giếng đứng mỏ than hầm lò Núi Béo.

Số hồ sơ lưu: 16968

204. Kỹ thuật hóa học

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

78092. 03-2021 Nghiên cứu sử dụng acid lactic để khử khoáng trong quá trình sản xuất chitin từ phế liệu tôm/ CN. Lê Thị Thanh Tâm, CN. Dương Thị Bích Chi; CN. Nguyễn Thị Kim Anh; CN. Phan Thị Luân; CN. Trần Trí Hải; KS. Nguyễn Hữu Quang; CN. Hoàng Tường Vi - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khử khoáng phế liệu

tôm bằng acid lactic công nghiệp và acid lactic tạo ra trong quá trình lên men mật rỉ đường sử dụng 3 chủng vi khuẩn Lactobacillus là Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus plantarum và Lactobacillus fermentum. Trong điều kiện lên men kỵ khí, với tỷ lệ nguyên liệu mật rỉ đường 15%, pH 6,00, tỷ lệ vi khuẩn bổ sung 10%, tiến hành lên men 50L mật rỉ đường ở 37°C trong 30h, Lactobacillus acidophilus tạo thành acid lactic có nồng độ cao nhất 16,7 g/L, hiệu suất lên men đạt 59%. Dịch lên men sau khi loại bỏ sinh khối vi khuẩn được sử dụng để khử khoáng phế liệu tôm với tỷ lệ nguyên liệu/dung dịch acid: 1/10 (w/v), nhiệt độ phòng trong 6h, hiệu suất khử khoáng đạt 96%. Khử khoáng bằng acid lactic có thời gian khử khoáng lâu hơn khử khoáng bằng HCl nhưng ít gây ô nhiễm môi trường, tiết kiệm chi phí, chitin thu được có thể dùng trong y học và thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17885

20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

78095. 03-2021 Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mẫu thiết bị kiểm tra ăn mòn đáy bồn chứa xăng dầu bằng phương pháp từ thông biến dạng/ CN. Đặng Quốc Triệu, CN. Vương Đức Phụng; KS. Bùi Trọng Duy; CN. Lại Viết Hải; Trần Minh Tiến; CN. Trần Trọng Hiệu - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu phát triển thử nghiệm mẫu thiết bị dò tìm khuyết tật

dưới đáy bồn MFL dựa trên các kết quả nghiên cứu trên thế giới nhằm nâng cao năng lực khảo sát ăn mòn trong các thiết bị công nghiệp cũng như nâng cao năng lực chuyên môn của nhóm điện tử, tự động hóa trong lĩnh vực từ trường và cảm biến từ. Chế tạo mẫu thiết bị MFL sử dụng nam châm vĩnh cửu và cảm biến Hall. Các thí nghiệm khảo sát cho thấy máy có thể phát hiện các khuyết tật ăn mòn lớn hơn 20% bề dày thành thép ở dải tốc độ quét từ 500mm/s đến 1130 mm/s.

Số hồ sơ lưu: 17886

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

76117. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn an toàn và yêu cầu quản lý về hàm lượng thủy ngân trong các thiết bị chiếu sáng/** ThS. Lê Việt Thắng, ThS. Lê Phương Thùy; CN. Nguyễn Thị Hà; TS. Trần Kim Liên; ThS. Văn Huy Vương; CN. Nguyễn Thị Ninh; ThS. Nguyễn Văn Kiên; CN. Nguyễn Thị Luân; ThS. Trần Nguyên Hanh - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá hiện trạng về hàm lượng thủy ngân trong thiết bị chiếu sáng. Nghiên cứu, đánh giá tổng quan về các yêu cầu kỹ thuật và biện pháp quản hàm lượng thủy ngân trong thiết bị chiếu sáng. Đề xuất các yêu cầu kỹ thuật, biện pháp quản chất lượng cũng như Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàm lượng thủy ngân trong thiết bị chiếu sáng.

Số hồ sơ lưu: 16971

76118. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng về Amoniac công nghiệp/** ThS. Nguyễn Thanh Loan, KS. Đặng Văn Thực; TS. Nguyễn Chí Thanh; ThS. Trần Nguyên Hanh; KS. Nguyễn Hưng Thuận; ThS. Nguyễn Thị Thêu; ThS. Bùi Thế Cường; CN. Phạm Lê Hoàng; ThS. Nguyễn Văn Kiên - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh và sử dụng đối với amoniac sử dụng trong công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng giới hạn của đặc tính kỹ thuật và đề xuất các giải pháp quản lý đối với việc sử dụng amoniac. Tiến hành xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng sản phẩm amoniac công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 16972

76119. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng mức giới hạn về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng đối với natri hydroxit (xút) công nghiệp/** ThS. Bùi Thế Cường, KS. Đặng Văn Thực; TS. Nguyễn Chí Thanh; ThS. Nguyễn Thị Khánh Hằng; ThS. Nguyễn Văn Kiên; CN. Nguyễn Thị Thanh Nga; CN. Nguyễn Thị Ninh; ThS. Nguyễn Thanh Loan; TS. Trần Kim Liên - Hà Nội - Cục Hóa chất, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, thu thập số liệu về hiện trạng sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, sử dụng và lưu thông đối với xút công nghiệp. Tiến hành đánh giá hiện trạng và xây dựng mức giới hạn

của đặc tính kỹ thuật. Đề xuất dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng natri hydroxit (xút) công nghiệp và các biện pháp quản lý đối với xút công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 16973

77352. 03-2021 Nghiên cứu công nghệ thu hồi các nguyên tố có ích trong xỉ đúc đồng thau/ ThS. Nguyễn Hồng Quân, TS. Đỗ Hồng Nga; ThS. Đinh Quang Hưng; ThS. Quán Văn Dũng; KS. Kiều Quang Phúc; CN. Kim Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thị Việt - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về xỉ nấu, đúc đồng thau, các công nghệ thu hồi kim loại từ xỉ đồng thau và tìm hiểu cơ sở hóa lý các quá trình xử lý thu hồi đồng, kẽm từ xỉ đúc đồng thau bằng phương pháp thủy luyện. Tiến hành xây dựng quy trình công nghệ thu hồi kẽm, đồng trong xỉ đúc đồng thau.

Số hồ sơ lưu: 17560

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

76676. 03-2021 Chế tạo xúc tác CuO mang trên nền vật liệu được tổng hợp từ bùn đỏ và tro trấu để xử lý benzene, toluene và xylene trong pha khí/ KS. Nguyễn Thanh Tịnh, TS. Đoàn Văn Thuận; ThS. Nguyễn Thị Thùy Vân; TS. Nguyễn Trí; PGS. TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng hợp hệ xúc tác CuO mang trên vật liệu được tổng hợp từ bùn đỏ và tro trấu (ký hiệu là ZRM) bằng phương pháp tâm có bổ sung tiền chất urê với tỉ lệ mol urea/nitrate khác nhau. Tổng hợp hệ xúc tác CuO/ZRM biến tính CeO₂ bằng phương pháp tâm có bổ sung tiền chất urê với tỉ lệ mol urea/nitrate và hàm lượng CeO₂ phù hợp và được nung ở điều kiện khác nhau. Khảo sát hoạt tính các xúc tác trong phản ứng oxy hóa sâu xylene (điển hình là p-xylene). Khảo sát hoạt tính xúc tác tốt nhất trong phản ứng oxy hóa sâu toluene và benzene. Khảo sát độ bền xúc tác tốt nhất trong phản ứng oxy hóa BTX có sự ảnh hưởng của hơi nước và hơi nước + SO₂.

Số hồ sơ lưu: HCM-105-2020

205. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim

77353. 03-2021 Nghiên cứu cải tiến lò than hóa khí thông dụng thành lò có nhiệt độ và áp suất lớn đáp ứng yêu cầu đặc thù sản xuất sắt xộp/ ThS. Đặng Văn Mẫn, TS. Nguyễn Ngọc Quý; TS. Nguyễn Khắc Bằng; TS. Nguyễn Trung Tiến; KS. Nguyễn Thọ Hải; Nông Hoàng Váng; Nguyễn Quỳnh Anh; CN. Nguyễn Văn Thanh; CN. Cao Thọ Thắng; KS. Đinh Văn Đức - Hà Nội - Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam, 2019 - 11/2014 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu khảo sát, thực nghiệm động lực học hệ thống lò than hóa khí nguyên thủy, từ đó thiết kế chế tạo lò than hóa khí cải tiến. Xây dựng các quy trình công nghệ vận hành lò than hóa khí cải tiến và thiết

kế, chế tạo hệ thống cảnh báo khí độc và phòng cháy nổ. Tiến hành nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống lọc bụi và bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 17557

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim

77345. 03-2021 Nghiên cứu công nghệ chế tạo thép hợp kim thấp độ bền cao, mác 30CrMnSi từ sắt xốp bằng lò điện/ PGS.TS. Nguyễn Trường An, ThS. Nguyễn Quốc Việt; PGS.TS. Đinh Bá Trụ; TS. Đinh Văn Hiến; TS. Trần Công Thúc; KS. Phan Thanh Bình; KS. Trần Văn Đoàn; TS. Lại Đăng Giang; TS. Hoàng Minh Thuận; ThS. Nguyễn Mạnh Tiến - Hà Nội - Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam, 2019 - 11/2014 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thuộc tính công nghệ của sắt xốp đồng thời nghiên cứu công nghệ luyện 30CrMnSi bằng nguyên liệu chính từ sắt xốp. Nghiên cứu công nghệ hợp kim hóa và tinh luyện thép trong lò VIM 300. Thiết lập quy trình công nghệ đúc đứng chân không phối thép 30CrMnSi, lọc gạt xỉ, chống lõm co. Tiến hành đánh giá chất lượng thép thành phẩm (thép NC), thử nghiệm chất lượng thép NC mác 30CrMnSi, xác định các chỉ tiêu thành phần hóa học, tổ chức và tính chất của nó. Từ đó, chế tạo đĩa ma sát từ thép NC, kiểm tra tính một số chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 17556

20507. Vật liệu xây dựng

76162. 03-2021 Nghiên cứu sản xuất men tạo hiệu ứng "hạt đường" sử dụng trong sản xuất gạch ốp, lát/ ThS. Mai Văn Dương, KS. Nguyễn Thị Ty; KS. Nguyễn Thu Hà - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về gạch ốp lát, tiến hành khảo sát, lựa chọn nguyên liệu. Nghiên cứu đơn phối liệu frit hạt đường và quy trình tạo frit đồng thời nghiên cứu thành phần hạt tạo đơn men hạt đường. Từ đó tiến hành sản xuất thử nghiệm tại nhà máy và đánh giá chất lượng. Đề xuất quy trình công nghệ sản xuất men tạo hiệu ứng hạt đường và chế thử 20kg frit men hạt đường đạt tiêu chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 17013

20508. Vật liệu điện tử

74232. 03-2021 Đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và khả năng phát triển công nghệ trong một số lĩnh vực sản xuất vật liệu và linh kiện điện tử bán dẫn/ PGS. TS. Phương Đình Tâm, PGS. TS. Phương Đình Tâm; PGS. TS. Lê Anh Tuấn; TS. Vũ Ngọc Phan; TS. Nguyễn Đức Hoàng; TS. Đoàn Quảng Trị; TS. Nguyễn Xuân Sáng; TS. Cao Xuân Thắng; ThS. Đỗ Huy Lập; ThS. Đỗ Nam Bình; TS. Phạm Hùng Vượng - Hà Nội - Viện Tiên tiến Khoa học và Công nghệ (AIST), 2019 - 09/2015 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng danh mục công nghệ liên quan đến công nghệ sản xuất vật liệu và linh kiện điện tử bán dẫn; Đánh giá thực trạng công nghệ

công lĩnh vực sản xuất vật liệu và linh kiện điện tử bán dẫn; Đánh giá nhu cầu đổi mới công nghệ, đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ cho một số sản phẩm trong lĩnh vực sản xuất vật liệu điện tử bán dẫn. Đánh giá thực trạng công nghệ và khả năng phát triển công nghệ trong lĩnh vực vật liệu và linh kiện điện tử bán dẫn. Từ đó, đề xuất lộ trình phát triển công nghệ trong lĩnh vực này nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp các vật liệu và linh kiện điện tử cho các doanh nghiệp điện tử trong nước, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp điện tử, giảm giá thành nhập khẩu vật liệu và linh kiện, tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước.

Số hồ sơ lưu: 16369

20510. Gốm

76163. 03-2021 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất tấm gốm làm đầu đốt hồng ngoại/** KS. Nguyễn Văn Duy, KS. Trần Thị Nga; KS. Bùi Trường Chinh - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về truyền nhiệt về đầu đốt và đầu đốt hồng ngoại, tổng quan các hệ vật liệu gốm bên nhiệt, phương pháp tạo hình và kết khối sản phẩm. Tiến hành phân tích thành phần hóa học, thành phần khoáng vật bằng phương pháp quang phổ so màu và phương pháp nhiễu xạ tia Ron-ghen (XRD). Từ đó đề xuất xây dựng quy trình công nghệ sản xuất tấm gốm làm đầu đốt hồng ngoại.

Số hồ sơ lưu: 17014

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

77381. 03-2021 **Nghiên cứu tạo giá thể ruột bầu cho sản xuất cây giống nguyên liệu giấy/** ThS. Nguyễn Đức Thế, ThS. Hoàng Minh Đức; KS. Phạm Văn Hưng; ThS. Tạ Văn Thảo; ThS. Trần Hữu Chiến; KTV. Nguyễn Quốc Việt; KTV. Lê Thị Mai Hường - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. Tìm hiểu ảnh hưởng của loại giá thể ruột bầu đến sinh trưởng của cây giống bạch đàn và keo đồng thời nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm sinh học đến khả năng phân giải cellulose giá thể hữu cơ. Ảnh hưởng của cường độ nén, của liều lượng phân NPK... Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, bước đầu đã xác định thành phần ruột bầu thích hợp cho cây nguyên liệu giấy đạt tỷ lệ sống $\geq 85\%$ là loại giá thể gồm 50% vỏ keo + 45% trấu + 5% than bùn.

Số hồ sơ lưu: 17572

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

77049. 03-2021 **Nghiên cứu quản lý màu trong sản phẩm in chất lượng cao và đề xuất ứng dụng trong thực tế/** ThS. Phạm Thị Phương Anh, ThS. Vũ Kết Đoàn ThS. Vũ Kết Đoàn; ThS. Giang Văn Khuyên; ThS. Đỗ Đức Cường; KS. Phan Hữu Tâm; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KS. Vũ Hồng Tuyên - Hà Nội - Trường Cao đẳng Công nghiệp In, 2019 - 06/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các cơ sở lý luận về việc quản lý màu trong quá trình in. Phân tích, đánh giá việc sai màu của sản phẩm in màu trong quá trình in dựa vào các tiêu chuẩn Fogra, Gracal, Swop, din và tiêu chuẩn iso (12647). Từ đó đề xuất phương án quản lý màu một cách phù hợp và hiệu quả nhất.

Số hồ sơ lưu: 17001

206. Kỹ thuật y học

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

76145. 03-2021 **Nghiên cứu thiết kế thiết bị đo thông minh có khả năng nhận dạng tín hiệu điện tim ECG/ TS.** Đỗ Văn Đình, ThS. Đoàn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Tiến Phúc; ThS. Vũ Quang Ngọc - Hải Dương - Trường Đại học Sao Đỏ, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tín hiệu điện tim ECG, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thu thập tín hiệu điện tim. Nghiên cứu các phương pháp đo tín hiệu điện tim, tiền xử lý và trích chọn đặc tính tín hiệu điện tim. Tiến hành thử nghiệm nhận dạng tín hiệu điện tim trên 2 bộ cơ sở dữ liệu mẫu MIT-BIH và MGH/MF có độ chính xác > 96,5 %. Thiết kế, chế tạo thiết bị đo và xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng và các bài tập thực hành, thực nghiệm phục vụ công tác đào tạo của nhà trường.

Số hồ sơ lưu: 17027

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

76582. 03-2021 **Xây dựng công cụ hỗ trợ trích xuất tự động khối u não từ ảnh MRI/** ThS. Trần Anh

Tuấn, Phạm Thế Bảo; Trần Anh Tuấn - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - 07/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Các bệnh liên quan đến hệ thần kinh là những bệnh nghiêm trọng và có thể dẫn đến đau nhức vùng đầu và nhiều triệu chứng khác. Ảnh cộng hưởng từ (MRI) là loại ảnh y khoa được tạo từ phương pháp chụp cộng hưởng từ để chẩn đoán các bệnh liên quan đến hệ thần kinh thường được sử dụng để nghiên cứu các bệnh này. Việc trích xuất các khối u não từ ảnh chụp ảnh cộng hưởng từ não 3D đóng vai trò quan trọng trong chẩn đoán các khối u thần kinh. Đề xuất để phân đoạn khối u não là trích xuất vùng não bên trong ảnh MRI 3D (tiền xử lý). Sau đó sẽ tiến hành phân đoạn khối u bên trong não.

Số hồ sơ lưu: HCM-091-2020

207. Kỹ thuật môi trường

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

76584. 03-2021 **Chuyển hóa khí hiệu ứng nhà kính CH₄ và CO₂ thành khí tổng hợp trên nền xúc tác Ni/SBA - 15/** ThS. Phan Hồng Phương, TS. Đào Thị Kim Thoa; CN. Nguyễn Thị Hạnh; GS. TSKH. Lưu Cẩm Lộc - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều chế thành công chất mang SBA-15 bằng phương pháp sol-gel và các xúc tác Ni/SBA-15 sử dụng cho phản ứng ireforming cũng được điều

ché thành công bằng phương pháp tẩm. Hàm lượng NiO có ảnh hưởng lớn đến tính chất và hoạt tính của xúc tác Ni/SBA-15. Mẫu chất xúc tác NiO/SBA-15 với tỉ lệ hàm lượng 40% NiO trên chất mang SBA-15 có hoạt tính cao hơn các xúc tác còn lại. Sự hiện diện của MgO và NH₄OH trong xúc tác biến tính giúp tăng độ chuyển hóa CH₄ do khả năng hỗ trợ phân tán tâm NiO, đóng vai trò là tâm base Lewis giúp hấp phụ hóa học khí CO₂ tốt hơn, tạo điều kiện chuyển hóa CO₂ thành CO tốt hơn.

Số hồ sơ lưu: HCM-092-2020

78127. 03-2021 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao khả năng lưu giữ và khai thác hiệu quả tài nguyên nước mặt phục vụ phát triển bền vững khu vực Tây Nguyên/ GS.TS. Nguyễn Vũ Việt, ThS. Phạm Thị Hoài; TS. Đặng Hoàng Thanh; PGS.TS. Nguyễn Thanh Bằng; ThS. Trần Quốc Hiệp; PGS.TS. Đoàn Doãn Tuấn; ThS. Trần Hùng; ThS. Trần Thiết Hùng; ThS. Bùi Mạnh Bằng; ThS. Nguyễn Huy Vượng - Hà Nội - Viện Khoa học và Thủy lợi Việt Nam, 2020 - 12/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đánh giá hiện trạng quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước mặt vùng Tây Nguyên. Đánh giá tài nguyên nước mặt trong điều kiện biến đổi khí hậu và tình hình phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên. Nghiên cứu giải pháp khoa học và công nghệ tạo nguồn lưu giữ tài nguyên nước mặt, khai thác hiệu quả, bền vững khu vực Tây Nguyên. Xây dựng mô hình thử nghiệm trình diễn công nghệ lưu giữ và sử dụng hiệu quả tài nguyên

nước mặt. Thiết lập ngân hàng dữ liệu về các công trình lưu trữ nước phục vụ quy hoạch khai thác tài nguyên nước mặt.

Số hồ sơ lưu: 17897

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

74229. 03-2021 **Nghiên cứu, thiết kế thiết bị pha khuấy keo tụ sử dụng trong các nhà máy sàng tuyển than/ KS. Nguyễn Nhật Linh, CN. Trần Hà Thương; ThS. Đỗ Ngọc Minh; ThS. Dương Tiến Thành - Hà Nội - Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin, 2019 - 11/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu, khảo sát, phân tích, làm rõ nguyên lý hoạt động, kiểu dáng, cấu tạo và đặc tính kỹ thuật, đánh giá ưu và nhược điểm của các thiết bị pha khuấy keo tụ trong quy trình công nghệ sàng tuyển than. Lựa chọn thiết bị pha khuấy keo tụ phù hợp sau khi đã phân tích cụ thể. Tính toán, thiết kế thiết bị pha khuấy keo tụ dựa theo mẫu thiết bị đã được lựa chọn. Lập quy trình gia công một số chi tiết chính.

Số hồ sơ lưu: 16376

76087. 03-2021 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị tự động hàn cầu máng cào, ứng dụng trong công nghiệp khai thác than/ ThS. Ngô Xuân Cường, KS. Ngô Văn Dũng; PGS.TS. Lê Thu Quý; TS. Hoàng Văn Châu; ThS. Lục Văn Thương; ThS. Ngô Trọng Bình; ThS. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Lê Đăng Thắng; ThS. Kiều Đăng Trường; ThS. Nguyễn Anh Dũng - Hà Nội**

- Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Hàn và Xử lý bề mặt, 2019 - 10/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính toán tính toán, thiết kế và công nghệ chế tạo hệ thống thiết bị tự động hàn cầu máng cào, năng suất 80 sản phẩm/ca. Xây dựng bộ tài liệu thiết kế và cơ sở dữ liệu chế độ công nghệ hàn tự động trong việc chế tạo cầu máng cào và thiết lập quy trình công nghệ hàn tự động đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn Việt Nam. Tiến hành ứng dụng và đưa vào chạy thử nghiệm thiết bị để hàn chế tạo chi tiết cầu máng cào tại cơ sở sản xuất. Đa dạng hóa được sản phẩm hàn cầu máng cào có khoảng cách đường hàn từ 320mm đến 630mm, chiều dài từ 1200mm đến 1500mm.

Số hồ sơ lưu: 16965

209. Công nghệ sinh học công nghiệp

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men

76252. 03-2021 Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất than sinh học chất lượng cao và giấm gỗ sinh học từ nguyên liệu gỗ rừng trồng (bạch đàn và keo)/ KS. Võ Chí Hiếu, CN. Võ Tuấn Toàn; CN. Võ Tấn Toàn; ThS. Trần Tiến Dũng; CN. Lê Văn Thiện; CN. Nguyễn Công Danh; KS. Nguyễn Văn Phước; ThS. Nguyễn Đình Tráng - Bình Định - Công ty Cổ phần Phân bón và Dịch

vụ Tổng hợp Bình Định, 2019 - 09/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất than sinh học chất lượng cao phục vụ xuất khẩu (quy mô 60 lò, công suất 2.000 tấn than sinh học chất 4 lượng cao/năm). Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất giấm gỗ sinh học từ khí thải của quá trình sản xuất than sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững (công suất lít giấm gỗ sinh học/năm). Đánh giá hiệu quả của giấm gỗ đối với cây trồng (khả năng BVTV sinh học, kích thích tăng trưởng thực vật, làm lành các vết thương thực vật và cải tạo đất trồng).

Số hồ sơ lưu: 17118

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

76245. 03-2021 Mô hình hóa và mô phỏng đa qui mô quá trình đốt cháy các phân tử nhiên liệu sinh học thế hệ mới/ PGS. TS. Huỳnh Kim Lâm, TS. Phạm Hồ Mỹ Phương; ThS. Mai Văn Thanh Tâm; ThS. Lê Thanh Xuân; ThS. Nguyễn Thanh Hiếu; CN. Dương Văn Minh; CN. Nguyễn Thùy Dung Thi; CN. Hồ Hoàng Thọ - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2020 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhiên liệu sinh học thế hệ mới là đối tượng rất được quan tâm trong vài năm gần đây, liên quan đến vai trò đặc biệt của chúng trong quá trình đốt cháy. Các dẫn xuất họ furan và các hợp chất liên quan (Gamma-Valerolactone và Methyl/Ethyl Levulinate) đã và đang được sử dụng là mô hình hiệu dụng để nghiên cứu nhiên liệu sinh học thế hệ mới được sản xuất từ thành phần cellulose/hemicellulose của sinh khối. Đề xuất xây dựng mô hình động học chi tiết và sử dụng mô hình này để mô phỏng cho quá trình nhiệt phân và quá trình oxi hóa các dẫn xuất họ furan để từ đó đánh giá vai trò, tính năng của các loại nhiên liệu này cũng như đưa ra được các điều kiện hoạt động tối ưu.

Số hồ sơ lưu: 17100

78097. 03-2021 **Nghiên cứu mối quan hệ giữa chức năng, cấu trúc và hoạt tính sinh học của lectin liên kết high-mannose từ rong đỏ ở Việt Nam/** TS. Lê Đình Hùng, TS. Lê Đình Hùng; ThS. Ngô Thị Duy Ngọc; ThS. Võ Thị Diệu Trang; ThS. Đinh Thành Trung; CN. Lê Thị Hoa; CN. Trần Văn Huynh - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, 2020 - 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp nuôi trồng và thu hoạch rong đỏ carrageenophyte để tăng hàm lượng lectin trong mô. Thiết lập phương pháp tinh chế các lectin hoạt tính. Đánh giá hoạt tính kháng virus của lectin và cơ chế liên kết. Thử nghiệm tạo tinh thể và xác định cấu trúc nguyên tử của lectin bằng nhiễu xạ tia

X. Xác định mô hình liên kết carbohydrate của lectin bằng quang phổ cộng hưởng từ hạt nhân (NMR).

Số hồ sơ lưu: 17889

211. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống

21101. Kỹ thuật thực phẩm

76396. 03-2021 **Khai thác và phát triển nguồn gen vi khuẩn và nấm men nhằm tạo chế phẩm probiotic/** PGS. TS. Dương Văn Hợp, TS.Đào Thị Lương; TS.Hoàng Văn Vinh; ThS.Trịnh Thị Vân Anh; ThS.Hoàng Văn Thái; ThS.Trần Thị Lệ Quyên; ThS.Tuấn Hoàng Việt; ThS.Nguyễn Thị Anh Đào; ThS.Ngô Thị Vân; TS.Bạch Quốc Thắng - Hà Nội - Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, 2020 - 12/2015 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khai thác hiệu quả nguồn gen nấm men và vi khuẩn của Bảo tàng giống chuẩn vi sinh vật (VTCC) nhằm tạo chế phẩm probiotic ứng dụng trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Phát triển được sản phẩm probiotic cho thực phẩm chức năng và cho chăn nuôi với tiêu chuẩn chất lượng tương đương với sản phẩm nhập ngoại có giá thành cạnh tranh là khâu quan trọng để thương mại hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước. Từng bước tham gia thị phần của sản phẩm là bước quan trọng trong hạn chế sử dụng ngoại tệ, nhập siêu quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 17247

77340. 03-2021 **Nghiên cứu phát triển và ứng dụng hệ thiết bị đo pH/đo hô hấp và thiết bị đo khả**

năng sinh khí metan từ chất thải công nghiệp chế biến thực phẩm/ GS.TS. Phạm Hùng Việt, PGS.TS. Dương Hồng Anh; ThS. Nguyễn Thanh Đàm; ThS. Nguyễn Mạnh Huy; ThS. Nguyễn Thúy Ngọc; ThS. Phùng Thị Vĩ; CN. Trương Thị Kim; ThS. Đào Việt Nga; GS.TS. Jean-Luc Vassel; PGS.TS. Lê Hùng Anh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, chế tạo thiết bị tự động đo đồng thời, liên tục hai thông số BOD và pH (gọi là thiết bị đo BOD-pH), chế tạo thiết bị đo BMP vận hành đơn giản nhưng có khả năng xác định đồng thời thể tích metan và biogas cũng như xác định được tỉ lệ CH₄/CO₂ (gọi là thiết bị đo BMP). Tiến hành ứng dụng thiết bị đo BMP để xác định được những nguồn thải có tiềm năng trong việc sản xuất metan và thu hồi năng lượng.

Số hồ sơ lưu: 17555

3. Khoa học y, dược

76151. 03-2021 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán, dự phòng một số bệnh truyền nhiễm ở địa bàn trọng điểm/** GS.TS. Nguyễn Trọng Chính, PGS.TS. Nguyễn Văn Ba; PGS.TS. Đào Quang Minh; ThS. Trần Thanh Tú; PGS.TS. Đặng Việt Dũng; TS. Hồ Hữu Thọ; TS. Nguyễn Văn Chuyên; ThS. Nguyễn Đình Ứng; ThS. Đỗ Thị Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Vũ Sơn - Hà Nội - Học viện Quân y, 2019 - 11/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định đặc điểm dịch tễ học, yếu tố nguy cơ bệnh sốt mò, bệnh do liên cầu khuẩn lợn, nhiễm khuẩn do não mô cầu, bệnh do Leptospira tại địa bàn trọng điểm. Xây dựng quy trình chế tạo các bộ sinh phẩm phát hiện *O. tsutsugamushi*, *Streptococcus suis*, não mô cầu và *Leptospira* quy mô phòng thí nghiệm. Đánh giá hiệu quả sàng lọc, phát hiện, chẩn đoán các bệnh sốt mò, bệnh do liên cầu khuẩn lợn, nhiễm khuẩn do não mô cầu, bệnh do *Leptospira* dựa trên các bộ phận sinh phẩm đã được chế tạo. Xây dựng bản hướng dẫn sử dụng các kỹ thuật mới tại thực địa.

Số hồ sơ lưu: 17007

302. Y học lâm sàng

30213. Ghép mô, tạng

77051. 03-2021 **Phòng ngừa và điều trị một số virus trong ghép thận Cytomegalo Virus (CMV), Virus viêm gan: Nghiên cứu đa trung tâm/** GS.TS.BS. Trần Ngọc Sinh, PGS.TS.BS. Trần Minh Trường; BS. CKII. Tạ Phương Dung; TS.BS. Hoàng Thị Diễm Thúy; PGS.TS.BS. Trần Minh Đạo; PGS.TS.BS. Hà Phan Hải An; GS.TS.BS. Bùi Đức Phú; PGS.TS.BS. Bùi Văn Mạnh; PGS.TS.BS. Trần Thị Bích Hương; TS.BS. Trần Xuân Trường; TS.BS. Dư Thị Ngọc Thu - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2019 - 06/2013 - 06/2016. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát tỉ lệ nhiễm cytomegalovirus trên bệnh nhân sau ghép thận. Tiến hành đánh giá hiệu quả điều trị phòng ngừa và điều trị bệnh CMV trên bệnh nhân sau ghép

thận. Đồng thời, khảo sát dịch tễ tỉ lệ nhiễm HBV sau ghép trên bệnh nhân ghép thận và khảo sát hiệu quả của các phác đồ adefovir, entecavir trong điều trị viêm gan HBV trên bệnh nhân sau ghép thận.

Số hồ sơ lưu: 17004

30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng

76666. 03-2021 **Nghiên cứu điều chế gel in situ chứa clorhexidin để điều trị bệnh viêm nha chu/** TS. Huỳnh Trúc Thanh Ngọc, TS. Trương Công Trị; TS. Trần Lê Tuyết Châu; TS. Trần Thị Nguyên Ny; ThS. Trương Ngọc Quỳnh Nhi - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Dược Sài Gòn, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều chế gel in situ chứa clorhexidin gluconat để điều trị bệnh viêm nha chu. Kết hợp các lý thuyết, thực nghiệm của bào chế nhằm xây dựng một chế phẩm sử dụng trong nha khoa, vốn rất ít có các chế phẩm chuyên biệt. Môi trường răng miệng vốn có các đặc thù riêng, cần có dạng bào chế được thiết kế phù hợp, vốn hiện rất ít tại Việt Nam, để nâng cao hiệu quả điều trị. Kết quả thu được đóng góp các kiến thức khoa học và công nghệ về một dạng bào chế mới, tiên tiến không chỉ gói gọn trong ứng dụng nha khoa mà còn có thể mang lại triển vọng và làm tiền đề phát triển các dạng thuốc khác, chứa các hoạt chất khác, trên các hệ thống niêm mạc khác nhau, dùng trong các tình trạng bệnh lý khác nhau của cơ thể người bệnh.

Số hồ sơ lưu: HCM-101-2020

304. Dược học

30401. Dược lý học

78126. 03-2021 **Các hướng tiếp cận học dược học hệ thống cho việc dự đoán đích tác động của thuốc/** PGS.TS. Lê Đức Hậu, TS. Đặng Thị Thu Hiền; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng; PGS.TS. Lê Thị Lý; TS. Đặng Vũ Tùng; ThS. Trần Thị Hà Trang; ThS. Nguyễn Thành Huy - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 02/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp, đề xuất các phương pháp tính toán cho bài toán dự đoán các thành phần tế bào (gene, non-coding RNA, protein) liên quan đến đích tác động của thuốc (drugtarget) và tác dụng mới, phản ứng của thuốc (drug response). Tổng hợp, đề xuất các phương pháp tính toán dựa trên các kỹ thuật học máy cho bài toán dự đoán các thành phần tế bào (gene, non-coding RNA, protein) liên quan đến đích tác động của thuốc (drug-target) và tác dụng mới, phản ứng của thuốc (drug response).

Số hồ sơ lưu: 17888

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

76165. 03-2021 **Hoàn thiện quy trình công nghệ chiết tách cao định chuẩn gảo cổ lam và sản xuất thuốc glyopsin phối hợp cao gảo cổ lam và chè dây/** Lê Minh Nguyệt, GS.TS. Phạm Thanh Kỳ; ThS. Trần Anh Phương; ThS. Phạm Tuấn Anh; TS. Đỗ Quyên; TS. Nguyễn Hữu

Thiện; ThS. Đặng Văn Hoài; CN. Tống Thị Hoàng Lan; CN. Lê Thành Lâm - Hà Nội - Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Đông Á, 2020 - 06/2015 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ chiết xuất và tách tinh chế cao giảo cổ lam định chuẩn (hàm lượng 70 % gypenosid) ở quy mô 300 kg dược liệu/mẻ. Nghiên cứu quy trình sản xuất viên nang cứng phối hợp cao định chuẩn giảo cổ lam và cao chè dây. Đánh giá độ ổn định của cao định chuẩn giảo cổ lam và chế phẩm viên nang cứng phối hợp cao định chuẩn giảo cổ lam và cao chè dây.

Số hồ sơ lưu: 17018

76173. 03-2021 “Nghiên cứu trồng và chế biến một số cây thuốc Hoàng kỳ (*Astragalus* sp.), Tục đoạn (*Dipsacus asper* Wall.), Thương truật (*Atractylodes lancea* (Thunb.) DC.) và Hoàng liên chân gà (*Coptis quinquesecta* W.T.Wang) ở một số tỉnh vùng Tây Bắc, tạo nguồn dược liệu sản xuất chế phẩm bảo vệ sức khỏe”./ ThS. Trần Danh Việt, ThS. Trần Thị Kim Dung; ThS. Hoàng Thúy Nga; ThS. Trần Hữu Khánh Tân; ThS. Phan Thị Lâm; KS. Nguyễn Bá Hưng; KS. Nguyễn Văn Dũng; PGS.TS. Phương Thiện Thương; TS. Nguyễn Thị Phương; DS. Lê Thị Hằng; BS. Nguyễn Thùy Ngân; PGS.TS. Phạm Thị Vân Anh; ThS. Mai Phương Thanh; TS. Lê Thị Kim Loan; ThS. Nguyễn Đình Quân; ThS. Nguyễn Thị Hà Ly; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Ngô Quốc Luật; ThS. Nguyễn Thị Minh Lý; ThS. Đào Văn Núi;

ThS. Lê Thị Thu; ThS. Đặng Thị Hà; ThS. Lê Đức Tâm; ThS. Trịnh Minh Vũ; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Lê Văn Giới; KS. Nguyễn Hải Văn - Hà Nội - Trung Tâm Nghiên Cứu Trồng Và Chế Biến Cây Thuốc Hà Nội, 2019 - 05/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình nhân giống và canh tác các loại cây thuốc Hoàng kỳ, Tục đoạn, Thương truật và Hoàng liên chân gà làm căn cứ phát triển vùng dược liệu tại một số tỉnh Tây Bắc. Đồng thời, xây dựng quy trình bảo chế và bào chế 02 thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ các dược liệu nghiên cứu. Tiến hành đánh giá tính hiệu quả và tính an toàn của hai chế phẩm viên nang cứng giúp tăng cường miễn dịch (*Ascuga*) và hỗ trợ điều trị bệnh tiêu hóa (*DigestKing*) đã bào chế được.

Số hồ sơ lưu: 17037

76469. 03-2021 Nghiên cứu tạo thực phẩm chức năng bổ sung dinh dưỡng sử dụng một số dược liệu trồng ở vùng Tây Bắc (Cám lúa gạo, Ý dĩ, Đẳng sâm, Bạch truật, Hoài sơn...)/ GS. TS. Hoàng Đình Hòa, PGS.TS. Hà Huy Kế; TS. Hoàng Diệu Linh; TS. Nguyễn Thị Phương; PGS.TS. Bùi Thanh Tùng; ThS. Trần Hữu Khánh Tân; ThS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Hoàng Thúy Nga; ThS. Nguyễn Văn Khanh; ThS. Nguyễn Thị Minh Lý; ThS. DS. Lê Anh Tuấn; DS. Lê Thị Hằng; BS. Nguyễn Thùy Ngân; BS. Nguyễn Thị Thúy Hường; TS. Phùng Tuấn Giang; ThS. Trần Danh Việt; ThS. Lê Đức Tâm; ThS. Phan Thị Lâm; ThS. Lê Thị Thu; ThS. Trần Thị Kim Dung; KS. Nguyễn Bá Hưng; ThS. Trịnh Văn

Vượng; ThS.Trịnh Minh Vũ; KS.Nguyễn Văn Dũng; ThS.Đào Văn Núi; DS. Nguyễn Thị Hà Ly; ThS.Nguyễn Đình Quân - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển y dược cổ truyền Việt Nam, 2019 - 07/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định vùng trồng ổn định, cung cấp nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng cho sản xuất thực phẩm chức năng bổ sung dinh dưỡng. Xây dựng được quy trình chế biến và bảo chế thực phẩm chức năng bổ sung dinh dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng về vệ sinh an toàn thực phẩm. Cung cấp dược liệu đạt chuẩn phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe nhân dân địa phương và trong nước, tạo nguồn dược liệu chuẩn hệ thống công nghiệp dược hiện đại, cho xuất khẩu; giúp hình thành các mô hình sinh kế mới nhằm tăng thu nhập cho nhân dân Tây Bắc; giúp tăng liên thông, liên kết, trao đổi, lưu thông giữa các vùng miền, tạo sản phẩm đặc hữu gắn liền với du lịch địa phương.

Số hồ sơ lưu: 17274

76470. 03-2021 **Nghiên cứu phát triển nguồn nguyên liệu và sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh ung thư từ cây thuốc Bán chi liên (*Scutellaria barbata*), Bạch hoa xà thiệt thảo (*Hedyotis diffusa*) và nấm Linh chi (*Ganoderma lucidus*) tại Lào Cai và vùng Tây Bắc/** TS. Lê Thị Kim Loan, PGS.TS.Hà Huy Kê; PGS.TS.Nguyễn Trọng Thông; PGS.TS.Phạm Thị Vân Anh; TS.Hoàng Việt Dũng; TS.Nguyễn Văn Thư; ThS.Lê Đức Tâm; ThS.Phan Thị Lâm; DS. Lê Thị Hằng; BS. Nguyễn Thùy Ngân;

TS.Phùng Tuấn Giang; ThS.Trần Danh Việt; ThS.Nguyễn Thị Hương; Kỹ sư.Nguyễn Bá Hưng; Kỹ sư.Tạ Quốc Vượng; ThS.Đặng Thị Hà; ThS.Đào Văn Núi; ThS.Phạm Hồng Minh; ThS.Trần Thị Kim Dung; ThS.Hoàng Thúy Nga; ThS.Lê Thị Thu; ThS.Trần Hữu Khánh Tân; ThS.Vương Thị Phương Dung; ThS.Nguyễn Văn Liệu; ThS.Trần Văn Quang; ThS.Đỗ Văn Bình; ThS.Mai Phương Thanh; ThS.Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS.Phùng Văn Long; ThS.Nguyễn Thị Thanh Loan - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển y dược cổ truyền Việt Nam, 2019 - 10/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển vùng trồng hai dược liệu Bán chi liên và Bạch hoa xà thiệt thảo ở vùng Tây Bắc. Bảo chế được sản phẩm viên nang cứng từ cao định chuẩn của 3 dược liệu bạch hoa xà thiệt thảo, bán chi liên và nấm linh chi. Đánh giá được tính an toàn và tác dụng tăng cường miễn dịch, hỗ trợ điều trị ung thư của sản phẩm bào chế được. Xây dựng được vùng trồng để cung cấp nguyên liệu Bán chi liên và Bạch hoaxà thiệt thảo có chất lượng tại vùng Tây Bắc. Phát triển được 01 sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh ung thư từ ba cây thuốc Bán chi liên, Bạch hoa xà thiệt thảo và nấm Linh chi được cấp phép của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế.

Số hồ sơ lưu: 17275

30404. Hoá dược học

76171. 03-2021 **Nghiên cứu tạo chế phẩm chứa catalase và các chiết xuất hợp chất thiên nhiên**

nhằm ứng dụng trong phát triển dầu dưỡng trị chứng bạc tóc sớm/ TS. Đinh Nho Thái, PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Nguyễn Thị Hồng Loan; PGS.TS. Nguyễn Lai Thành; TS. Nguyễn Đình Thắng; TS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Trần Thùy Anh; ThS. Phạm Thu Hương - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2019 - 03/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tạo chế phẩm chứa catalase và các chiết xuất hợp chất thiên nhiên và tìm được mô hình thử nghiệm chế phẩm trên động vật nhằm ứng dụng trong phát triển dầu dưỡng trị chứng bạc tóc sớm. Nghiên cứu tạo chế phẩm catalase có độ tinh sạch theo tiêu chuẩn thực phẩm và tạo một số chế phẩm dịch chiết thảo dược có khả năng tác động lên quá trình giảm bạc tóc và tạo ra dầu dưỡng có tiềm năng chữa bạc tóc bằng cách phối trộn catalase với các dịch chiết thảo dược.

Số hồ sơ lưu: 17031

76251. 03-2021 Sản xuất chế phẩm giàu astaxanthin từ nấm men Xanthophyllomyces dendrorhous ứng dụng sản xuất thực phẩm chức năng/ TS. Bùi Kim Thúy, PGS. TS. Nguyễn Duy Lâm; TS. Trần Hồng Thao; ThS. Phạm Cao Thăng; ThS. Vũ Kim Thoa; ThS. Nguyễn Văn Nguyên; KS. Lã Mạnh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Hương Trà; ThS. Nguyễn Tiến Nam; CN. Phạm Văn Đông - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ, thiết bị để sản xuất và thương mại hóa sản phẩm astaxanthin và thực phẩm chức năng có chứa astaxanthin từ nấm men Xanthophyllomyces dendrorhous tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao và thay thế sản phẩm nhập khẩu. Có công nghệ và hệ thống thiết bị (quy mô 300 lít/m³) hoàn thiện và phù hợp để tổ chức sản xuất được astaxanthin có chất lượng cao từ nấm men Xanthophyllomyces dendrorhous; Sản xuất được 5 kg chế phẩm giàu astaxanthin từ nấm men đạt TCCL và ATTP làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng quy mô công nghiệp. Sản xuất 50.000 viên nang thực phẩm chức năng chứa astaxanthin (10 mg astaxanthin/viên) đạt yêu cầu chất lượng và an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17111

76481. 03-2021 Nghiên cứu phát hiện và định lượng một số dẫn chất thuộc nhóm paraben và nhóm isothiazolinon dùng trong bảo quản mỹ phẩm/ TS. Lê Thị Hương Hoa, PGS.TS. Đoàn Cao Sơn; ThS. Đỗ Thu Trang; ThS. Hoàng Thanh Tâm; DS. Nguyễn Thị Việt Ái; DS. Ngô Thị Duyên; DS. Đỗ Thị Thanh Xuân; ThS. Võ Trần Ngọc Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hà; ThS. Đỗ Thị Thanh - Hà Nội - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, 2019 - 06/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình phát hiện và định lượng 5 dẫn chất bị cấm và 4 dẫn chất có giới hạn sử dụng thuộc nhóm paraben và 2 dẫn chất thuộc nhóm isothiazolinon bằng phương pháp HPLC với detector

PDA. Khảo sát sự có mặt các dẫn chất kể trên trong một số mẫu mỹ phẩm. Đề xuất quy trình kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra chất lượng mỹ phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17284

76482. 03-2021 **Nghiên cứu bào chế viên nang chứa hoạt chất Huperzine A được tách chiết từ một số chủng nấm phân lập từ cây Thạch tùng răng cưa (*Huperzia serrata*)**/ TS. Lê Thị Minh Thành, PGS.TS. Nguyễn Phương Nhuệ; PGS.TS. Đồng Văn Quyền; ThS. Hoàng Thị Hồng Anh; TS. Đỗ Thị Tuyên; GS.TS. Phạm Thị Minh Huệ; PGS.TS. Chử Văn Mến; DS. Nguyễn Xuân Hoàng; TS. Lê Thị Bích Thủy; TS. Trịnh Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2020 - 10/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sản xuất được viên nang chứa hoạt chất Huperzine A tách chiết từ một số chủng nấm phân lập từ cây thạch tùng răng cưa (*Huperzia serrata*) Việt Nam phục vụ hỗ trợ điều trị các bệnh về trí nhớ, đặc biệt là bệnh Alzheimer. Tuyển chọn được các chủng nấm có khả năng sản sinh hoạt chất Huperzine A cao từ cây thạch tùng răng cưa (*Huperzia serrata*); Xây dựng được quy trình lên men các chủng nấm nói trên; Xây dựng được quy trình tách chiết, tinh sạch, thu nhận hoạt chất Huperzine A từ sinh khối nấm. Nghiên cứu quy trình bào chế viên nang chứa hoạt chất Huperzine A quy mô phòng thí nghiệm; Đánh giá tính an toàn và tác dụng cải thiện trí nhớ trên thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 17282

30405. Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất học (bao gồm cả độc chất học lâm sàng)

76100. 03-2021 **Nghiên cứu quy trình tổng hợp nguyên liệu thuốc điều trị ung thư Exemestane**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng, ThS. Cao Đức Tuấn; GS.TS. Phạm Văn Thức; TS. Trịnh Hiền Trung; PGS.TS. Phạm Văn Mạnh; PGS.TS. Đặng Văn Chức; PGS.TS. Phạm Huy Quyến; TS. Hoàng Thị Hồng Liên; ThS. Dương Minh Tân; TS. Phạm Văn Chung - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2019 - 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình tổng hợp exemestane ổn định hiệu suất cao quy mô 200 g/m³ và xây dựng quy trình tinh chế hoạt chất exemestane đạt tiêu chuẩn cơ sở. Tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm exemestane. Xác định độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của exemestane tổng hợp được. Đánh giá độ ổn định của exemestane theo phương pháp lão hóa cấp tốc và tiến hành tổng hợp 600g nguyên liệu exemestane đạt tiêu chuẩn cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 16970

76186. 03-2021 **Nghiên cứu một số loài thực vật chọn lọc của Việt Nam thuộc hai chi *Cleistanthus* và *Macaranga* (Euphorbiaceae) theo hướng điều trị ung thư**/ PGS.TS. Đoàn Thị Mai Hương, PGS.TS. Phạm Văn Cường; TS. Nguyễn Văn Thanh; TS. Trương

Bích Ngân; TS. Phí Thị Đào; TS. Trịnh Thị Thanh Vân; TS. Nguyễn Hải Đăng; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; GS.TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; ThS. Dương Minh Tân - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình phân lập phân đoạn giàu cleistanthoxin và các aryltetralin lignan glycoside từ quả cây cách hoa Đông Dương (*Cleistanthus indochinensis*) và quy trình phân lập phân đoạn giàu các hoạt chất vedelianin, schweinfurthin E và F từ quả cây Bạch đàn nam (*Macaranga tanarius*). Đánh giá độc tính cấp, độc tính bán trường diễn và tác dụng chống ung thư trên động vật thực nghiệm của phân đoạn giàu cleistanthoxin và các aryltetralin lignan glycoside và phân đoạn giàu các hoạt chất vedelianin, schweinfurthin E và F. Xác định thành phần hóa học và hoạt tính gây độc tế bào ung thư in vitro của tám loài cây chọn lọc thuộc hai chi *Cleistanthus* và *Macaranga* (Euphorbiaceae).

Số hồ sơ lưu: 17043

4. Khoa học nông nghiệp

76142. 03-2021 Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững vùng đồng bào dân tộc Raglay đặc biệt khó khăn huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận./ KS. Trần Lập Kim, CN. Hàng Duy Khải; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Quảng Đức Thạch; KS. Huỳnh Văn Hiếu; CN. Tô Công Trực; KS. Nguyễn Thị Ngân; KS. Hồ Gia Đăng; TS.

Nguyễn Thanh Phương; ThS. Nguyễn Phương Nghi; TS. Đoàn Đức Vũ - Ninh Thuận - Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Ninh Thuận, 2019 - 05/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra thu thập về tình hình, hiện trạng sản xuất nông nghiệp cũng như tập quán canh tác ở địa phương để mở rộng và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hợp lý cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi. Từ kết quả điều tra đề xuất phương hướng và quy mô phát triển vùng sản xuất nông nghiệp (bắp lai, sắn, đậu xanh, mía) tại các địa phương của huyện miền núi Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời, tiếp nhận và chuyển giao các quy trình công nghệ, xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp kỹ thuật trong canh tác một số loại cây trồng. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ vi sinh chế biến phụ phẩm nông nghiệp (thân lá sắn, thân lá bắp, thân lá đậu xanh) ủ chua làm thức ăn bổ sung cho gia súc.

Số hồ sơ lưu: 17005

77368. 03-2021 Nghiên cứu, nuôi thử nghiệm trai nước ngọt lấy ngọc tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang/ KS.Vương Danh Nghiêm, CN.Ong Thị Trung; CN Nguyễn Văn Thủy; ThS.Dương Văn Luông - Bắc Giang - Sở Khoa học và công nghệ Bắc Giang, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả nghiên cứu, khảo sát tình hình phân bố của trai nước ngọt trên địa bàn sông Thương, sông Lục Nam. Kết quả nghiên cứu nuôi thử

nghiệm trai nước ngọt lấy ngọc: Nghiên cứu trọng lượng và độ tuổi của trai nguyên liệu thích ứng với kích cỡ viên nhân cấy; Nghiên cứu cải thiện màu sắc của viên ngọc trai nước ngọt từ loài trai xanh cánh mỏng và loài trai đen cánh dày; Nghiên cứu sự sinh trưởng, phát triển của trai cấy trong các môi trường nước. Kết quả xây dựng mô hình nuôi trai nước ngọt nguyên liệu cấy để lấy ngọc Như vậy, từ kết quả mô hình cho thấy khi nuôi trai trong môi trường ao cho kết quả tốt hơn môi trường trên suối cả về tỷ lệ sống, tỷ lệ tạo ngọc, chất lượng ngọc. Vì khi nuôi trong ao với thời gian dài chúng ta luôn kiểm soát được môi trường, nguồn nước và nguồn thức ăn (tảo) được duy trì ổn định còn khi nuôi ở trên suối kéo dài trai chịu ảnh hưởng của điều kiện thời tiết theo mùa như: nước mưa, lũ nguồn dinh dưỡng không được chủ động.

Số hồ sơ lưu: BGG-0807-2020

77654. 03-2021 **Thử nghiệm xây dựng một số mô hình AQUAPONIC nuôi thủy sản ở tỉnh Vĩnh Long/ TS. Hứa Thái Nhân, PGS.TS. Dương Nhật Long; GS.TS. Trần Ngọc Hải; PGS.TS. Trần Thị Ba; ThS. Liêu Cẩm Hiền; PGS.TS. Phạm Thanh Liêm; PGS.TS. Phạm Minh Đức; TS. Trương Quỳnh Như; Phạm Thị Cẩm Lài - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020 - 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hệ thống aquaponic có thể được xem là mô hình lý tưởng để giải quyết vấn đề này. Hệ thống này vừa có thể giảm diện tích canh tác, vừa giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm và

hạn chế tác động đến môi trường, do hệ thống kết hợp cả về thủy canh rau màu lẫn nuôi trồng thủy sản trên cùng một diện tích canh tác, hệ thống sử dụng chất thải của nuôi trồng thủy sản làm dinh dưỡng cho rau màu và sử dụng rau màu để làm sạch nước cho hệ thống nuôi thủy sản. Từ những yêu cầu và thực tiễn nêu trên, đề tài nghiên cứu “**Thử nghiệm xây dựng một số mô hình aquaponic nuôi thủy sản ở tỉnh Vĩnh Long**” được thực hiện nhằm mục đích đa dạng hóa mô hình nuôi thủy sản, nông nghiệp góp phần tăng năng xuất, gia tăng giá trị sản xuất, an toàn vệ sinh thực phẩm và lợi nhuận trên cùng một đơn vị diện tích canh tác là hoạt động nghiên cứu cần thiết và có ý nghĩa.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.004

77718. 03-2021 **Nhân rộng mô hình trồng rau trong nhà lưới dạng hở tại xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long/ ThS. Nguyễn Tiệp Khắc, ThS. Nguyễn Phương Vân; ThS. Đặng Nguyệt Minh - Vĩnh Long - Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ, 2020 - 08/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Đề tài xây dựng 4 mô hình nhà lưới dạng hở với diện tích 500 m²/mô hình tại xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Nhà lưới dạng hở được tích hợp các công nghệ như hệ thống tưới phun, dễ vận hành, tiết kiệm trên 70% công lao động tưới nước cho rau màu; khả năng ngăn chặn trên 50% các loại sâu tơ, sâu ăn tạp so với bên ngoài nhà lưới; giảm thiểu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; cải tạo đất chuyên canh màu bằng giá thể hữu cơ vi sinh (500 kg/mô hình).

Kết quả cho thấy, năng suất của rau trong nhà lưới cao hơn so với trồng bên ngoài từ 150-300 kg/500 m² nhà lưới. Về hiệu quả kinh tế, mô hình nhà lưới dạng hở nâng cao hiệu quả kinh tế trồng rau cho nông dân từ 20-47% so với canh tác truyền thống; cao nhất là họ (47%), cần ống (25%), cải ngọt (22%) và đậu đũa (20%). Theo đánh giá của nông dân, nhà lưới dạng hở dễ xây dựng, giá thành nhà lưới hơi cao nhưng nông dân có thể sử dụng tre nứa để giảm giá thành nhà lưới nhưng thời gian sử dụng nhà lưới sẽ ngắn lại.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.007

77720. 03-2021 Nhân rộng mô hình trồng ớt sừng vàng châu phi tại xã Đông Thành, TX. Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long/ KS. Nguyễn Hữu Dũng, ThS. Nguyễn Phương Vân; KS. Phan Hồng Hạnh - Vĩnh Long - Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ, 2020 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng thành công 15 mô hình trồng ớt sừng vàng châu phi cho năng suất cao tại xã Đông Thành, thị xã Bình Minh (diện tích từ 1.000-2.000m²/mô hình) (Thực tế: Xây dựng thành công 17 mô hình. Kết quả khảo sát thực tế, số mô hình tăng thêm 02 mô hình do có một số hộ chỉ thực hiện được 1.000-1.500m²/mô hình, nhưng vẫn đảm bảo về diện tích, số lượng cây giống đầu tư cho mỗi mô hình).

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.008

77721. 03-2021 Ứng dụng vi khuẩn *Bacillus* trong sản xuất chế phẩm vi sinh phân giải đạm cá

cung cấp cho cây trồng/ ThS. Huỳnh Ngọc Tâm, ThS. Đỗ Hồng Khánh - Vĩnh Long - Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ, 2020 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhằm giải quyết những hạn chế của phương pháp ủ phân thủ công truyền thống, việc bổ sung chế phẩm vi sinh hữu hiệu chứa các vi sinh vật có khả năng sinh enzyme protease thủy phân protein từ cá được xem như là một giải pháp hữu hiệu nhằm gia tăng hiệu quả và rút ngắn thời gian ủ phân cá cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Kết quả nghiên cứu đã phân lập và định danh được 02 dòng vi khuẩn có khả năng sinh enzyme protease với hoạt tính cao bao gồm dòng *Bacillus subtilis* PN3 và dòng *Bacillus clausii* PB1 (tỷ lệ kết hợp 2 dòng vi khuẩn là 1:1 cho giá trị đường kính vòng phân giải casein (16,15mm) và hoạt tính protease cao (8,07U/mL). Hai chủng vi khuẩn *Bacillus subtilis* PN3 và *Bacillus clausii* PB1 được nuôi tăng sinh trong môi trường LB-broth có bổ sung rỉ đường (2%), muối NaCl (0,5%) và sử dụng nguồn nitrogen từ chiết xuất cao nấm men (5 g/L), pH môi trường bằng 7 là điều kiện thích hợp cho sự phát triển của vi khuẩn *Bacillus* spp. Sản xuất chế phẩm vi sinh từ 02 vi khuẩn *Bacillus* spp. với các thông số kỹ thuật cũng được thực hiện, tạo ra sản phẩm có khả năng thương mại bao gồm 200 gói chế phẩm vi sinh dạng bột (200g/gói) và 100 chai chế phẩm vi sinh dạng lỏng (1 L/chai) ở quy mô phòng thí nghiệm với mật số *Bacillus* spp. $\geq 10^8$ sau 30 ngày bảo quản. Bên cạnh đó, kết quả từ đề tài

cũng đã ứng dụng xử lý phân giải phụ phẩm cá tại Trung tâm UDKHCN Vĩnh Long và hộ ông Nguyễn Văn Bảy (xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long) cho kết quả phân giải protein tốt. Hàm lượng đạm amin đạt từ 11,8÷12 g/L, trong khi đó hàm lượng NH₃ ở mức thấp (<2g/L).

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.009

77723. 03-2021 Thử nghiệm mô hình nuôi lươn (Monopterus albus Zuiew 1793) thương phẩm vào trong ao đất bằng thức ăn viên công nghiệp có bổ sung fructooligosaccharide/ ThS. Võ Nguyên Mẫn, ThS. Nguyễn Quốc Phong; KS. Nguyễn Văn Danh; KS. Cao Văn Lên - Vĩnh Long - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2019 - 07/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu được tiến hành để thử nghiệm mô hình nuôi lươn thương phẩm vào trong ao đất bằng thức ăn viên công nghiệp có bổ sung fructooligosaccharide (FOS) nhằm giúp cho các hộ nông dân có thêm phương án nuôi lươn thương phẩm mới có hiệu quả, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống. Mô hình được bố trí gồm 2 nghiệm thức với 6 vèo đặt trong ao, mỗi vèo có kích thước 1x 2 x 1 m: nghiệm thức 1 sử dụng thức ăn viên công nghiệp 40% đạm, không bổ sung FOS, nghiệm thức 2 sử dụng thức ăn viên công nghiệp 40% đạm có bổ sung FOS, mỗi nghiệm thức với 3 lần lặp lại. Lươn được bố trí 400 con/vèo. Kích cỡ lươn thí nghiệm là 16-17g/con. Thời gian thí nghiệm là 8 tháng. Kết quả cho thấy khối lượng

trung bình khi thu ở nghiệm thức 1 là 140,6g/con và năng suất là 24,6kg/m² thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức 2 với khối lượng trung bình là 153,22g/con và năng suất là 28,17kg/m² (p<0,05). Tỷ lệ sống ở 2 nghiệm thức dao động từ 87,53 % - 90,6 % và không khác nhau về mặt thống kê (p>0,05). Hệ số FCR đạt 1,47 ở nghiệm thức có bổ sung FOS và thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức không bổ sung FOS là 1,67 (p<0,05). Mô hình nuôi lươn thương phẩm vào trong ao đất giúp giảm tần suất thay nước, hạn chế nhiễm môi trường so với mô hình nuôi lươn trong bể lót bạt hay bèo măng. Sử dụng thức ăn viên công nghiệp có bổ sung FOS mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với thức ăn không bổ sung FOS với tổng chi phí ở 2 nghiệm thức tương đương nhau, tuy nhiên lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận ở nghiệm thức có bổ sung FOS lần lượt là 6,2 triệu đồng/6m² và tỷ 32,41% cao hơn gấp đôi so với thức ăn không bổ sung FOS với lợi nhuận là 3,1 triệu đồng/6m² và tỷ suất lợi nhuận là 2,41%.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.010

77726. 03-2021 Thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo cá chạch sông (Macrognathus siamensis)/ KS. Cao Văn Lên, Phạm Thị Tuyết Nhung; KS. Nguyễn Văn Danh; Đoàn Hữu Lý - Vĩnh Long - Trung tâm giống nông nghiệp Vĩnh Long, 2018 - 06/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá hiệu quả của các kích thích tố HCG, LRHa và não thủy thể trong sinh sản nhân tạo cá chạch

sông (*Macrognathus siamensis*). Từ đó tìm ra phương thức tiêm cũng như cách phối hợp kích dục tố thích hợp, đạt hiệu quả cao, làm cơ sở để xây dựng hoàn chỉnh qui trình sinh sản nhân tạo cá chạch sông, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.011

77781. 03-2021 Xây dựng mô hình trồng nấm bào ngư tại xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long/ ThS. Đỗ Hồng Khánh, ThS. Huỳnh Ngọc Tâm - Vĩnh Long - Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ, 2019 - 06/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong những năm gần đây phong trào trồng nấm bào ngư của xã Long Phước, Long hồ, Vĩnh Long phát triển rất mạnh, số lượng mô hình trồng nấm không ngừng được tăng lên hàng năm, mở nhiều cuộc tập huấn kỹ thuật trồng nấm cho người dân trong xã. Xã Long Phước có điều kiện phát triển nghề trồng nấm, là xã tiếp giáp với thành phố Vĩnh Long nên khả năng thị trường tiêu thụ nấm là rất lớn. Ngoài ra chính quyền xã Long Phước cũng định hướng trong thời gian tới sẽ phát triển nghề trồng nấm cho người dân trong xã, tiến tới thành lập hợp tác xã trồng nấm của địa phương, hội nông dân xã đã chủ động tìm nguồn liên kết doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm nấm cho người dân, đây là điều kiện thuận lợi để triển khai dự án, tạo nguồn cung ổn định cho hợp đồng tiêu thụ đã ký kết với danh nghiệp tiêu thụ, người dân an tâm sản xuất. Để duy trì và phát triển nông thôn mới nâng cao cho xã Long Phước theo

định hướng chung của tỉnh ủy Vĩnh Long, Chính quyền xã đã tập trung mọi nguồn lực để có thể đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đến năm 2020.

Dự án Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN cho nông dân xã Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long triển khai thực hiện nhằm hỗ trợ nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân, đồng thời duy trì tiêu chí Nông thôn mới và hướng tới đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.018

77782. 03-2021 Xây dựng mô hình trồng nấm Bào ngư (*Pleurotus safor Cafu*) tại xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long./ CN. Nguyễn Trường Sơn, ThS. Nguyễn Thanh Vũ - Vĩnh Long - Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ, 2019 - 07/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng thành công 08 mô hình trồng nấm bào ngư tại xã Mỹ Hòa – thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Đánh giá hiệu quả kinh tế từ các mô hình trồng nấm, năng suất đạt được từ 355,5g nấm bào ngư tươi/túi phôi/1,4 cơ chất, với chất lượng đồng đều, mang giá trị thương phẩm cao.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.019

401. Trồng trọt

77532. 03-2021 Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng thâm canh cây Ba kích tím (*Morinda officinalis* How.) dưới tán rừng trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang/ Th.S Lã Văn Đoàn, ThS.Phan Thị Thu Hiền;

CN.Nguyễn Thị Hiền; ThS.Thân Thị Dũng; ThS.Vũ Duy Khải - Bắc Giang - Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang, 2020 - 03/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Mô hình trồng Ba kích tím theo một số tiêu chí GACP-WHO. Đánh giá khả năng hình thành củ ba kích tím. Kết quả theo dõi tình hình sâu, bệnh hại cây Ba kích tím tại mô hình. Qua thực hiện mô hình, ba kích tím thường có các sâu bệnh như sau: bệnh đốm mắt cua, bệnh héo xanh, bệnh lở cổ rễ, bệnh nấm gỉ sắt, sâu xanh cắn lá và ngọn, rệp hại làm thui ngọn và lá non. Đánh giá trọng lượng củ của cây ba kích tím. Giai đoạn sau trồng 32 tháng là giai đoạn cây hình thành củ nhanh, trọng lượng trung bình trên củ là 0,2kg/củ, trọng lượng bình quân trên gốc là 2,14kg/gốc. So với mục tiêu dự án, trọng lượng củ trên gốc tăng bình quân 0,5kg/gốc.

Số hồ sơ lưu: BGG-0108-2020

77636. 03-2021 **Xây dựng mô hình trồng nấm linh chi, nấm rơm và sản xuất phân hữu cơ từ giá thể trồng nấm.**/ Bùi Văn Can, - - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tuy Phong, 2020 - 09/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng thành công đề tài "Xây dựng mô hình trồng nấm Linh chi, nấm rơm và sản xuất phân hữu cơ từ giá thể trồng nấm". Tăng thêm thu nhập cho người tham gia mô hình từ các sản phẩm nấm linh chi, nấm rơm, phân hữu cơ. Là điểm tham quan học tập mô hình nông nghiệp mới cho các hộ dân trong huyện. Đa dạng hóa

ngành nghề nông thôn, là hướng đi mới trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Tận dụng lao động nhàn rỗi, lao động phụ trong gia đình để phát triển kinh tế. Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu mặt cưa để tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau tăng thêm hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: BTN-2020-004

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

76517. 03-2021 **Nghiên cứu phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh An Giang/** GS. TS. Lê Văn Hòa, PGS. TS. Châu Minh Khôi; PGS. TS. Đỗ Võ Anh Khoa; PGS. TS. Nguyễn Duy Cần; GS. TS. Võ Quang Minh; PGS. TS. Phạm Thanh Vũ; PGS. TS. Trần Văn Dũng; TS. Nguyễn Minh Đông; TS. Lâm Phước Thành; ThS. Đoàn Thị Trúc Linh - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân vùng sản xuất nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao cho các loại cây trồng lúa, rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng, cây dược liệu. Phối hợp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao (đồng cỏ, kỹ thuật nuôi). Đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp tại tỉnh An Giang. Xây dựng bộ tiêu chí xác định và phân vùng sản xuất nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao cho các loại cây trồng chủ lực (lúa, rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng, cây

dược liệu) và con bò của tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-004-2020

77015. 03-2021 **Tăng cường năng lực nghiên cứu và thương mại hóa giống lúa chất lượng kháng sâu bệnh và sản xuất giống gốc khoai tây siêu bi sạch bệnh phục vụ cho sản xuất ở các tỉnh phía Bắc và miền Trung/** TS. Nguyễn Trọng Khanh, PGS.TS. Nguyễn Trí Hoàn; TS. Đào Thế Anh; TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Hoàng Bá Tiên; TS. Phan Thị Thanh; ThS. Nguyễn Thị Sen; TS. Hà Văn Nhân; ThS. Nguyễn Thành Luân; ThS. Hoàng Sĩ Tiên; ThS. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Phạm Văn Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Miền; TS. Lê Hùng Phong; ThS. Lê Diệu My; TS. Trịnh Văn My; TS. Trương Công Tuyền; ThS. Nguyễn Trọng Hiền; ThS. Nguyễn Đạt Thoại; ThS. Đỗ Thế Hiếu; TS. Dương Xuân Tú; ThS. Nguyễn Thế Dương; TS. Quách Ngọc Truyền; TS. Nguyễn Đăng Minh Chánh; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Lưu Văn Quyết; ThS. Đỗ Thị Hương - Hà Nội - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2019 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện và làm chủ quy trình ứng dụng chỉ thị phân tử kết hợp lai hữu tính phục vụ công tác chọn tạo giống lúa chất lượng kháng 2 loại sâu bệnh sâu bệnh là bạc lá-rầy nâu và đạo ôn-rầy nâu. Chọn tạo giống khoai tây kháng bệnh mốc sương bằng phương pháp lai hữu tính. Tiến hành nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm phục vụ công tác chọn tạo, nhân giống cây lương

thực, và đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng nghiên cứu của cán bộ. Đồng thời, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp nhằm thương mại hóa bản quyền giống lúa.

Số hồ sơ lưu: 17408

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

73703. 03-2021 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng cây ba kích tại tỉnh Phú Yên/** ThS. Đặng Thị Thủy, - Phú Yên - Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ Phú Yên, 2017 - 05/2013 - 11/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng sản xuất giống, khai thác, trồng và phát triển ba kích ở tỉnh Phú Yên. Điều tra và quy hoạch vùng trồng thí điểm cây ba kích phù hợp với điều kiện khí hậu và yêu cầu sinh thái tại địa phương. Tiếp nhận các công nghệ chuyển giao gồm công nghệ xây dựng vườn giống gốc, công nghệ nhân giống ba kích bằng phương pháp giâm hom và công nghệ trồng ba kích dưới tán rừng. Xây dựng vườn giống gốc tại trạm thực nghiệm sinh học Hòa Quang. Xây dựng mô hình trồng cây ba kích dưới tán rừng trồng. Phân tích thành phần và hàm lượng dược liệu cây ba kích.

Số hồ sơ lưu: PYN-009-2019

76166. 03-2021 **Khảo nghiệm và nghiên cứu biện pháp kỹ thuật trồng trọt cho dòng thuốc lá mới D44 tại Cao Bằng và Lạng Sơn/** ThS. Nguyễn Văn Lự, ThS. Đỗ Đình Dũng; KS. Đỗ Hữu Thanh; KS. Bùi

Quốc Việt; KS. Nghiêm Tiến Dũng; KS. Nguyễn Bá Đình - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình đánh giá, khảo nghiệm giống thuốc lá ở nước ngoài và ở tại Việt Nam. Đánh giá triển vọng của dòng D44 ở điều kiện sản xuất tại Cao Bằng và Lạng Sơn. Xác định được mức bón phân, mật độ trồng, thời vụ trồng và số lá thu hoạch phù hợp cho dòng D44 tại Cao Bằng và Lạng Sơn. Tiến hành sản xuất hạt giống đảm bảo chất lượng phục vụ khảo nghiệm và sản xuất thử.

Số hồ sơ lưu: 17021

76169. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm sản xuất nguyên liệu thuốc lá vàng sấy có hương thơm tốt ở phía Bắc/** ThS. Đinh Văn Năng, KS. Nguyễn Bá Đình; KTV. Vũ Văn Bình; KTV. Ngô Văn Khánh; KS. Nghiêm Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Văn Nghĩa; KTV. Nguyễn Xuân Toàn - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu quả cải thiện hương thơm nguyên liệu thuốc lá vàng sấy của mô hình canh tác triển vọng tại Cao Bằng và Bắc Kạn. Xác định mức bổ sung thích hợp của dinh dưỡng vi lượng B, Mo cho hiệu quả cải thiện hương thơm tự nhiên của nguyên liệu thuốc lá vàng sấy tại Cao Bằng và Bắc Kạn. Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật canh tác thuốc lá vàng sấy cho nguyên liệu hương thơm tốt phía Bắc.

Số hồ sơ lưu: 17024

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

76139. 03-2021 **Nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm và khai thác phụ phẩm của ngành sản xuất lúa gạo khu vực Đồng bằng sông Cửu Long/** PGS.TS. Ngô Thanh An, TS. Lại Quốc Đạt; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Dũng; PGS.TS. Cung Thị Tố Quỳnh; PGS.TS. Phạm Thành Quân; PGS.TS. Nguyễn Quang Long; ThS. Nguyễn Hoài Vững; ThS. Châu Trần Diễm Ái; KS. Nguyễn Bảo Lợi; TS. Nguyễn Bá Thanh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM, 2020 - 04/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thực trạng và đánh giá chất lượng gạo Việt Nam. Nghiên cứu khai thác hiệu quả nguồn phế liệu cám và tìm hiểu hiệu quả phụ phẩm rơm rạ trong quá trình sản xuất gạo. Tiến hành sản xuất gạo GABA có hàm lượng GABA tương đương gạo mầm GABA của Thái Lan. Đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ gạo và tấm (phụ phẩm trong quá trình xay xát lúa gạo). Từ đó, đánh giá hiệu quả kinh tế, thị trường.

Số hồ sơ lưu: 17000

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

78033. 03-2021 **Nghiên cứu thành phần cơ chất sẵn có tại địa phương để trồng nấm Vân Chi đỏ (*Pycnoporus sp.*)/** ThS. Trần Đức Tường, ThS. Trần Đức Tường; ThS. Lê Uyên Thanh; TS. Nguyễn Thị Hải Lý; TS. Hà Huỳnh Hồng Vũ; ThS.

Ngô Thị Hồng Hương - - Trường Đại học Đồng Tháp, 2020 - 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài "Nghiên cứu thành phần cơ chất sẵn có tại địa phương để trồng nấm Vân Chi đỏ (*Pycnoporus sp.*)" được thực hiện từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 04 năm 2020. Nghiên cứu nhằm xác định tỷ lệ cơ chất phối trộn thích hợp (cùi bắp, vỏ trấu) để xây dựng quy trình sản xuất bịch phối giống và quy trình trồng nấm Vân Chi đỏ đạt hiệu quả kinh tế và đảm bảo chất lượng.

Nấm Vân chi đỏ thu thập từ tỉnh Tây Ninh, Việt Nam đã được phân lập và xác định danh pháp khoa học là *Pycnoporus sanguineus* (L.:Fr.) Murill MH225776.1 dựa vào trình tự DNA đoạn ITS 606 bp kết hợp với đặc điểm hình thái của hệ sợi và nhất cho hệ sợi giống nấm cấp 1 phát triển tốt. Hệ sợi giống nấm cấp 2 phát triển tốt nhất trên môi trường hạt lúa hấp chín. Để nhân giống nấm cấp 3, cọng khoai mì là môi trường phù hợp nhất. Hỗn hợp phối trộn gồm 60% cùi bắp và 40% vỏ trấu được xem là cơ chất phù hợp nhất để trồng nấm Vân Chi đỏ cho năng suất cao nhất (79g/bịch phối) với hiệu suất sinh học là 20.52%.

Số hồ sơ lưu: DTP-2020-004

402. Chăn nuôi

78124. 03-2021 Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình phát triển chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà đồi Phú Bình theo hướng an toàn sinh học tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên/ Nguyễn Thị Lương, KS.

Cam Văn Giáp; Dương Quốc Tiến; Nguyễn Văn Sơn - Thái Nguyên - Trung tâm Khuyến nông, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ chăn nuôi gà sinh sản và gà thịt, quy trình phòng bệnh cho gà sinh sản và gà thịt, quy trình sản xuất, chế biến thức ăn cho gà sinh sản và gà thịt. Xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học cho gà sinh sản và gà thịt. Xây dựng mô hình sản xuất thức ăn chăn nuôi cho gà sinh sản và gà thịt. Xây dựng mô hình giết mổ tập trung và tiêu thụ sản phẩm. Đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên và tập huấn cho người dân vùng triển khai dự án.

Số hồ sơ lưu: 17899

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

76472. 03-2021 Nghiên cứu chế độ nuôi dưỡng thích hợp nhằm hạn chế các bệnh do rối loạn trao đổi chất ở bò sữa/ ThS. Ngô Đình Tân, ThS. Trần Thị Loan; TS. Tăng Xuân Lưu; ThS. Đặng Thị Dương; ThS. Khuất Thị Thu Hà; KS. Nguyễn Bá Tuyên; KS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Phạm Kim Cương; KS. Vũ Minh Tuấn; TS. Đoàn Đức Vũ - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được hiện trạng sử dụng thức ăn và chế độ chăm sóc nuôi dưỡng trên đàn bò sữa cao sản và xác định được tình hình mắc bệnh và nguyên nhân gây ra bệnh rối loạn trao đổi chất trên đàn bò sữa cao sản. Xác định được chế độ chăm sóc nuôi dưỡng hợp lý trên khẩu phần thức ăn sẵn có để giảm các bệnh rối

loạn trao đổi chất (axit dạ cỏ, ketosis, giảm can xi huyết) trên đàn bò sữa cao sản và xác định được chế độ nuôi dưỡng thích hợp theo các giai đoạn của bò (đầu kỳ, giữa - cuối kỳ và thời cận sữa 60 ngày) để nâng cao sức khỏe cho đàn bò sữa năng suất cao. Xây dựng được quy trình, chế độ chăm sóc nuôi dưỡng hợp lý cho đàn bò sữa cao sản trong kỳ tiết sữa và cận sữa để giảm thiểu các bệnh có liên quan đến rối loạn trao đổi chất.

Số hồ sơ lưu: 17276

76517. 03-2021 **Nghiên cứu phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh An Giang/** GS. TS. Lê Văn Hòa, PGS. TS. Châu Minh Khôi; PGS. TS. Đỗ Võ Anh Khoa; PGS. TS. Nguyễn Duy Cần; GS. TS. Võ Quang Minh; PGS. TS. Phạm Thanh Vũ; PGS. TS. Trần Văn Dũng; TS. Nguyễn Minh Đông; TS. Lâm Phước Thành; ThS. Đoàn Thị Trúc Linh - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân vùng sản xuất nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao cho các loại cây trồng lúa, rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng, cây dược liệu. Phối hợp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng vùng chăn nuôi bò ứng dụng công nghệ cao (đồng cỏ, kỹ thuật nuôi). Đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp tại tỉnh An Giang. Xây dựng bộ tiêu chí xác định và phân vùng sản xuất nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao cho các loại cây trồng chủ lực (lúa,

rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng, cây dược liệu) và con bò của tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-004-2020

404. Lâm nghiệp

40405. Giống cây rừng

77382. 03-2021 **Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi cấy mô và sản xuất thử cây giống Bạch đàn PNCT3 và PNCTIV/** ThS. Phạm Đức Huy, KS. Phạm Văn Hưng; ThS. Tạ Văn Thảo; KS. Lữ Văn Thảo; ThS. Phạm Văn Hải; KS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Trần Hữu Chiến; ThS. Nguyễn Văn Chinh; KS. Phạm Thị Thúy - Hà Nội - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi cấy mô cho giống bạch đàn PNCT3 và PNCTIV. Tiến hành sản xuất cây giống bạch đàn PNCT3 và PNCTIV bằng phương pháp nuôi cấy mô và đã sản xuất được 250.000 cây mầm mô và 250.000 cây con của giống bạch đàn PNCTIV (tổng số 500.000 cây).

Số hồ sơ lưu: 17566

40407. Bảo quản và chế biến lâm sản

77014. 03-2021 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất tre ép khối làm vật liệu xây dựng và nội thất tại vùng Tây Bắc/** TS. Nguyễn Quang Trung, TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Phạm Thị Thanh Miên; ThS. Hà Tiến Mạnh; ThS. Vũ Đình Thịnh; TS. Bùi Duy Ngọc; ThS. Nguyễn Xuân Quyền; TS. Nguyễn Đức Thành;

PGS.TS. Cao Quốc An; ThS. Lê Hiếu Văn; GS.TS. Trần Văn Chứ - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Công nghiệp Rừng, 2020 - 05/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khả năng sử dụng nguyên liệu tre sẵn có tại Tây Bắc để sản xuất tre ép khối. Nghiên cứu tạo vật liệu mới thân thiện môi trường từ tre, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng nhà truyền thống và nội thất tại vùng Tây Bắc. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất tre ép khối đáp ứng yêu cầu làm vật liệu xây dựng, nội thất thân thiện môi trường và xây dựng mô hình dây chuyền công nghệ sản xuất tre ép khối quy mô 1500 m³/năm tại Tây Bắc.

Số hồ sơ lưu: 17410

405. Thủy sản

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

77008. 03-2021 **Bảo tồn, Lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Bắc**/ PGS.TS. Nguyễn Quang Huy, TS. Vũ Văn In; KS. Nguyễn Huy Hưng; KS. Đinh Thị Hạnh; KS. Phạm Văn Thìn; TS. Võ Văn Bình; ThS. Nguyễn Hải Sơn; ThS. Lê Ngọc Khánh - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập bổ sung nguồn gen cá Mát (*Onychostoma laticeps*) và cá Hỏa (*Sinilabeo tonkinensis*), mỗi nguồn gen thu thập 10-50 cá thể. Nghiên cứu bảo tồn, lưu giữ an toàn 16 nguồn gen thủy hải và 5 nguồn gen vi tảo với tỉ lệ sống các nguồn gen

thủy hải sản > 90%. Tiến hành đánh giá chi tiết 3 nguồn gen (cá Mát, cá Hỏa, cá Song da báo) và 5 nguồn gen vi tảo. Lập hồ sơ cập nhật thông tin các nguồn gen bảo tồn, lưu giữ trên website của nhiệm vụ nhằm trao đổi thông tin, cung cấp nguồn gen với các đơn vị của nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: 17404

40504. Nuôi trồng thủy sản

76110. 03-2021 **Nghiên cứu tuyển chọn giống Spirulina thích hợp nuôi nước lợ tại Thanh Hóa**/ ThS. Trần Bảo Trâm, ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Trương Thị Chiên; TS. Phạm Hương Sơn; CN. Ngô Thị Hoa; ThS. Phan Diệp Tú; KS. Trần Văn Quảng; CN. Quang Thị Ánh Tuyết; KS. Vương Tấn Đạt - Hà Nội - Trung tâm Sinh học Thực nghiệm thuộc Viện Ứng dụng Công nghệ, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập giống tảo Spirulina tại một số vùng ven biển miền trung: Thanh Hóa, Nghệ An và Bình Thuận. Tiến hành tuyển chọn giống Spirulina thích hợp nuôi nước lợ phù hợp với điều kiện tự nhiên ở Thanh Hóa từ nguồn giống thu thập. Nuôi thử nghiệm giống Spirulina tuyển chọn quy mô pilot (bể 60 m²) tại Quảng Xương, Thanh Hóa đạt năng suất cao, chất lượng tốt sẵn sàng thương mại cho doanh nghiệp có nhu cầu cũng như cung cấp cho các hộ dân vùng khó khăn ven biển phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

Số hồ sơ lưu: 16977

76185. 03-2021 **Ứng dụng tiến bộ Kỹ thuật xây dựng mô hình ương nuôi cua xanh (*Scylla paramamosain*) tại Hà Tĩnh/** KS. Trần Thị Thu Trang, ThS. Dương Thị Ngân; ThS. Trần Thị Thúy Anh; ThS. Nguyễn Cao Cường; KS. Nguyễn Thị Thủy; CN. Nguyễn Thị Hà; KS. Phan Văn Huy; CN. Lê Cao Anh; KTV. Trần Danh Tân; CN. Trần Hậu Vy; CN. Lê Thị Bích Hảo; CN. Võ Thị Thùy Liên; TS. Võ Thế Dũng; KS. Nguyễn Diễm; ThS. Võ Thị Dung; KS. Nguyễn Cảnh - Hà Tĩnh - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Hà Tĩnh, 2020 - 10/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ 03 quy trình nuôi cua bố mẹ sản xuất cua bột, quy trình ương nuôi cua bột lên cua giống cỡ 2-3cm, quy trình nuôi cua thương phẩm năng suất cao. Xây dựng mô hình sản xuất giống cua và mô hình nuôi cua thịt thương phẩm. Đào tạo kỹ thuật viên làm chủ được công nghệ chuyên giao và tập huấn kỹ thuật cho các hộ dân trên địa bàn nắm vững các quy trình kỹ thuật nuôi cua thương phẩm. Tiến hành đánh giá hiệu quả mô hình, tư liệu hóa tài liệu kỹ thuật và xây dựng phương án và tổ chức các hoạt động thông tin, chuyên giao nhân rộng mô hình tại Hà Tĩnh.

Số hồ sơ lưu: 17041

78091. 03-2021 **Hoàn thiện hệ thống thiết bị và công nghệ nuôi thâm canh cá chình hoa (*Anguilla marmorata*) bằng thức ăn công nghiệp/** ThS. Ngô Minh Khang, ThS. Hoàng Văn Duật ThS. Hoàng Văn Duật; KS. Nguyễn Đức Tú; ThS.

Trần Thị Thu Hiền; KS. Bùi Thị Thùy Nhung; Trần Thị Tuyết; KS. Phạm Thị Hà; Ngô Văn Minh; CN. Lê Hà Giang - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2019 - 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống thiết bị nuôi thâm canh cá chình hoa đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ sống > 85 %, năng suất > 70 kg/m³; FCR < 2,0, tái sử dụng nước > 80 %/ngày, đảm bảo chất lượng nước trong quá trình nuôi, nước xả thải theo tiêu chuẩn nuôi thủy sản Việt Nam (QCVN 02 - 20:2014/BNNPTNT). Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi thâm canh cá chình hoa thương phẩm từ 500 g lên 1.500 g đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: Tỷ lệ sống > 85 %, năng suất > 70 kg/m³, và FCR < 2,0. Xây dựng công thức thức ăn công nghiệp cho nuôi thâm canh cá chình đạt năng suất > 70 kg/m³, FCR < 2,0. Thử nghiệm 02 mô hình áp dụng hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ nuôi thâm canh cá chình hoa thương phẩm ở 02 tỉnh với các chỉ tiêu trên 100 m³/1 mô hình, 07 tấn/01 mô hình kích cỡ cá >1,5 kg/con; sản lượng cá chình đạt >14 tấn, cá đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 17890

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

77016. 03-2021 **Hiện đại hóa công nghệ sản xuất cá biển quy mô công nghiệp ở Việt Nam nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm/** PGS.TS. Phan Thị Vân, ThS. Nguyễn

Hữu Nghĩa; ThS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Chu Chí Thiết; TS. Nguyễn Quang Huy; TS. Trần Thị Thúy Hà; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; ThS. Vũ Thị Ngọc Liên; KS. Phan Trọng Bình - Hà Nội - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2019 - 05/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống cá chim vây vàng chất lượng cao ở quy mô thương mại. Hiện đại hóa và hoàn thiện công nghệ, xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng chất lượng cao ở quy mô công nghiệp. Tiến hành nghiên cứu bổ sung nhu cầu dinh dưỡng, hoàn thiện công thức thức ăn cho cá chim vây vàng theo hướng giảm giá thành và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn. Đồng thời, nghiên cứu quy trình chọn giống và quản lý môi trường, phòng bệnh cho cá biển.

Số hồ sơ lưu: 17409

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

77380. 03-2021 **Nâng cao năng lực tự chủ thông qua việc hoàn thiện và làm chủ công nghệ sản xuất mực in nano bạc dùng trong chế tạo linh kiện vi điện tử và hệ thống cảm biến nano đánh giá chất lượng nước ao nuôi trồng thủy hải sản/** GS.TS. Đặng Mậu Chiến, TS. Đoàn Đức Chánh Tín; TS. Đặng Thị Mỹ Dung; KS. Lê Nguyên Ngân; KS. Nguyễn Văn Trường; ThS. Trịnh Dũng Chinh; ThS. Trần Kim Hương; ThS. Lê Duy Đảm; ThS. Trương Thị Thu An; CN. Hồ Thị Thương - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Nano

(INT), 2020 - 06/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan sự cần thiết phải thực hiện Tiểu dự án và thông tin khái quát về Viện Công nghệ nano từ trước và sau khi được tài trợ. Tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị và hoàn thiện các sản phẩm trong khuôn khổ Tiểu dự án FIRST-INT, phát triển và làm chủ công nghệ sản xuất “mực in nano bạc dùng trong chế tạo linh kiện vi điện tử và hệ thống cảm biến nano đánh giá chất lượng nước ao nuôi trồng thủy hải sản.

Số hồ sơ lưu: 17574

406. Công nghệ sinh học nông nghiệp

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

76167. 03-2021 **Thu thập và đánh giá nguồn gen cây thuốc lá/** ThS. Trần Thị Thanh Hào, CN. Đinh Bá Mạnh; KS. Đỗ Thị Thúy; KS. Phùng Thị Hay - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập và đánh giá nguồn gen thực vật, nguồn gen thuốc lá trong và ngoài nước. Tiến hành điều tra, thu thập nguồn gen thuốc lá, đánh giá nguồn gen thuốc lá trong điều kiện đồng ruộng. Cập nhật, bổ sung dữ liệu và tư liệu hóa các nguồn gen thuốc lá được đánh giá năm 2019.

Số hồ sơ lưu: 17022

76168. 03-2021 **Lưu giữ, bảo quản nguồn gen cây thuốc lá/** ThS.

Trần Thị Thanh Hào, CN. Đinh Bá Mạnh; ThS. Nguyễn Văn Ninh; KTV. Ngô Thị Bằng - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành lưu giữ 81 nguồn gen bằng phương pháp bảo quản sinh trưởng chậm và lưu giữ 98 nguồn gen bằng phương pháp bảo quản trung hạn. Đồng thời nghiên cứu trẻ hóa 15 mẫu nguồn gen hạt và xây dựng ấn phẩm thông tin về nguồn gen thuốc lá đang được lưu giữ tại Viện thuốc lá.

Số hồ sơ lưu: 17023

76402. 03-2021 **Khai thác và phát triển nguồn gen bò quý hiếm tại vùng rừng giáp ranh 3 tỉnh Ninh Thuận - Lâm Đồng - Khánh Hòa/ PGS. TS. Lê Xuân Thám, KS. Lê Kim Hùng; KS. Lê Tiên Thắng; KS. Phạm Ngọc Hoàn; ThS. Nguyễn Công Vân; TS. Trần Quý; TS. Lê Văn Sơn; ThS. Phạm Ngọc Duy - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng, 2019 - 10/2015 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nuôi dưỡng chăm sóc và bảo tồn nguồn gene quý - Quần đàn bò quý hiếm thể hệ thứ 1 hiện lưu giữ tại Trại thực nghiệm, kiểm tra các cá thể đang lưu giữ nuôi dưỡng trong đàn. Kiểm tra các cá thể lai về cấu trúc karyotype bộ nhiễm sắc thể và các giám định DNA các vùng chỉ thị đặc trưng. Đánh giá khả năng lai tạo, giao phối hai chiều giữa bò quý hiếm thể hệ thứ 1 với bò nhà, xem xét các con lai thể hệ sau có thể thu được và đánh giá tính hữu thụ, khả năng có con đực

có bộ nhiễm sắc thể đạt cân bằng $2n=60$.

Số hồ sơ lưu: 17255

77343. 03-2021 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Trung/ TS. Nguyễn Văn Hùng, ThS. Dương Thị Phương; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; KS. Lê Văn Diệu; ThS. Nguyễn Thị Hương; CN. Trần Huy Chinh; ThS. Trần Thế Thanh Thi; KS. Phạm Thùy Linh; TS. Phan Đình Phúc; KS. Nguyễn Anh Tiến - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Thu thập mới 2 nguồn gen thủy sản, bao gồm: 150 con cá chạch lấu có khối lượng 0,2 - 0,3 kg/con và 70 con cá bè vầu có khối lượng từ 3,5 - 4 kg/con. và thu thập mới 3 nguồn gen vi tảo biển, bao gồm: *Nannochloropsis oculata*, *Chaetoceros muelleri* và *Dicrateria inornata*. Tiến hành lưu giữ an toàn mẫu vật sống của 19 nguồn gen trong đó có 10 nguồn gen thủy sản và 09 nguồn gen vi tảo. Từ đó, đánh giá cũng như tư liệu hóa nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 17552

77344. 03-2021 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Trung/ TS. Nguyễn Văn Hùng, ThS. Dương Thị Phương; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; TS. Phan Đình Phúc; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Trần Thế Thanh Thi; KS. Phạm Thùy Linh; KS. Lê Văn Diệu; ThS. Phan Thị Lệ Anh - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Điều tra, thu thập mới 1 nguồn gen thủy sản, bao gồm: 100 con cá mồm trâu có khối lượng 0,2 - 0,3 kg/con. Điều tra, thu thập 1 nguồn gen vi tảo biển *Isochrysis galbana* và điều tra khả năng bảo tồn 02 loài rong biển *Kappaphycus alvarezii* và *Eucheuma denticulatum* và đề xuất phương pháp bảo tồn. Tiến hành lưu giữ an toàn mẫu vật sống của 19 nguồn gen trong đó có 09 nguồn gen thủy sản và 10 nguồn gen vi tảo. Từ đó, đánh giá cũng như tư liệu hóa nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 17553

78123. 03-2021 **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo và đa dạng sinh học/ TS. Nguyễn Thị Trang, PGS.TS. Phạm Hồng Ngân; PGS.TS. Nguyễn Bá Hiên; GS.TS. Phan Hữu Tôn; ThS. Vũ Thị Ngọc; ThS. Vũ Thị Bích Hạnh; ThS. Trần Thị Thanh Hà; ThS. Tống Văn Hải; ThS. Nguyễn Thị Lương; KS. Phan Hữu Hiên - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2018 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Lưu giữ an toàn các mẫu giống lúa, ngô, cà chua nhập nội bằng ngân hàng gen hạt và lưu giữ an toàn nguồn gen vi sinh vật thú y, bao gồm 05 nguồn gen vi khuẩn, 02 nguồn gen virus. Đánh giá khả năng kháng bệnh khô vằn, bệnh đốm sọc bằng lây nhiễm nhân tạo, xác định nhiệt độ hóa hồ của các mẫu giống. Đánh giá đặc điểm nông sinh học của 67 mẫu và khả năng chống chịu bệnh gỉ sắt của 67 mẫu giống ngô nhập nội trong điều kiện nhân tạo. Xác định độ hữu thụ

của các giống, xác định độ brix, hàm lượng chất khô, hàm lượng đường tổng số, hàm lượng vitamin C của các mẫu giống cà chua nhập nội. Chọn lọc chất bổ trợ thích hợp để lưu giữ 2 virus thú y là virus dịch tả vịt nhược độc DP-EG-2000 và virus viêm gan vịt nhược độc DH-EG- 2000. Tư liệu hóa nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 17898

499. Khoa học nông nghiệp khác

77012. 03-2021 **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các vùng đồi núi Bắc Trung Bộ thích ứng với biến đổi khí hậu/ TS. Phạm Thị Thanh Hương, ThS. Lê Văn Cường; PGS.TS. Hoàng Thị Mai; TS. Trần Công Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Loan; PGS.TS. Nguyễn Bá Thông; KS. Nguyễn Văn Lượng; TS. Trần Thị Huế; ThS. Trịnh Đức Toàn - Hà Nội - Trường Đại học Hồng Đức, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng báo cáo tổng hợp đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp cho các vùng đồi núi Bắc Trung Bộ làm cơ sở để lựa chọn công nghệ tiên tiến trong canh tác các loại cây trồng chủ lực. Đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất và quy trình kỹ thuật canh tác của các loại cây trồng chủ lực (lúa, ngô, mía, sắn, lạc). Tuyển chọn một số giống cây trồng chủ lực có khả năng chịu hạn thích ứng với vùng đồi núi Bắc Trung Bộ. Đề xuất, ứng dụng được một số các công nghệ canh tác tiên

tiên cho cây lúa, ngô, mía, sắn và xây dựng được quy trình hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho các loại cây trồng chủ lực.

Số hồ sơ lưu: 17411

5. Khoa học xã hội

77613. 03-2021 **Xây dựng hệ thống giám sát giao thông và trật tự công cộng thông qua camera số sử dụng trí tuệ nhân tạo tại phường 1 thành phố Vĩnh Long.**/ TS. Thoại Nam, TS. Dương Ngọc Hiếu; ThS. Lê Quốc Tuấn; ThS. Nguyễn Quốc Việt; ThS. Trịnh Văn Quảng; ThS. Hoàng Xuân Lộc; KS. Nguyễn Thanh Trông; CN. Ngô Quang Nhựt - Vĩnh Long - Trung tâm Kỹ thuật điện toán, 2019 - 02/2019 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng giải pháp quản lý camera trên nền công nghệ bản đồ số, sử dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích trạng thái giao thông và phát hiện đám đông trên địa bàn phường 1 thành phố Vĩnh Long. Mục tiêu cụ thể: Gồm ba mục tiêu chính cần thực hiện là: tích hợp - giám sát camera, phân tích dữ liệu camera và trực quan thông tin.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.002

77670. 03-2021 **Sưu tầm, nghiên cứu Văn học dân gian tỉnh Vĩnh Long**/ ThS. Âu Thị Ánh Nguyệt, ThS. Đỗ Ý Ly; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hà; TS. Nguyễn Thiên Lan - Vĩnh Long - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long, 0 - 11/2015 - 04/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích đánh giá thực trạng trữ lượng văn học dân gian tỉnh Vĩnh Long trong bối cảnh chung của các tỉnh Nam Bộ và của cả nước. Nghiên cứu toàn diện, đánh giá nội dung và giá trị, phân tích ý nghĩa, diễn biến quá trình của văn học dân gian Vĩnh Long. Đề xuất sử dụng những tác phẩm văn học dân gian đặc sắc của tỉnh Vĩnh Long, phục vụ du lịch và giáo dục Vĩnh Long. Giới thiệu chân dung và đề xuất công nhận các danh nhân văn học dân gian ở tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.005

77736. 03-2021 **Giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh tỉnh Vĩnh Long**/ TS. Lâm Thị Trúc Linh, ThS. Nguyễn Thị Thúy Liễu; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Lan - Vĩnh Long - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP.HCM tại tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 05/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định tiêu chí đánh giá chất lượng công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại ĐVSN công lập. Đánh giá thực trạng về chất lượng công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại các ĐVSN công lập cấp tỉnh tỉnh Vĩnh Long, đánh giá được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế. Đề ra các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, công tác kế toán tại các ĐVSN công lập cấp tỉnh tỉnh Vĩnh Long, cụ thể gồm giải pháp tiếp tục phát huy những ưu điểm và giải pháp khắc phục các hạn chế tồn tại.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.012

77737. 03-2021 **Giải pháp liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong việc giải quyết việc làm cho sinh viên học sinh sau khi tốt nghiệp.**/ ThS. Nguyễn Thị Thúy Liễu, ThS. Dương Nguyễn Thanh Phương; CN. Nguyễn Văn Rớt; ThS. Trương Thị Hoàng Oanh; CN. Võ Văn Tám; CN. Nguyễn Minh Luyến - Vĩnh Long - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP.HCM tại tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 05/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc SV ra trường không chỉ có việc làm ngay mà còn phải đạt yêu cầu của doanh nghiệp, việc liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp giúp cho người học học đi đôi với hành, gắn tuyển sinh với tuyển dụng, gắn đào tạo với cung ứng nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho SV dễ dàng tìm được việc làm sau khi ra trường cũng như giúp các em đáp ứng được yêu cầu khắt khe của thị trường lao động. Từ sự liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, các trường sẽ thực hiện công tác đào tạo theo phương châm lý luận phải gắn liền với thực tiễn. Theo chương trình đào tạo, nội dung lý thuyết sẽ được đào tạo tại trường, nội dung thực hành sẽ được đào tạo trực tiếp ở môi trường doanh nghiệp do những chuyên gia làm việc trực tiếp trong các lĩnh vực tại các doanh nghiệp giảng dạy....., từ đó giúp cho SV nắm vững kiến thức ngay trong quá trình học, giúp các em nâng cao khả năng sáng tạo, có tư duy độc lập có thể tự học, tự thực hành.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.013

502. Kinh tế và kinh doanh

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

76097. 03-2021 **Nghiên cứu đề xuất hướng tiếp cận xây dựng khung pháp lý về CNTT hướng tới phát triển kinh tế số tại Việt Nam/** ThS. Đỗ Trường Giang, TS. Đào Đình Khả; TS. Nguyễn Thanh Tuyên; ThS. Nguyễn Đức Toàn; CN. Trương Hữu Chung; ThS. Phạm Trọng Thanh; ThS. Nguyễn Văn Thuật; ThS. Bùi Thanh Tùng; ThS. Trần Thị Hương Giang; ThS. Đặng Thị Diệu Thúy; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hòa - Hà Nội - Vụ Công nghệ thông tin, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về kinh tế số. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về khung chính sách hướng tới nền kinh tế số tại một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc và một số nước trong khối ASEAN. Phân tích một số cơ hội và thách thức của Việt Nam trong nền kinh tế số và mối liên quan đến pháp lý về công nghệ thông tin để từ đó đề xuất hướng tiếp cận xây dựng khung pháp lý công nghệ thông tin hướng tới phát triển kinh tế số tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16961

76146. 03-2021 **Nghiên cứu đề xuất phương pháp xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam/** TS. Đặng Thu Hương, ThS. Phạm Thị Minh Thảo; GS.TS. Nguyễn Khắc Minh; TS. Nguyễn Minh Ngọc;

TS. Đỗ Thị Hương; ThS. Bùi Đăng Minh; ThS. Hoàng Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Trần Anh Ngọc; TS. Nguyễn Hữu Xuyên - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2019 - 10/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phương pháp và cách tiếp cận xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ. Xây dựng quy trình xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ. Đo lường giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam trong giai đoạn 2013 – 2016 qua nghiên cứu thử nghiệm phương pháp xác định giá trị giao dịch công nghệ. Đề xuất hệ thống chỉ tiêu/tiêu chí để xác định giá trị giao dịch công nghệ phù hợp với các đối tượng công nghệ được giao dịch, các hình thức giao dịch trên thị trường khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 17042

76156. 03-2021 **Kinh tế, chính trị thế giới 2019 và triển vọng 2020**/ TS. Nguyễn Bình Giang, TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Nghiêm Tuấn Hùng; ThS. Đặng Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Nguyễn Đình Ngân; CN. Trần Thị Thu Thủy - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan kinh tế và chính trị thế giới năm 2019. Phân tích và đánh giá các xu hướng và các vấn đề nổi bật trong nền kinh tế, chính trị và an ninh thế giới trong năm 2019. Dự báo triển vọng kinh tế và chính trị thế giới

năm 2020 và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, chỉ ra hướng tác động chính của các xu hướng, vấn đề kinh tế - chính trị thế giới đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17016

76161. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chí, quy trình tìm kiếm, nhận dạng và lựa chọn công nghệ sản xuất linh kiện, phụ kiện của công nghiệp hỗ trợ trong ngành công nghiệp điện tử**/ TS. Đỗ Đức Nam, ThS. Mai Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Nguyễn Mạnh Tiến; ThS. Phạm Thị Hà; CN. Nguyễn Thị Hồng; TS. Nguyễn Hoàng Hải; TS. Nguyễn Trọng Hiếu; ThS. Trương Văn Công; PGS.TS. Phạm Ngọc Nam; TS. Trương Thu Hương - Hà Nội - Văn phòng Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, 2019 - 12/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phương pháp luận về tiêu chí, quy trình tìm kiếm, nhận dạng và lựa chọn công nghệ sản xuất linh phụ kiện điện tử, khái quát và đánh giá thực trạng hoạt động tìm kiếm, nhận dạng và lựa chọn công nghệ sản xuất trong các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ điện tử ở Việt Nam trong thời gian qua. đúc kết kinh nghiệm quốc tế và rút ra bài học cho Việt Nam trên lĩnh vực linh kiện điện tử. Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí và quy trình tìm kiếm, nhận dạng. Từ đó, đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam về sản xuất linh phụ kiện điện tử.

Số hồ sơ lưu: 17012

76170. 03-2021 **Phân tích, đánh giá chất lượng thuốc lá điều nhập lậu phổ biến tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp kỹ thuật nhằm hạn chế thuốc lá điều nhập lậu/** ThS. Chu Cao Khánh, CN. Nguyễn Việt Hà; CN. Nguyễn Bạch Dương - Hà Nội - Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Trong năm 2018 đã tiến hành thu thập thông tin và lấy các mẫu thuốc lá điều nhập khẩu phổ biến tại Việt Nam, xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng thuốc lá điều, phân tích các chỉ tiêu chất lượng các mẫu thuốc lá lậu phổ biến tại Việt Nam. Năm 2019, tiến hành thu thập thông tin và lấy các mẫu thuốc lá điều nội địa, phân tích các chỉ tiêu chất lượng các mẫu thuốc lá điều nội địa, đánh giá so sánh chất lượng sản phẩm thuốc lá điều nhập lậu với chất lượng các sản phẩm thuốc lá điều nội địa tại thị trường Việt Nam trên cùng phân khúc sản phẩm. Đề xuất một số giải pháp kỹ thuật nhằm hạn chế thuốc lá điều nhập lậu.

Số hồ sơ lưu: 17019

76397. 03-2021 **Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách/** GS. TS. Ngô Thắng Lợi, PGS. TS. Vũ Thành Hương; PGS. TS. Phạm Hồng Chương; PGS.TS. Hoàng Văn Cường; PGS.TS. Vũ Cương; PGS.TS. Bùi Đức Tuân; TS. Nguyễn

Phương Bắc; PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Quỳnh Hoa; PGS. TS. Lê Trung Thành; PGS. TS. Trần Mạnh Dũng; TS. Trần Ngọc Thìn; TS. Nguyễn Xuân Hòa; TS. Nguyễn Thế Vinh; TS. Phí Thị Hồng Linh; TS. Bùi Thị Thanh Huyền; TS. Lê Huỳnh Mai; TS. Bùi Trung Hải; TS. Nguyễn Thị Hoa; TS. Nguyễn Thị Thu Cúc; ThS. Nguyễn Bá Nhâm; ThS. Ngô Quốc Dũng - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu nhằm hoàn thiện hệ thống luận cứ khoa học (lý luận và thực tiễn) về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, vận dụng vào đánh giá mối quan hệ này ở Việt Nam trong thời gian qua, (chủ yếu từ 2001 đến nay) và đề xuất quan điểm, định hướng, giải pháp chính sách phù hợp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, áp dụng cho giai đoạn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17244

77047. 03-2021 **Nghiên cứu sự phù hợp với những hạn chế của Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) áp dụng trong điều kiện Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Phương Mai, PGS.TS. Trần Ngọc Ca; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Trần Xuân Bách; ThS. Nguyễn Võ Hưng; ThS. Nguyễn Thu Hà; CN. Trần Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; CN. Bùi Tố Tâm; CN. Phạm Thị Thắm - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ,

2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định mục tiêu chung là nhằm “Nghiên cứu phương pháp luận do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) áp dụng để xây dựng và tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), đối chiếu với đặc điểm kinh tế - xã hội và hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam, từ đó phân tích những ưu điểm, hạn chế của cách tiếp cận mà Tổ chức WIPO áp dụng và đưa ra những khuyến nghị về sử dụng GIÍ như một công cụ chính sách phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam”. Làm rõ phương pháp luận của việc xây dựng và tính toán chỉ số GIÍ; Phân tích sự phù hợp, hạn chế của cách tiếp cận GIÍ đối với nền kinh tế Việt Nam; Khuyến nghị sử dụng cách tiếp cận GIÍ như một công cụ chính sách phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17279

50202. Kinh doanh và quản lý

76147. 03-2021 **Tác động của quản trị tri thức đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam/** PGS.TS. Đỗ Thị Kim Hào, ThS. Phạm Đức Anh; TS. Trần Mạnh Hà; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Xuân Quang; ThS. Trần Thị Bảo Quế; TS. Chu Khánh Lâm; ThS. Trương Hoàng Diệp Hương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 10/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Trình bày cơ sở lý thuyết về tác động của quản trị tri thức tới hiệu quả hoạt

động của ngân hàng thương mại. Đánh giá tác động của quản trị tri thức đối với hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam. Từ đó, đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị tri thức, từ đó thúc đẩy hiệu quả hoạt động tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17008

76158. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tài chính của doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng thông qua công cụ kiểm toán/** TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan, TS. Phan Thị Thu Hiền; TS. Phạm Thị Lụa; TS. Nguyễn Hồng Anh; TS. Đinh Thị Kim Xuyên; TS. Hoàng Thị Huyền; TS. Trần Thị Quỳnh Giang; ThS. Nguyễn Ngọc Toàn; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Lê Minh Thành; CN. Hoàng Thị Hương - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng về hoạt động tài chính các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng, mối tương quan giữa chất lượng hoạt động tài chính với công cụ kiểm toán thông qua việc đo lường mức độ ảnh hưởng của chất lượng kiểm toán tới hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng. Xây dựng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tài chính của doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng thông qua công cụ kiểm toán. Đề xuất, giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp công nghiệp khu

vực đồng bằng sông Hồng thông qua công cụ kiểm toán.

Số hồ sơ lưu: 17020

76401. 03-2021 **Tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của SMEs Việt Nam/** TS.Trần Mạnh Hà, TS.Phạm Thu Thủy; TS.Nguyễn Thị Việt Hà; ThS.Nguyễn Bích Ngân; ThS.Nguyễn Thanh Tùng; ThS.Tạ Thanh Huyền; ThS.Trần Thị Thu Hương; ThS.Nguyễn Bích Ngọc; ThS.Nguyễn Thị Thu Trang - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2019 - 01/2019 - 01/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề: Về SMEs tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; Về nhân tố tác động đến việc SMEs tham gia Chuỗi giá trị toàn cầu. Mặc dù đã có những nghiên cứu về chuỗi giá trị toàn cầu cũng như sự tham gia của SMEs vào chuỗi giá trị toàn cầu trên thế giới, tuy nhiên chưa có một nghiên cứu định lượng nào nghiên cứu sự tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các SMEs tại Việt Nam, đặc biệt phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của nhóm doanh nghiệp này.

Số hồ sơ lưu: 17256

76833. 03-2021 **Đóng góp năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 – 2015, kiến nghị giai đoạn 2016 – 2020/** CN. Phan Phước, ThS. Nguyễn Hữu Khánh Linh; ThS. Hoàng Ngọc Cường; ThS. Trần Quang Vinh; ThS. Nguyễn Trung Tiến; CN. Cao Hữu

Chung; CN. Trần Xuân Bá; PGS.TS Tăng Văn Khiên; KS. Hoàng Ái; ThS. Phạm Thị Kim Phụng - Thừa Thiên Huế - Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác định được tốc độ tăng của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và tỷ trọng đóng góp năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010-2015, phân theo khu vực kinh tế. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2016-2020. Hệ thống nền tảng lý thuyết, cơ sở lý luận về năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp. Xác định các yếu tố tác động đến tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp và đóng góp năng suất nhân tố tổng hợp trong tăng trưởng GRDP. Nêu được những thuận lợi và khó khăn trong nâng cao tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp của địa phương. Đề xuất được phương pháp thu thập số liệu tính tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp từ số liệu thống kê hàng năm. Kiến nghị các giải pháp nâng cao tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp cho giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: THE-001-2020

77351. 03-2021 **Đổi mới hệ thống hưu trí theo định hướng cải cách chính sách bảo hiểm xã hội giai đoạn 2020-2030/** ThS. Nguyễn Duy Cường, CN. Trịnh Thị Nguyệt Ánh; PGS.TS. Giang Thanh Long; ThS. Trần Hải Nam; TS. Nguyễn Việt Cường; CN. Đỗ Ngọc Thọ; PGS.TS.

Nguyễn Văn Định; TS. Hoàng Bích Hồng; ThS. Phạm Ngọc Toàn; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Giang - Hà Nội - Vụ Bảo hiểm xã hội, 2019 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về hệ thống hưu trí. Tìm hiểu thực trạng hệ thống hưu trí ở Việt Nam. Đề xuất đổi mới hệ thống hưu trí tại Việt Nam theo định hướng cải cách chính sách bảo hiểm xã hội giai đoạn 2020 - 2030.

Số hồ sơ lưu: 17559

77384. 03-2021 **Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê về bảo hiểm xã hội/** ThS. Nguyễn Hữu Thọ, ThS. Trần Thanh Nam; PGS.TS. Nguyễn Văn Định; CN. Đỗ Ngọc Thọ; TS. Vũ Thị Thùy Chi; ThS. Bùi Doãn Trung; ThS. Trần Khánh; TS. Mai Thị Dung; ThS. Nguyễn Thành Tuấn; CN. Lê Tuyết Mai - Hà Nội - Vụ Bảo hiểm xã hội, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về chỉ tiêu thống kê về bảo hiểm xã hội. Tổng quan xu hướng quốc tế về chỉ tiêu thống kê về bảo hiểm xã hội và đánh giá thực trạng của chỉ tiêu thống kê về bảo hiểm xã hội ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất hệ thống chỉ tiêu thống kê về bảo hiểm xã hội.

Số hồ sơ lưu: 17573

78102. 03-2021 **Nghiên cứu, hoàn thiện chức năng thanh tra chuyên ngành của Bảo hiểm xã hội Việt Nam/** ThS. Trần Đức Long, ThS. Trần Việt Hưng; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Trần Văn Dũng; ThS. Ngô Văn Cường; ThS. Bùi Công

Quang; TS. Trần Quang Thông; ThS. Trần Mạnh Toàn; ThS. Phạm Tuấn Cường; ThS. Phan Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Vụ Thanh tra - Kiểm tra, 2020 - 05/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề cơ bản về thanh tra và thanh tra chuyên ngành bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Thực trạng tổ chức hoạt động kiểm tra và thanh tra về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Đề xuất hoàn thiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của bảo hiểm xã hội Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 17891

78121. 03-2021 **Nhân rộng áp dụng công cụ chỉ số hoạt động chính (KPI) vào các tổ chức doanh nghiệp Việt Nam năm 2018/** PGS.TS. Nguyễn Xuân Minh, ThS. Nguyễn Tuấn; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; PGS.TSKH. Nguyễn Văn Minh; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; PGS.TS. Nguyễn Tiến Hoàng; TS. Trần Quốc Trung; TS. Trần Nguyên Chất; KS. Đặng Văn Kỳ; ThS. Nguyễn Ngọc Tùng; ThS. Phạm Thu Thủy; ThS. Trần Hải Phú; ThS. Vũ Hoàng Long; ThS. Nguyễn Quốc Tuấn; ThS. Tô Thị Thùy Trang; ThS. Trịnh Quang Hưng; ThS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Nguyễn Thảo My; TS. Phạm Hùng Cường; ThS. Nguyễn Xuân Đạo; ThS. Nguyễn Thị An Ly; ThS. Hoàng Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Đỗ Thị Thanh Hương; ThS. Bùi Mai Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngoại

thương, 2020 - 01/2018 - 12/2019.
(Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công cụ chỉ số hoạt động chính KPI cho 500 tổ chức, doanh nghiệp thuộc tối thiểu 05 ngành hàng ở cả 3 miền trên cả nước. Tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ tư vấn thực hành cải tiến của 90 tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Tư vấn hỗ trợ trực tiếp cho 30 tổ chức, doanh nghiệp về kinh nghiệm ứng dụng công cụ chỉ số KPI tại tổ chức, doanh nghiệp. Thông tin, tuyên truyền, quảng bá, chia sẻ để nhân rộng kết quả thông qua các bài viết, bài báo, các tài liệu đã được tổng hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: 17896

503. Khoa học giáo dục

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục, ...

76107. 03-2021 **Đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế, bình đẳng cơ hội và gắn kết xã hội khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ/** TS. Trương Anh Dũng, TS. Nguyễn Đức Hồ; TS. Vũ Xuân Hùng; ThS. Khương Thị Nhàn; ThS. Trần Thu Hương; ThS. Phùng Lê Khanh; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Nguyễn Quang Hùng; CN. Đào Văn Tiến - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế, bình

đẳng cơ hội và gắn kết xã hội. Đánh giá thực trạng đào tạo nghề nghiệp, phân tích nhu cầu đào tạo lao động khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Từ đó, đề xuất giải pháp đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển kinh tế, bình đẳng cơ hội và gắn kết xã hội khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 16966

76176. 03-2021 **Phát triển năng lực hiểu biết định lượng cho sinh viên sư phạm ngành toán hướng đến dạy học hiệu quả những tình huống có bối cảnh thực tế/** TS. Trần Dũng, TS. Nguyễn Thị Tân An; TS. Nguyễn Thị Duyên; GS.TS. Bùi Văn Nghi; ThS. Huỳnh Quang Nhật Minh; ThS. Tạ Thị Minh Phương - Thừa Thiên - Huế - Trường đại học sư phạm, đại học Huế, 2019 - 05/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến hiểu biết định lượng trên thế giới và trong nước. Thiết kế và tích hợp các nội dung phù hợp vào chương trình đào tạo giáo viên toán để phát triển hiểu biết định lượng cho sinh viên sư phạm ngành toán. Nghiên cứu hiểu biết định lượng được phát triển như thế nào trong môi trường đào tạo giáo viên toán chú trọng vào đào tạo năng lực dạy học sử dụng bối cảnh.

Số hồ sơ lưu: 17033

76192. 03-2021 **Chuẩn hóa giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu hội nhập/** ThS. Phạm Xuân Thu, ThS. Lê Thị Thảo; PGS.TS. Mạc Văn Tiến; TS. Nguyễn Quang Việt; ThS. Nguyễn Thế Mạnh; TS. Nguyễn Duy

Hung; TS. Cao Danh Chính; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; CN. Cao Quang Đại - Hà Nội - Viện Khoa học giáo dục nghề nghiệp, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích cơ sở khoa học và thực trạng về chuẩn hóa trong giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu hội nhập. Đánh giá thực trạng tình hình chuẩn hóa trong giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu hội nhập tại Việt Nam. Đề xuất các giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện chuẩn hóa trong giáo dục nghề nghiệp theo yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 17044

76233. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức về 3 hiệp định (ATIGA, AFAS, ACIA) của AEC cho cán bộ, công chức, viên chức và doanh nghiệp ngành Công Thương/ CN.** Nguyễn Thanh Phương, ThS. Trần Thành Vũ; ThS. Nguyễn Thị Hải Lý; ThS. Trương Thị Minh; ThS. Nguyễn Thị Hinh; ThS. Phạm Thị Yên; CN. Bùi Thị Hồng Thủy; KS. Vũ Thanh Tuấn - Hà Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ Công thương Trung ương, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề chung về xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức về Hiệp định thương mại tự do khu vực; Phân tích thực trạng xây dựng, triển khai chương trình bồi dưỡng kiến thức về 3 Hiệp định (ATIGA, AFAS, ACIA) của AEC từ năm 2013 đến 2018 cho công chức, viên chức và doanh nghiệp ngành Công Thương; Đề xuất xây dựng

chương trình bồi dưỡng kiến thức về 3 Hiệp định (ATIGA, AFAS, ACIA) của AEC cho cán bộ công chức, viên chức và doanh nghiệp ngành Công Thương đến năm 2020 tầm nhìn 2025.

Số hồ sơ lưu: 17103

78085. 03-2021 **Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Bảo hiểm xã hội/ ThS. Lê Hùng Sơn, ThS. Vũ Lương Huyền; ThS. Nguyễn Tuyết Mai; CN. Bùi Thị Vân Anh; CN. Trần Quốc Thắng; ThS. Bùi Văn Bắc; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Trương Mai Việt; ThS. Lê Văn Quang; KS. Đặng Thị Kim Oanh - Hà Nội - Vụ Tổ chức Cán bộ, 2020 - 07/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nói chung và công chức, viên chức trong ngành bảo hiểm xã hội nói riêng. Đánh giá thực trạng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành bảo hiểm xã hội trong giai đoạn 2015-2019. Nghiên cứu định hướng phát triển nguồn nhân lực ngành bảo hiểm xã hội đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 17882

504. Xã hội học

50404. Dân tộc học

76931. 03-2021 **Vai trò của già làng và người có uy tín trong phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước/ TS. Nguyễn Văn Thắng, ThS. Nguyễn Minh Trí; ThS. Hoàng Anh Dũng; PGS, TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Lê Văn Hà; CN. Ma Ly Phước; ThS.**

Nguyễn Đình Sang; CN. Huỳnh Quốc Cường; CN. Bùi Thị Thoa - Bình Phước - Ban dân tộc, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm sáng tỏ vai trò, vị trí của già làng và người có uy tín vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước trong truyền thống và trong xã hội mới hiện nay. Đánh giá những mặt tích cực và hạn chế nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm, đề xuất quan điểm, kiến nghị, giải pháp phù hợp, khả thi, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách nhằm kế thừa, phát huy hiệu quả vai trò của già làng và người có uy tín trong phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước.

Số hồ sơ lưu: BPC-009-2020

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

76499. 03-2021 **Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phục vụ phát triển huyện nông thôn mới (huyện Châu Phú, tỉnh An Giang)**/ PGS. TS. Võ Văn Dút, PGS. TS. Võ Văn Dút; TS. Nguyễn Hữu Đăng; ThS. Trần Thu Hương; ThS. Huỳnh Hữu Thọ; ThS. Trần Thị Bạch Yến; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Xuân Thuận; ThS. Nguyễn Lê Hoa Tuyết; CN. Lý Thanh Xuyên; ThS. Lý Huỳnh Nhật Tiến - An Giang - Trường Đại học Cần Thơ, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Đánh giá

hiệu quả kinh tế của các mô hình sản xuất nông nghiệp tại huyện Châu Phú; Xác định và định hướng các mô hình sản xuất nông nghiệp cần chuyển đổi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp phục vụ phát triển huyện nông thôn mới tại huyện Châu Phú; Đề xuất các giải pháp chủ yếu để thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp phục vụ phát triển huyện nông thôn mới tại huyện Châu Phú, An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-002-2020

76734. 03-2021 **Đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp (trường hợp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy)**/ ThS. Nguyễn Thị Hà, ThS. Mai Thị Quế; NCS. Nguyễn Thị Hương; TS. Lê Thị Mỹ Hà; CN. Nguyễn Thái Đăng Hồng Ân; ThS. Trần Thị Lệ; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương; ThS. Phạm Hoàng Phước; CN. Nguyễn Thị Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên; ThS. Trần Hải Hà; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trần Thanh Hồng Lan; Võ Huỳnh Khuyên - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng về việc đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thức, thái độ, hành vi của người dân trong việc đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy. Những yếu tố tác động đến việc đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường đảm bảo

an toàn phòng cháy, chữa cháy cho người dân trên địa bàn thành phố; nâng cao ý thức của người dân trong việc phối kết hợp với cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy cũng như tự chủ trong việc đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy cho bản thân, gia đình và xã hội.

Số hồ sơ lưu: HCM-108-2020

78122. 03-2021 **Tác động của mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Bùi Thị Kim Phương; PGS.TS. Bùi Hoài Sơn; GS.TS. Trương Quốc Bình; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Mai Thị Thùy Hương; ThS. Trần Hồng Quang - Hà Nội - Viện văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và tổng quan về mạng xã hội. Nghiên cứu thực trạng việc sử dụng mạng xã hội của thanh, thiếu niên hiện nay. Nhận diện, đánh giá tác động của mạng xã hội đối với lối sống của thanh, thiếu niên và xu hướng phát triển, giải pháp phát huy vai trò của mạng xã hội trong việc xây dựng lối sống của thanh, thiếu niên hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 17894

505. Pháp luật

50501. Luật học

76069. 03-2021 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm thiểu vi phạm khi vận chuyển hàng nguy hiểm trong chuỗi Logistics để tuân thủ bộ luật quốc tế về vận chuyển hàng nguy hiểm/** ThS. Nguyễn Ngọc Hà, TS. Nguyễn Cảnh Toàn; ThS. Đỗ

Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Ngọc Hòa; ThS. Nguyễn Thị Lê Hằng; ThS. Đoàn Thu Hà - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về vận chuyển hàng nguy hiểm trong chuỗi Logistics và tìm hiểu về hệ thống công ước, luật pháp quốc tế mà Việt Nam đã ký về vận chuyển hàng nguy hiểm. Tiến hành đề xuất, Khuyến nghị một số nhóm giải pháp giảm thiểu vi phạm khi vận chuyển hàng nguy hiểm trong chuỗi Logistics đảm bảo sự tuân thủ đúng theo các công ước, luật pháp quốc tế và của quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 16962

76102. 03-2021 **Báo cáo thường niên: "Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay"/** TS. Bùi Đức Hiền, PGS.TS. Phạm Hữu Nghị; PGS.TS. Lê Mai Thanh; TS. Phạm Thị Hương Lan; ThS. Nguyễn Thị Bảo Nga; ThS. Nguyễn Thị; ThS. Phạm Thị Hiền; ThS. Nghiêm Thu Hồng - Hà Nội - Viện Nhà nước và Pháp luật, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu, giải quyết các vấn đề lý luận của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường. Phân tích, đánh giá thực trạng quy định và thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, nêu định hướng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. Gợi mở các vấn đề cần, nhiệm vụ tiếp tục nghiên

cứu về pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 16959

76115. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn "Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Hướng dẫn cho việc phân tích và giải thích bằng chứng số"**/ ThS. Trần Nguyên Chung, TS. Nguyễn Trọng Đường; ThS. Ngô Quang Huy; ThS. Nguyễn Hữu Nguyên; ThS. Nguyễn Thành Chương; KS. Nguyễn Thị Thu Huyền; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; ThS. Phạm Sỹ Nguyên - Hà Nội - Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (Nay là Trung tâm ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam thuộc Cục An toàn thông tin, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khảo sát tình hình tiêu chuẩn hóa liên quan đến an toàn thông tin trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai áp dụng Tiêu chuẩn ISO/IEC 27042:2015 để từ đó ra soát các vấn đề công nghệ có liên quan để đề xuất xây dựng dự thảo tiêu chuẩn tại Việt Nam một cách phù hợp nhất.

Số hồ sơ lưu: 16976

76399. 03-2021 **Nghiên cứu, đề xuất tiêu chí quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở**/ ThS. Tạ Thị Hà, ThS.Đàm Thị Mai Oanh; KS.Phạm Thị Phương Thúy; ThS.Nguyễn Xuân Kiên; KS.Nguyễn Văn Hiến; CN.Lâm Thị Nguyên; ThS.Nguyễn Văn Vụ; ThS.Trần Ngọc Minh; ThS.Đỗ Thị Hồng Thắm; ThS.Lê Gia Chinh - Hà Nội - Viện

nghiên cứu quản lý đất đai, 2020 - 07/2016 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu được tổng quan về tách thửa và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, trong đó đưa ra được các khái niệm về tách thửa, đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; các quy định của pháp luật đất đai có liên quan đến tách thửa và quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn xác định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; Đề xuất tiêu chí quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở phù hợp với điều kiện tập quán của các địa phương trong cả nước.

Số hồ sơ lưu: 17253

76466. 03-2021 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và đề xuất giải pháp hoàn thiện khung luật pháp cơ chế, chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang, PGS.TS.Trần Ngọc Ca; ThS.Nguyễn Võ Hưng; ThS.Nguyễn Thị Phương Mai; ThS.Đinh Tuấn Minh; ThS.Nguyễn Thanh Tùng; KS.Phạm Thị Thắm; ThS.Nguyễn Quỳnh Anh; CN.Bùi Tố Tâm; TS.Phạm Dũng Nam - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2019 - 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo; Phân tích thực trạng và xác định các yếu tố về luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ hệ sinh thái khởi

nghiệp dựa trên đổi mới sáng tạo cần bổ sung, hoàn thiện ở Việt Nam; Đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp luật, cơ chế, chính sách để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam trong giai đoạn đến 2025.

Số hồ sơ lưu: 17272

506. Khoa học chính trị

50601. Khoa học chính trị

74219. 03-2021 **Xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc: Những vấn đề đặt ra và định hướng chính sách/ PGS. TS. Trương Minh Dục, PGS. TS. Nguyễn Văn Lý; TS. Vũ Anh Tuấn; TS. Lê Văn Định; TS. Trần Tăng Khởi - Đà Nẵng - Học viện chính trị khu vực III, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc; đánh giá thực trạng xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc ở nước ta và dự báo xu hướng đó đến năm 2030; từ đó đề xuất giải pháp định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc. Xác định rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam nói riêng, trên thế giới nói chung. Đánh giá thực trạng biến đổi quan hệ dân tộc và tác động biến đổi quan hệ dân tộc đến đời sống chính trị - xã hội của đất nước; đánh giá chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta trong 30 năm đổi mới và làm rõ những vấn đề đặt ra. Trên cơ sở hệ thống tiêu chí về sự biến đổi của quan hệ dân tộc, phân tích thực trạng quan hệ dân tộc trên các lĩnh vực đời sống xã hội, theo các loại hình quan hệ dân tộc và trên các vùng lãnh thổ khác

nhau ở Việt Nam; từ đó có đánh giá khái quát về thực trạng quan hệ dân tộc và các vấn đề đặt ra trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 16367

74231. 03-2021 **Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đối với nước ta hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách/ GS. TS. Vũ Văn Hiền, PGS. TS. Bùi Đình Bôn; PGS. TS. Phan Trọng Hào; PGS. TS. Nguyễn Việt Thảo; GS. TS. Trương Giang Long; TS. Lê Thị Hồng Điệp; TS. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Vũ Thị Ninh Thương; ThS. Lê Anh Đức; CN. Phạm Thị Huyền - Hà Nội - Hội đồng lý luận Trung ương, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Cung cấp những luận cứ khoa học cho việc xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đối với nước ta; nêu bật tình hình mới, những vấn đề đặt ra. Đề xuất những định hướng chính sách ở tầm chiến lược, vĩ mô đúng đắn và khả thi để xử lý tốt và hiệu quả mối quan hệ này trong thời gian tới; nhằm cung cấp luận cứ khoa học phục vụ cho việc chuẩn bị văn kiện Đại hội XIII của Đảng ta.

Số hồ sơ lưu: 16375

76155. 03-2021 **Xu hướng liên kết, liên minh chính trị - an ninh trên thế giới từ sau 2009 đến 2030 và hàm ý chính sách cho Việt Nam/ ThS. Phạm Hồng Tiến, ThS. Đặng Hoàng Hà; TS. Nghiêm Tuấn Hùng; ThS. Nguyễn Hồng Nga; CN. Đào Việt Hưng; TS. Nguyễn Hồng Tâm;**

ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Nguyễn Thị Thúy; CN. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Phạm Thái Thanh - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện những động thái liên minh, liên kết chính trị - an ninh chủ yếu trên thế giới kể từ sau 2009. Tìm hiểu các phương thức liên minh, liên kết trong quan hệ chính trị - an ninh quốc tế đến 2030. Từ đó, đề xuất giải pháp chiến lược đối ngoại cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17032

76175. 03-2021 **Brexit và các tác động đến Việt Nam**/ PGS.TS. Đỗ Hương Lan, PGS.TS. Nguyễn An Hà; TS. Đỗ Tá Khánh; TS. Hoa Hữu Cường; ThS. Nguyễn Bích Thuận; ThS. Trần Đình Hưng; ThS. Bùi Việt Hưng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lý luận và thực tiễn về cơ sở pháp lý của Liên minh châu Âu trong việc xây dựng các cam kết, các nội dung liên kết trên ba trụ cột cộng đồng kinh tế, an ninh đối ngoại và tư pháp nội vụ. Tập trung luận giải về sự chia sẻ chủ quyền quốc gia của các nước thành viên với các thể chế siêu quốc gia cũng như quá trình hoạch định chính sách giữa Liên minh châu Âu với các quốc gia thành viên trong các trụ cột liên kết. Tìm hiểu những tác động của Brexit tới Vương quốc Anh và tìm hiểu tiến trình liên kết Liên minh châu Âu hậu Brexit. Phân tích, đánh giá, dự báo tác động của

Brexit tới Việt Nam và rút ra một số bài học kinh nghiệm cho ASEAN.

Số hồ sơ lưu: 17034

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

76076. 03-2021 **Nghiên cứu đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Ngọc Vân, TS. Trần Văn Ngợi; GS.TS. Trần Công Phong; PGS.TS. Nguyễn Minh Mẫn; PGS.TS. Lê Chi Mai; PGS.TS. Trần Thị Hà; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Vân; TS. Thang Văn Phúc; TS. Đinh Duy Hòa; TS. Dương Quang Tung; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền - Hà Nội - Viện khoa học tổ chức nhà nước, 2019 - 09/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận về hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Tìm hiểu về thực trạng hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ta để từ đó đưa ra các phương hướng, giải pháp đổi mới, hoàn thiện đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ta.

Số hồ sơ lưu: 16969

76092. 03-2021 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường cung ứng dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công cộng**/ CN. Khổng Thị Hường, CN. Nguyễn Vũ Hồng Thanh; CN. Phạm Ngọc Sơn;

CN. Trần Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Thanh Mai; CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Hoàng Mạnh Linh; KS. Lương Thị Thanh Mai; ThS. Chu Thế Tuấn - Hà Nội - Vụ Bưu chính, 2019 - 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết, tổng quan về hành chính công, dịch vụ công và dịch vụ hành chính công. Tìm hiểu thực trạng cung ứng dịch vụ hành chính công tại địa phương và việc tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công cộng. Từ đó, đề xuất các giải pháp, phương án tăng cường tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công cộng.

Số hồ sơ lưu: 16975

76114. 03-2021 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng cho các loại hình cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương.**/ CN. Nghiêm Thanh Hải, TS. Nguyễn Hoàng Linh; KS. Nguyễn Quốc Thủy; CN. Đỗ Thị Nga; CN. Nguyễn Thị Thu; CN. Đỗ Thanh Tùng; KS. Nguyễn Quang Hạnh; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; CN. Đoàn Thanh Thọ; CN. Nguyễn Tiến Trung - Hà Nội - Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, 2019 - 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phương án xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và các quy trình bắt buộc của tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015; các khuyến nghị, hướng dẫn áp dụng. Tiến hành hướng dẫn việc thu thập, rà soát,

thống nhất và hoàn chỉnh danh mục thủ tục hành chính phải áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Xây dựng, bổ sung mẫu quy trình giải quyết công việc cụ thể cho một số lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính tại ủy ban nhân dân cấp xã.

Số hồ sơ lưu: 17002

77009. 03-2021 **Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của Văn phòng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đến năm 2025/** TS. Bùi Sỹ Tuấn, TS. Đào Ngọc Phong; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Lan; ThS. Nguyễn Thanh Vân; ThS. Ngô Thị Hoa; CN. Nguyễn Thị Lan Anh; CN. Hoàng Thị Hoài An; CN. Vũ Thị Thu Hoài; CN. Trương Thị Nga; KS. Phạm Đức Hiệu - Hà Nội - Văn phòng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Tiến hành rà soát quy trình quản lý điều hành các hoạt động của Văn phòng Bộ và xây dựng quy trình, chỉ tiêu theo dõi, quản lý, điều hành các công việc của Văn phòng Bộ như: thống kê số lượng công việc, văn bản; tra cứu, theo dõi tiến độ thực hiện. Qua đó, đề xuất giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động của Văn phòng Bộ nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính.

Số hồ sơ lưu: 17407

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

76160. 03-2021 **Nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới/** PGS.TS. Trương Ngọc Nam, PGS.TS. Phạm Minh Sơn; PGS.TS. Lưu Văn An; PGS.TS. Nguyễn Văn Giang; PGS.TS. Trần Khắc Việt; PGS.TS. Lương Khắc Hiếu; PGS.TS. Đoàn Minh Huân; GS.TS. Nguyễn Văn Huyền; GS.TS. Trương Giang Long; TS. Trần Thị Hương - Hà Nội - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2020 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình mới. Khái quát nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam - những yếu tố tác động, thực trạng, nguyên nhân kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra. Mục tiêu, quan điểm và giải pháp đổi mới nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: 17011

507. Địa lý kinh tế và xã hội**50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

74230. 03-2021 **Nghiên cứu, dự báo triển vọng hợp tác thương mại Việt Nam – Israel trong bối cảnh mới/** CN. Tạ Thị Thanh Ngân, ThS. Hoàng Ngọc Oanh; CN. Vũ Quang Chiên; CN. Phạm Thị Hằng; CN. Ngô Thị Hằng; CN. Phan Thị Bé; CN. Trần Hữu Hương; CN. Hà Thị Oanh - Hà Nội - Trung tâm Thông tin Công

ngiệp và Thương mại, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Quan hệ thương mại Việt Nam – Israel và các chính sách phát triển thương mại của hai nước dành cho nhau. Các chính sách, định hướng phát triển quan hệ ngoại giao, thương mại giữa Việt Nam – Israel cho tương lai. Một số hiệp định thương mại song phương và đa phương có tác động đến quan hệ Việt Nam – Israel. Dự báo được triển vọng hợp tác quan hệ thương mại Việt Nam – Israel trong bối cảnh mới, từ đó đề xuất giải pháp chính sách phát triển quan hệ thương mại Việt Nam – Israel.

Số hồ sơ lưu: 16374

76144. 03-2021 **Du ký các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX (Nhìn từ hệ vấn đề chủ quyền - lịch sử - văn hóa)/** PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn, TS. Đỗ Thị Thu Huyền; PGS.TS. Vũ Thanh; TS. Phạm Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Đức Mậu; ThS. Nguyễn Thị Kim Nhạn; ThS. Phạm Thị Thúy Vinh; ThS. Trịnh Minh Nguyệt - Hà Nội - Văn phòng, 2020 - 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu tiền đề ý thức chủ quyền, cơ sở văn hóa - xã hội của sự hình thành thể tài du ký các vùng biển đảo Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Nghiên cứu quá trình phát triển thể tài du ký về vấn đề ý thức chủ quyền các vùng biển đảo Việt Nam trong thời kỳ này. Tìm hiểu các phương diện ý thức chủ quyền, lịch sử, văn hóa, xã hội và du lịch cũng như việc đánh giá vai trò chủ thể tác giả và đặc tính hỗn dung

thể loại trong việc hình thành giá trị sử dụng của loại du ký các vùng biển đảo Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Số hồ sơ lưu: 17030

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

76612. 03-2021 **Thiết kế đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp đưa vào quản lý trong thực tế/** ThS. KTS. Đỗ Nguyên Phong, TS.KTS. Trương Thái Hoài An; Ths.KTS. Lê Thị Bích Ngọc; Ths.KTS. Phạm Quang Hân; Ths.KTS. Nguyễn Trần Thanh Duy; KTS. Trần Thiện Thanh; KTS. Lý Thiên Ngân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2019 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá lại sự tham gia của thiết kế đô thị trong hệ thống quy hoạch Việt Nam qua các giai đoạn và tổng quan đồ án thiết kế đô thị của thành phố Hồ Chí Minh. Nhận diện tính hợp lý của quy trình thực hiện công tác lập - thẩm định - phê duyệt và thực thi sau phê duyệt, từ đó điều chỉnh quy trình phù hợp với điều kiện thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Xây dựng các cơ sở khoa học và bài học kinh nghiệm được đúc kết qua các đô thị phát triển trên thế giới. Thể hiện rõ quan điểm thiết kế đô thị là để thực thi và thúc đẩy sự phát triển. Việc lập đồ án dựa theo mục tiêu cụ thể là cần thiết. Các hướng dẫn thiết kế và quy định thiết kế được hướng dẫn và quy định rất rõ để giúp cho nhà quản lý, tư vấn, chủ đầu tư và cộng đồng có thể thực hiện.

Số hồ sơ lưu: HCM-098-2020

50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải

76068. 03-2021 **Nghiên cứu xây dựng, đề xuất mô hình Logistics kết nối giữa Cảng Hải Phòng với các Trung tâm Logistics khu vực phía Bắc Việt Nam/** PGS. TS. Dương Văn Bảo, TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng; TS. Bùi Thị Thanh Nga; TS. Phạm Thị Yên; ThS. Hoàng Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Lê Hằng - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2019 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các cơ sở lý luận về logistics và kết nối giữa các trung tâm logistics với cảng biển bằng các hệ thống vận tải và vận tải thủy nội địa. Đánh giá thực trạng kết nối giữa các hệ thống vận tải đường bộ, đường sắt và thủy nội địa với cảng Hải Phòng với các Trung tâm logistics khu vực kinh tế phía Bắc Việt Nam. Tiến hành nghiên cứu xây dựng và đề xuất mô hình logistics kết nối giữa cảng Hải Phòng với các trung tâm logistics khu vực kinh tế phía Bắc Việt Nam bằng phương thức vận tải đa phương thức, lấy phương thức vận chuyển hàng hoá bằng đường thủy nội địa là nòng cốt, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm đưa mô hình áp dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16963

599. Khoa học xã hội khác

77998. 03-2021 **Xây dựng mô hình bảo tồn và khai thác các tài sản trí tuệ trong lĩnh vực ẩm thực Bình Thuận (Bánh canh chả cá, bánh căn, lẩu thả) và đặc sản quà**

tặng (nước mắm Phan Thiết, mực một nắng, thanh long) nhằm thúc đẩy phát triển du lịch Bình Thuận/ Mai Thanh Nga, TS.La Nữ Ánh Vân; Trần Thị Minh Thảo; Võ Đức Nhân; Trần Thị Huyền Trang; Đào Dương Tấn Toại; Ngô Thị Thái; Trần Thị Diệu Huyền. - - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH-CN Bình Thuận, 2020 - 03/2016 - 02/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu diện mạo tổng quát về đặc sản của Bình Thuận đã được công nhận, từ lịch sử, nguồn gốc, cách chế biến/trồng trọt. Định vị các địa điểm (chế biến, sản xuất, kinh doanh) có các đặc sản đặc trưng lâu đời, mang bản sắc hương vị Bình Thuận và xây dựng bản đồ đặc sản ở Bình Thuận để giới thiệu với du khách, góp phần vào việc phát triển du lịch ở Bình Thuận. Hình thành khu vực kinh doanh tập trung một số sản phẩm và hỗ trợ xây dựng mô hình kinh doanh và bảo tồn các giá trị đặc sản đặc trưng cho một số cơ sở, địa chỉ lâu năm có các đặc sản đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, chất lượng để phát triển thương hiệu. Xây dựng chương trình quảng bá đặc sản phục vụ du lịch ở Bình Thuận thông qua hội thảo, hội chợ ẩm thực, đặc sản quà tặng, phát hành ấn phẩm (*sổ tay ẩm thực, brochure...*). Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về giá trị thương hiệu, tài sản trí tuệ cho các cơ sở kinh doanh, sản xuất cho các đối tượng là người sản xuất, kinh doanh đặc sản nhằm bảo tồn và khai thác giá trị tài sản trí tuệ của các đặc sản. Đề xuất một số giải pháp để giúp cho việc khai

thác các đặc sản phục vụ cho phát triển du lịch tại Bình Thuận.

Số hồ sơ lưu: BTN-2020-006

6. Khoa học nhân văn

78035. 03-2021 **Sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa Hán Nôm tỉnh Đồng Tháp.**/ PGS.TS. Lê Giang, PGS.TS. Lê Giang; PGS.TS. Lê Quang Trường; TS. Nguyễn Ngọc Quận; TS. Nguyễn Đông Triều; ThS. Nguyễn Văn Hoài; TS. Phan Mạnh Hùng; TS. Đỗ Thị Hà Thơ; ThS. Tạ Đức Tú; ThS. Lê Văn Dũng; ThS. Phan Nguyễn Kiến Nam - - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh., 2017 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mấy năm gần đây, nhiều tỉnh đã chú ý đến công tác quản lý bảo tồn các tư liệu Hán Nôm, đặc biệt là mảng tư liệu Hán Nôm tại các đình chùa lăng miếu cùng với việc bảo tồn và xét cấp các di tích kiến trúc lịch sử tại địa bàn. Nhưng bên cạnh đó, nhiều nơi không chú ý đến công tác bảo tồn và trùng tu đã kéo theo những hệ quả không mấy tốt đẹp. Đó là việc xây dựng trùng tu nhưng không theo kiểu cũ một cách vô tình hoặc cố tình, làm mới hoặc thay đổi các vốn tư liệu Hán Nôm sẵn có, khiến chúng trở thành những con chữ nguệch ngoạc, mất tính thẩm mỹ, sai lệch nội dung. Trước tình hình này, đề tài “Sưu tầm, nghiên cứu di sản văn hóa Hán Nôm tỉnh Đồng Tháp” được tỉnh Đồng Tháp phê duyệt thực hiện chứng tỏ sự quan tâm đúng hướng của lãnh đạo Tỉnh đối với công tác bảo tồn và phát huy di sản Hán Nôm nói riêng và văn

hoá truyền thống nói chung tại địa phương. Vì 4 thế, thực hiện đề tài không ngoài các mục tiêu nhìn lại công tác sưu tầm tư liệu Hán Nôm tại các cơ sở di tích, thống kê, phiên dịch và bước đầu tiến hành nghiên cứu một vài khía cạnh mà số tư liệu Hán Nôm này đã phản ánh, qua đó cho thấy một vài nét văn hoá, hay những nét cốt lõi lịch sử của địa phương từ số tư liệu Hán Nôm điền dã này. Đồng thời tiến tới việc biên soạn một tuyển tập tư liệu Hán Nôm tại đình chùa lăng miếu ở Đồng Tháp để phục vụ độc giả công chúng gần xa.

Số hồ sơ lưu: DTP-2020-005

601. Lịch sử và khảo cổ học

60103. Khảo cổ học và tiền sử

77359. 03-2021 **Trống đồng loại II Heger ở Việt Nam: Kế thừa từ trống loại I Heger (Trống Đông Sơn) và quá trình phát triển/** GS.TS. Trịnh Sinh, PGS.TS. Bùi Văn Liêm; TS. Ngô Thị Lan; ThS. Hoàng Thúy Quỳnh; ThS. Nguyễn Ngọc Quý; CN. Nguyễn Thị Hảo; CN. Nguyễn Thơ Đình - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2017 - 12/2014 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành điền dã điều tra và thu thập tư liệu về trống loại II Heger từ các tỉnh thành có nhiều trống đồng như Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An... Từ khối tư liệu về trống đồng loại II hết sức phong phú lên đến hàng trăm chiếc tiến hành phân loại và định niên đại chúng dựa trên các tiêu chí hoa văn trang trí trên trống, kiểu dáng trống và kỹ thuật đúc trống.

Số hồ sơ lưu: 17561

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

74227. 03-2021 **Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1884/** PGS. TS. Nguyễn Đức Nhuận, TS. Lê Quang Chấn; TS. Ngô Vũ Hải Hằng; ThS. Nguyễn Văn Bảo; TS. Lê Thùy Linh; ThS. Đinh Thị Hải Đường; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Viện Sử học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quá trình hình thành phát triển của mạng lưới giao thông, vận tải Việt Nam trong thời trung đại. Vai trò của hệ thống giao thông, vận tải đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước cũng như phát triển kinh tế, xã hội. Đặc biệt nghiên cứu quá trình các tuyến giao thông gắn liền với các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm thời trung đại. Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi sự hình thành mạng lưới giao thông vận tải thời trung đại. Sự hình thành và phát triển của mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy. Vai trò của mạng lưới giao thông vận tải trong tiến trình dựng nước (xây dựng, phát triển kinh tế, mở rộng giao lưu văn hoá, kinh tế giữa các vùng miền trong cả nước và các quốc gia lân cận), đấu tranh bảo vệ đất nước trước các cuộc xâm lược của ngoại bang (ở phía Bắc và phía Nam)

Số hồ sơ lưu: 16372

74228. 03-2021 **Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954/** TS. Lương Thị Hồng, ThS. Nguyễn Thị Dung Huyền; ThS. Ngô Hoàng Nam; ThS. Phạm Thị Vượng - Hà Nội - Viện Sử

học, 2019 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích chủ trương của Đảng về giao thông vận tải trong kháng chiến chống Pháp; Trình bày sự hình thành và phát triển của hệ thống đường bộ, đường thủy, đường sắt trên các khía cạnh tổ chức, cán bộ nhân viên; cơ sở vật chất; phương tiện giao thông vận tải; hình thức vận tải; chất lượng giao thông vận tải. Phân tích và trình bày nội dung về chính sách, về quá trình xây dựng, phát triển của giao thông vận tải trong vùng Pháp chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1954 trên các lĩnh vực: Đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không từ tổ chức, cán bộ nhân viên đến cơ sở vật chất; phương tiện giao thông vận tải; hình thức vận tải; chất lượng giao thông vận tải...

Số hồ sơ lưu: 16373

602. Ngôn ngữ học và văn học

60206. Nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác

76121. 03-2021 Tiếp cận tiểu thuyết Anh ngữ Ấn Độ hiện đại từ lí thuyết văn học và dân tộc/ TS. Phạm Phương Chi, TS. Lê Thị Dương; TS. Phùng Ngọc Kiên; TS. Trần Ngọc Hiếu; TS. Nguyễn Phương Liên; TS. Nguyễn Thị Diệu Linh - Hà Nội - Viện Văn học, 2019 - 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát và phân tích sự tiếp nhận văn học Ấn Độ ở Việt Nam kể từ thời Pháp thuộc cho đến hiện tại. Tìm hiểu văn học và tiểu thuyết Anh ngữ ở Ấn Độ như là những biểu thị

mang tính văn hóa, văn học của dân tộc Ấn Độ. Phân tích sự hình thành khái niệm “văn học Ấn Độ” và tìm hiểu lí do lịch sử của việc tiếp cận văn học Anh ngữ Ấn Độ liên quan đến vấn đề dân tộc. Đồng thời phân tích các tiểu thuyết Anh ngữ hiện đại tiêu biểu của Ấn Độ.

Số hồ sơ lưu: 17025

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

77106. 03-2021 Văn hóa Việt Nam trong phát triển bền vững/ PGS.TS. Trần Thị An, GS.TS. Hồ Sĩ Quý; GS.TS. Lê Hồng Lý; PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp; ThS. Đặng Ngọc Đức - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2018 - 06/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng của văn hóa và việc phát huy vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững giai đoạn qua. Đề xuất giải pháp tăng cường vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 16974

603. Triết học, đạo đức học và tôn giáo

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

74226. 03-2021 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng đề án tăng cường năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia NQI (National Quality Infrastructure) nhằm tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế/ ThS. Lê Thị Thúy Sâm, CN. Trần Thị

Thúy Hà; ThS. Trần Quý Giàu; ThS. Nguyễn Hùng Điệp; ThS. Cao Việt Bách; CN. Nghiêm Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Văn Khôi; CN. Trần Duy Tài; CN. Phạm Thị Đào Anh - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2019 - 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng đề án tăng cường năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia thông qua các giải pháp về số hóa trong đo lường, về tiêu chuẩn, về đánh giá sự phù hợp nhằm tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế. Xây dựng nhóm tiêu chuẩn khung về một số lĩnh vực, nhóm ngành, nghề theo xu hướng tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Phổ biến và áp dụng các tiêu chuẩn mới để tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Số hồ sơ lưu: 16352

78120. 03-2021 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp ở Việt Nam/** PGS.TS. Đào Thị Ái Thi, ThS. Dương Thanh Phong; ThS. Trần Thị Kim Oanh; PGS.TS. Lê Xuân Quế; ThS. Tạ Quang Trung; TS. Chu Văn Thắng; ThS. Đào Thị Hương Trà; ThS. Nguyễn Xuân Thắng; CN. Dương Thanh Phúc; ThS. Lê Thanh Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 06/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong các cơ quan

nhà nước và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho các doanh nghiệp Việt Nam. Phân tích thực trạng và nguyên nhân có tác động đến văn hóa đổi mới sáng tạo trong các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho các doanh nghiệp Việt Nam. Kiến nghị một số giải pháp phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 17892

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá

nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại trang thông tin điện tử: <http://dangkykqnv.vista.gov.vn/>;
- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;
- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Phiếu đăng ký để rời, đóng dấu giáp lai nếu 2 tờ, không đóng vào báo cáo tổng hợp).
- 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức), báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông (in tên chủ nhiệm vụ, và mã số nhiệm vụ), trên trang bìa lót bên trong có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.
- 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (file hoàn chỉnh, không tách riêng các file chương, mục,...); 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.
- 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (biên bản không đóng kèm vào báo cáo tổng hợp); văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKH-CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: dangky@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*